

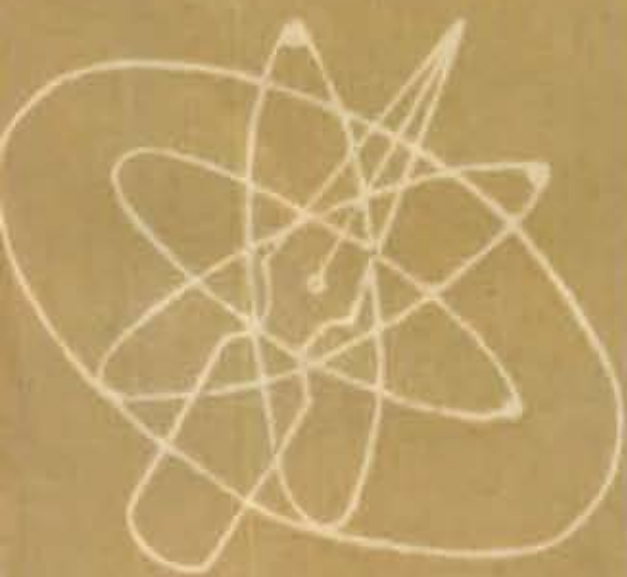
SỐ 5 NGÀY 15 - 3 - 1965

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm thứ chín

PHẠM LƯƠNG GIANG Việt Nam với Hội nghị
Á Phi sắp tới * GIẢN CHI và NGUYỄN HIỂN LÊ
sự phát triển của triết học Trung Hoa trong thời đại
Tiên Tần * NHẤT HẠNH đạo Phật trong lãnh vực
văn học nghệ thuật * NGUYỄN PHƯƠNG lịch sử
Lạc Việt : từ Hùng Vương ra Lạc Vương * TUỆ
TRUNG chuyện sáu vị thuyền sư * VŨ BẢO phòng
văn Mao Trạch Đông * VÕ HỒNG dấu chân sa mạc *
THANH TÂM TUYỀN cát lầy * NGUYỄN NGU Í sống và
viết với Bình Nguyên Lộc * **SINH HOẠT** : TRĂNG
THIÊN một cuốn hồi ký của
Ehrenbourg * THỂ NHÂN
thời cuộc trong 15 ngày qua



197

Thanh thoát

Fine
Dịu dàng

Racée
Tonique

NƯỚC HOA
NGÔI SAO
EAU
DE
COLOGNE
"L'ÉTOILE"



DESORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S^{TE} F^{ME} DES DISTILLERIES DE L'É.C. DiC

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
en vérifiant que la capsule inviolable
que comportent les bouteilles
d'origine sous leur bouchon à
vis est bien en place



NƯỚC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIÀ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
mua quý ngài nên đề dặt kiểm
soát lại nắp chì giữa gian
bọc ở miệng chai chính gốc
nằm phía trong nắp vặn
đỉnh ốc còn nguyên vẹn.

DiC



BÁCH KHOA

THỜI ĐẠI *trong số này*

Số 197 ngày 15 - 3 - 1965

PHẠM LƯƠNG GIANG	<i>Việt Nam với hội nghị Á Phi đã qua và sắp tới</i>	3
GIẢN CHI và NGUYỄN HIỂN LÊ	<i>sự phát triển của Triết học Trung-Hoa trong thời đại Tiên Tần (II)</i>	11
NHẤT HẠNH	<i>đạo Phật trong lãnh vực Văn học Nghệ-thuật</i>	19
NGUYỄN PHƯƠNG	<i>lịch sử Lạc Việt : từ Hùng Vương ra Lạc Vương</i>	27
TUỆ TRUNG	<i>chuyện 6 vị thuyền sư : Ngài Phó Đại sĩ và Vô Trứ Văn Hỉ Thuyền sư</i>	36
VŨ BẢO	<i>phỏng vấn Mao-Trạch-Đông</i>	42
VÕ HỒNG	<i>dấu chân sa mạc (truyện 2 kỳ)</i>	55
THANH TÂM TUYỀN	<i>cát lầy (truyện dài)</i>	67
NGUYỄN NGU Í	<i>sống và viết với Bình-Nguyên-Lộc (II)</i>	72
SINH HOẠT		
TRÀNG THIÊN	<i>một cuốn hồi ký của Ehrenbourg</i>	79
THẾ NHÂN	<i>thời cuộc trong 15 ngày qua</i>	85

BÁCH-KHOA

THỜI-ĐẠI *trong những số tới*

V.N.C.H. và hội-nghị nhân dân
Đông-Dương tại Pnom-Penh

PHẠM-LƯƠNG-GIANG

Hội nghị tháng Ba tại Nga-sô

VŨ-BẢO

Winston Churchill, cuộc đời và sự nghiệp

ĐOÀN-THÊM

Mặc-Tử

GIẢN CHI và
NGUYỄN-HIỂN-LÊ

Lạc-Việt với các dân lân cận

NGUYỄN-PHƯƠNG

Đọc cuốn « Hiệu-Chú Bích-Câu-Kỳ-
Ngô » của Ô. Hoàng-Xuân-Hãn

TẠ-TRỌNG-HIỆP

Nhạc Jazz

TRẦN-VĂN-KHÊ

Đời sống ngày mai

VŨ-QUANG-YẾN

Sống và viết với Lê-Ngọc-Trụ

NGUYỄN-NGU-Í

Một ngày của Ivan (Dịch A. Soljénitsyne)

NGUYỄN-MINH-HOÀNG

Đường về (truyện ngắn)

Y-UYÊN

Chỗ của Huệ (truyện ngắn)

DOÃN-DÂN

Tóc mai nghìn xưa (truyện ngắn)

TÚY-HỒNG

TỪ BANDO ENG 1955

TỚI ALGER 1965 :

Việt-Nam với Hội-nghị Á-Phi : đã qua và sắp tới

• PHẠM-LƯƠNG-GIANG

1.

NẾU không có chi thay đổi vào giờ chót, thì Hội nghị Á Phi kỳ 2 sẽ họp tại Alger, khoảng cuối tháng 6 hay đầu tháng 7-1965. Trong bài trước (1), chúng ta đã có dịp phân tích vấn đề, đề đi đến một nhận xét, hay đúng ra, một hy vọng về tương lai nền ngoại giao VN đối với các nước Á Phi.

Bài này chỉ là tiếp tục cho đề tài đã được bàn luận trong bài trước. Và căn cứ vào những yếu tố đã trình bày, chúng ta có thể đi ngay đến kết luận, là : dù với bất cứ giá nào, và dưới bất cứ hình thức nào, VNCH cần có mặt tại Hội nghị Á-Phi kỳ 2 sắp tới.

Với những vụ oanh tạc tự vệ trả đũa Bắc Việt vừa qua, VNCH đã khởi

sự một chiến dịch quân sự. Và kế hoạch chung muốn có hiệu quả, cần một chiến dịch chánh trị, một « tấn công ngoại giao », đi theo, hay đi cùng một lúc.

2.

TRƯỚC hết, Hội nghị Á-Phi mục đích như sao ? Đã họp bao nhiêu lần, và kỳ tới là kỳ thứ mấy ?

Cho đến khi đệ nhị thể chiến kết liễu, chúng ta không hề nghe nói tới một Hội nghị quốc tế nào chọn một thủ đô Á Phi làm nơi họp, nhất là Hội nghị đó lại do các quốc gia Á Phi giữ vai chủ động, bàn về các vấn đề liên

(1) « Ngoại giao VN và các nước Á Phi », Bách Khoa số 196 trang 3

quan mật thiết tới tương lai chánh trị và kinh tế của chính mình, cùng là mối tương quan với các quốc gia Âu Mỹ.

Những Hội nghị quốc tế trước đệ nhất thế chiến, — và nhất là trước đệ nhất thế chiến — đều lấy tên Paris, Versailles, Londres, ... do mấy cường quốc Âu Mỹ triệu tập để quyết định về tương lai cho chính họ đã đánh, mà thường khi còn chia vùng ảnh hưởng, định đoạt số phận sống còn cho các « tiểu nhược quốc » mà tối đại đa số là các nước Á Phi !

Tháng 4 năm 1955, lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, chừng 30 (1) quốc gia Á Phi họp nhau tại Bandoeng (Nam Dương), theo lời hiệu triệu của các nước : Ấn Độ, Hồi Quốc, Tích Lan, Miến Điện và Nam Dương (tức Indonesia). Có thể nói là tối đại đa số các quốc gia này đều mới được giải phóng từ sau năm 1945, nghĩa là sau và nhờ ở cuộc thế chiến !

Đó là Hội nghị Á Phi kỳ đầu thành tựu do sáng kiến và hoạt động sốt sắng của Nam Dương. Sáng kiến và hoạt động sốt sắng đó nhằm triệu tập Hội nghị Á Phi năm 1955, không phải do ngẫu nhiên mà có : chúng bắt nguồn từ những kinh nghiệm bản thân, những nỗi niềm chua xót mà Nam Dương đã ngậm ngùi đau đớn chịu đựng qua gần ba thế kỷ sống dưới nền thống trị của Hà Lan ! Hơn nữa, dân tộc Nam Dương không hề quên và cũng không thể tha thứ cách thức mà Hà Lan đã miễn cưỡng trao trả độc lập cho Nam Dương, sau một thời gian quá dài chờ

đợi, cùng là một chuỗi giai đoạn dụt dề mà tách cách thiếu thiện chí của Hà Lan đã làm dư luận giới thức giả toàn cầu suy ngẫm và công phần.

Cứ kể ra, về phía Hà-Lan, thái độ đó tuy không thức thời và không thể tha thứ, nhưng thực dễ hiểu. Tất cả phồn thịnh và hùng cường của Hà Lan cho tới trước trận thế chiến thứ nhì, là nhờ ở thuộc địa Nam-Dương. Hà Lan diện tích 33.000 cây số vuông, với 6 triệu dân (2), làm chủ nhân ông một thuộc quốc như Nam Dương diện tích 2 triệu cây số vuông với 60 triệu dân (2) (nghĩa là 60 lần và 10 lần hơn chánh quốc) : hãy hỏi làm sao có thể dễ dàng sáng suốt và can đảm nhất đán tình nguyện từ khước các quyền lợi lớn lao như vậy ? Đã thế, ta không nên quên Nam Dương còn là một kho nguyên liệu phong phú trong hiện tại, vô tận trong tương lai : cà phê, ca-cao, dầu dừa, v.v. . Ấy là chưa kể Nam Dương xếp hàng đầu về cao su, và sản xuất 1/5 số thiếc trên thế giới.

Về phía Nam Dương (3) lên tiếng triệu tập Hội nghị Á Phi kỳ đầu, thái độ riêng đối với nguyên « mẫu quốc » cũng không kém phần dễ hiểu. Rất có thể Nam Dương chỉ say sưa với hủ rượu mạnh thành công tự ái qua nền độc lập mới văn hồi, với những kế hoạch tổ chức đời sống quốc gia theo một nếp khác trước, những hoài bão

(1) đúng ra là 29 nước.

(2) Những con số căn cứ theo thống kê năm 1959.

(3) Năm 1961, tên xứ được chánh thức đổi là Indonesia.

khai sinh cho một nền trật tự mới, đồng thời ghi dấu cho một « tân sinh quan » đối với các nguyên « chánh quốc », không phải cho riêng mình mà còn cho hết thảy các quốc gia đồng cảnh ngộ. Nhưng cũng rất có thể, trong hoạt động của mình khởi sống đời quốc tế, Nam Dương còn muốn đòi lại những cái gì có thể đòi lại được ; và luôn thể rửa hận, phục thù đối với Hà Lan đã xử với mình quá phũ phàng, từ ba thế kỷ ! Người Nam Dương còn lâu lắm mới có thể quên, ví dụ tên Van Den Bosch, người đã « phát minh » và triệt đề thi hành chánh sách « thuộc địa là để phụng sự mẫu quốc », và áp dụng một cách sống sượng biện pháp « không thể nói chuyện với dân bản xứ bằng gì khác và hơn là doi vọt ! » « Dân bản xứ » nguyên thủy dùng để chỉ người sinh trưởng tại một địa phương, ví dụ Van Den Bosch là dân bản xứ khi nói về Hà Lan, thì vì và nhờ ở những nhân vật như Van Den Bosch mà danh từ trở nên nặng mầu kỳ thị, không làm vinh dự cho người khai sinh cho danh từ cũng như người bị danh từ chỉ định.

Tháng 4-1955, mặc dù còn đang bận giải quyết những mâu thuẫn và khó khăn nội bộ (1), VNCH cũng gửi một phái đoàn hùng hậu sang Nam Dương tham dự. Hội nghị họp tại Bandoeng, một đô thị ở phía tây đảo Java, trên dãy núi Préanger độ cao 715 thước. Các Thủ Tướng, Tổng Trưởng — trong số có J. Nehru và Chu Ân Lai — tới họp đông đảo ; và sau bao nhiêu thế kỷ khiếm diện, hay hiện diện nhưng thụ động, nhân các buổi họp mặt quốc tế, đây là lần đầu các dân tộc Á Phi kết

đoàn, lên tiếng.. Theo nhận xét của một ký giả Tây phương, Hội nghị đã là một lời cảnh cáo của các dân tộc nguyên bị trị gửi các dân tộc nguyên thống trị, hay là của các dân tộc da màu gửi các dân tộc da trắng... Phái đoàn VNCH khi đó gồm các ông : Vũ Văn-Mẫu, Nguyễn-Hữu-Châu, Vũ-Quốc-Thông, Vũ-Quốc-Thúc, Nguyễn-Văn-Thoại... và nhiều vị khác. Ông Hoàng-Thúc-Đàm giữ nhiệm vụ Tổng Thư Ký phái đoàn. Sau nhiều ngày trao đổi ý kiến, Hội nghị đã đi đến các khuyến cáo và kết luận như sau :

— đặt nguyên tắc hợp tác chặt chẽ giữa các quốc gia Á Phi ;

— lên án các chánh sách đế quốc và kỳ thị chủng tộc ;

— xác nhận bốn phận các nước lớn và mạnh giúp đỡ các nước nhỏ và yếu, hầu sớm chấm dứt tình trạng chậm tiến trên thế giới.

Và Hội nghị Á Phi kỳ 1 đã bế mạc trong một niềm hân hoan, đầy hy vọng.

3.

10 năm qua. Các sự kiện chánh trị tiếp diễn trên thế giới đã reo vào lòng người quan sát Á Phi những cảm nghĩ phức tạp. Mặc dù vẫn hy vọng ở tương lai, chúng ta không khỏi buồn rầu trước một vài nứt rạn đó xảy ra.

Hồi-Quốc và Ấn-Độ vẫn mâu-thuẫn ; Trung-Cộng và Ấn-Độ đang xung đột ; Nam-Dương và Đại Mã-lai-Á, VNCH và Vương-quốc Cambodge, đã đoạn giao..

(1) Vấn đề các giáo phái.

Ngoài ra, « Đoàn-thể » Á-Phi còn chia thành nhiều khối, nhóm : « tả », « hữu », « trung-lập », « không tham khối », và có lẽ một ngày không xa, còn... « siêu-lập » nữa ! Rồi, giữa khi đó và như đã dự-định, người ta đề cập đến Hội-nghị Á-Phi kỳ Hai sẽ được triệu tập vào năm 1965, nghĩa là mười năm sau Hội-nghị Á-Phi kỳ Một.

Đề dọn đường cho Hội-nghị Á-Phi kỳ Hai (1), Nam-Dương tổ chức hội-hợp sơ bộ tại Djakarta, từ 10 tới 15 tháng 4, 1964, với sự tham gia của 22 nước Á-Phi:

— Afganistan, Algeria, Cambodia, Cameroun, Tích-Lan, Trung-Cộng, Ethiopia, Ghana, Guinea, Ấn-Độ, Indonesia, Iran, Iraq, Liberia, Morocco, Nepal, Pakistan, Phi-Luật-Tân, Syria, Tanganyika, Turkey, Cộng-Hòa Á-Rập Thống Nhất.

Bản thông cáo chung ngày 15-4-1964 có ghi rõ những đặc điểm quan trọng sau đây về Hội nghị kỳ 2 :

— Kỳ I, Hội-nghị đã tổ chức tại Á-Châu ; kỳ 2, quan trọng hơn, Hội nghị sẽ tổ chức tại Phi-Châu, với cấp bậc Quốc-trưởng (2) hay Thủ-Tướng.

— Ngoài những quốc gia đã tham dự Hội-nghị kỳ I, ban tổ chức sẽ mời thêm các quốc gia mới độc lập sau năm 1955.

— Sẽ đặc biệt đặt trọng tâm vào các vấn đề khuếch trương và cộng tác kinh-tế, ngoài các vấn đề chánh trị đã được đề cập : củng cố tình hữu nghị và trao đổi kinh nghiệm, chống kỳ thị chủng tộc, chống thí nghiệm vũ khí nguyên tử, chống mọi chánh sách đế quốc, thực dân...

Sau nhiều lần trì hoãn, Hội-nghị Á-Phi kỳ Hai rất có hy vọng sẽ được tổ chức tại Alger, cuối tháng 6 hay đầu tháng 7-1965. Và đặc biệt của Hội nghị sắp tới là ngoài các nước Á-Phi đã tham dự Hội nghị kỳ I (3), các nước mới độc lập sau năm 1955, ban tổ chức còn dự định sẽ mời thêm :

a) một số nước đã độc lập từ trước năm 1955 nhưng vì một lẽ riêng đã không tham dự Hội nghị kỳ I ;

b) các đoàn thể, phong trào, Á-Phi, tuy chưa độc lập nhưng đã được Tổ chức Thống nhất Phi-Châu công nhận (4).

c) Nga-sô, mặc dầu Nga-sô không phải là Á, mà cũng chẳng phải là Phi. Vấn đề này sẽ được quyết định sau.

d) Đại Mã-Lai-Á (5), nhưng còn cần điều kiện tiên quyết san bằng những trở ngại khiến ban tổ chức có thể mời Đại Mã-Lai-Á tham dự.

xxx

4. Như đã trình bày ở phần đầu, Hội nghị Á-Phi kỳ Hai, nếu không có gì

(1) Trước đây dự định vào lối 10 tháng 3-1965, nhưng sau trì hoãn tới giữa 1965.

(2) Nếu Quốc-trưởng kiêm điều khiển trực tiếp cơ quan hành pháp.

(3) Trong số đó có VNCH.

(4) Xin xem Bách-khoa số trước.

(5) Trước tháng 9-1963, Mã-Lai gồm 11 tiểu bang. Từ tháng 9-1963, tên nước đổi lại là Mã-Lai-Á (Malaysia), gồm thêm Singapore, Sabah (nghĩa là Bắc Bornéo), và Sarawak ; tổng cộng 14 tiểu bang.

Vì sự thay đổi này, Malaysia — Indonesia đã xung khắc, đoạn giao, và đưa nội vụ ra trước Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc.

Xin xem Bách khoa số 187.

thay đổi giờ chót, sẽ được triệu tập tại Alger khoảng cuối tháng 6-1965. Và dù với bất cứ giá nào, dưới bất cứ hình thức nào, V.N.C.H. cần phải có mặt, vì quyền lợi và uy-tín quốc gia.

Sự tham gia đó ảnh hưởng và quan hệ tới mức nào, chúng ta đã có dịp nhận chân trong số Bách Khoa trước, bài : "Ngoại giao VNCH và các nước Á-Phi".

VNCH không những có bốn phần tham dự Hội-nghị Á-Phi kỳ Hai, mà còn cả Hội nghị các Tổng Trưởng Ngoại giao Á-Phi được triệu tập ngay mấy ngày trước đó, cũng tại Alger.

Nhưng quan niệm VNCH có bốn phần tham dự là một vấn đề ; mà một vấn đề khác quan trọng nhiều hơn nữa, là phải ngay từ bây giờ, hình dung những khó khăn sẽ phải đương đầu, đề nhân đó, nghiên cứu chương trình, sưu tầm tài-liệu, thành lập phái đoàn, sao cho có thể mang thắng lợi, hay ít ra, tránh thất bại cho đất nước.

a) Hội nghị tổ chức tại Alger, thì lẽ dĩ nhiên phái đoàn ta rồi đây có được tiếp đón nồng hậu hay không, trong thực tế có được dành ít hay nhiều dễ dãi, là do tình bang giao giữa VNCH và chánh phủ Algérie thuận thảo hay căng thẳng. Về điểm này, ta phải nhớ rằng Alger giao thiệp rất mật thiết với Hà Nội ; và trong công cuộc tranh đấu giành độc lập, "Phong trào giải phóng Algérie" trước đây đã thụ ân Việt-Cộng và Cambodge rất nhiều (1) ! Mà Cambodge thì không phải là bạn của VNCH !

b) Giữa Algérie và VNCH không có liên lạc ngoại giao. Chánh phủ Algérie

không có nhiều thiện cảm với VNCH. Chúng ta cũng nên thận trọng, lo xa, và phòng hờ những biến cố (2). Có lần, những sự kiện hãn hữu, kém thanh lịch, đã xảy ra ! Tại một thủ đô kia mệnh danh là "trung lập", nhân một cuộc hội nghị quốc tế, một quốc kỳ khởi Tự do đã bị dân chúng « tự động » hạ bỏ. Phái đoàn phải dùng hết thấy biện pháp, ngoại giao có, điều đình có, mà... võ lực cũng có, đề trưng lại quốc kỳ ! Phái đoàn còn gặp mọi khó khăn không thể tưởng tượng trong một quốc gia độc lập tự nhận là đã trưởng thành, trong một thế giới nguyên tử, về các vấn đề xã giao và tổ chức : hộp báo điện thoại, in và phát tài liệu... Nói tóm lại, đề đề phòng những bất trắc, phái đoàn cần phải đông đảo, « văn » có, mà « võ » cũng có, để khả dĩ đối phó với mọi tình trạng và biến cố.

c) Trong khối Á-Phi, có một số nước không thuận thảo với ta. Tình trạng một phần là do thế giới hiện nay phân chia làm nhiều phe, nhóm, khối ; nhưng chúng ta cũng nên đủ sáng suốt, khách quan và can đảm, đề công nhận là từ mấy năm nay, tình trạng thảm thương kia

(1) Trong thời gian Algérie tranh đấu giành độc lập, có nhân vật đã đề nghị ta nên giúp phong trào giải phóng Algérie 50.000 Mỹ kim. VNCH một mặt đồng ý trên nguyên tắc, một mặt khác lại e ngại như vậy sẽ phật lòng chánh phủ Pháp. Sau cùng, VNCH đã áp dụng một biện pháp chiết-trung : giúp các dân tản cư, di cư Algérie 10.000 tấn gạo, qua trung gian của Hồng Thập Tự quốc tế. Kết quả là Algérie sau này lãnh đạm với ta cũng một phần nào bất bình và công phần.

(2) Nếu Hội nghị triệu tập tại Le Caire hay nhất là Addis-Abeba, phái đoàn chắc được an-ninh hơn, và dễ làm việc hơn.

còn bắt nguồn từ nhiều yếu tố khác, do chính ta đã tạo nên từ nội bộ ! Do đó, những nhược điểm của ta thật... phong phú :

- Khủng hoảng, rồi tranh chấp về tôn giáo ;

- Nội tình không ổn định : biểu tình chống đối ; các chánh-khách, tương tá, đả phá lẫn nhau ! Trong giới hạn chặt chẽ của một thời gian ngắn ngủi không đầy 15 tháng, đã có tới 8 lần đảo chánh và 4 chánh phủ... lắm thời ! Hãy hỏi còn thì giờ đâu nghiên cứu kế hoạch ? Thì giờ đâu thi hành chánh sách ?

Hồi-Quốc, Tích-Lan đã sốt sắng ủng hộ ta nhân dịp Hội-nghị Á-Phi kỳ 1, thì nay, Hội-nghị Á-Phi kỳ 2, ta phải coi như một thắng lợi (!) nếu các nước đó không chống đối ta !

Tại vùng Đông-Nam-Á này, ngày nay ta chỉ còn một số ít bạn chí tình, thông cảm, trong đó có Thái-Lan. Mã-Lai-Á. Riêng Mã-Lai-Á ủng hộ và trợ giúp ta rất nhiều, bằng cảm tình và viện-trợ... Về điểm này, phải khách quan công nhận kết quả một phần lớn là nhờ ở cá nhân vị Đại diện của ta tại Kuala-Lumpur, một *nhân viên ngoại giao trong nghề*, trẻ tuổi, mà không ai phủ nhận năng lực và thiện-chí...

Nhưng, Mã-Lai-Á cũng đang gặp khó khăn, chưa hiểu có hay không thể tham dự Hội-nghị Á-Phi kỳ 2, do thái độ chống đối của Nam-Dương, mặc dầu sức ủng hộ của Á-Rập Thống Nhất và Ấn-Độ khuyến cáo ban tổ chức nên đề Mã-Lai-Á góp lời, hợp mặt. Ngoài ra, Nga xô cũng đang vận-động để tham dự hội nghị, (mặc dầu Trung-Cộng đang kiểm

cách ngăn cản, qua trung-gian của Nam Dương...)

- Như đoạn 3 a và b đã trình bày, ban tổ-chức có thể sẽ mời cả Việt-Cộng và « Phong-Trào Giải Phóng Miền Nam Việt-Nam » tham dự. VNCH không thể vì vậy mà vắng mặt. Trái lại, sự kiện càng thúc đẩy ta phải có mặt. Trong những vụ đo tài thử sức như đây, chỉ những ai vắng mặt sẽ thiệt thòi. Nhưng xác nhận sự kiện đó, ta còn phải đồng thời xác nhận một điểm nữa, là : Hội-nghị có thể biến thành một cuộc thi đua đấu khẩu và bút chiến. Tài hùng-biến sẽ có giá trị không kém tài mạ-ly ! Đó là điều đáng buồn, nhưng là sự thực phải chấp nhận !

- Các phái đoàn tham dự Hội-nghị sẽ do các vị Quốc-Trưởng, Thủ-Tướng cầm đầu. Dù việc nước có bận rộn đến đâu, phái đoàn của ta cũng không thể khác phái đoàn các nước.

- Đất nước bị phân chia. Nếu như ở miền Nam tự-do này, ai nấy đều thuận hòa nhất chí, năng lực của ta cũng đã giảm đi một nửa rồi ! Huống hồ từ hơn một năm nay, đã có tới 8 lần đảo chánh, mà mỗi lần đảo chánh là lại mỗi lần loại thêm một số phần tử có thể hữu ích trong một phạm vi nào đó...

Bây giờ là lúc, trước mối nguy của đất nước, trừ trường hợp bất khả kháng không kể, còn thì ta phải cố gắng tận dụng hết thảy các năng lực, không lãng quên, bỏ phí một ai. Nhất là những phần tử, gần hay xa, trực tiếp hay gián tiếp, đã tham dự phái đoàn V.N. tại Hội nghị Á Phi kỳ 1, hay đã tranh đấu thắng lợi tại

các hội nghị hoặc nhân các vụ thử sức còn gay go hơn thế nữa, tại Le Caire, tại Accra,... trong những năm qua...

..

Chỉ trong 60 nước sẽ tham dự Hội-nghị Á-Phi kỳ 2 này. Quyền lợi và uy-tín đất nước muốn rằng VNCH phải có mặt!

Thời giờ không còn bao nhiêu nữa. Phải ổn định nội bộ. Phải sửa soạn để tham dự một cách tích cực, chú trọng đặc biệt đến các khía cạnh chánh trị,

năng lực và nhân sự. Về phần những ai được tuyển lựa làm nhân viên, ban nghiên cứu hay phái đoàn, phải coi đó như một bồn phận thiêng liêng, một vinh dự nguy hiểm.

Chúng tôi tin tưởng chánh phủ mới sẽ mang lại một luồng gió mới...

PHẠM-LƯƠNG-GIANG

Kỳ tới: « V.N.C.H. và Hội-nghị Nhân-dân Đông-Dương Puom-Penh.

ĐỌC

ĐẤT SỐNG

● Nguyệt san của lớp người ý thức hiện đại
Số 4 phát hành ngày 1-4-1965

SỬA CHO ĐÚNG

« Trong bài Ngoại Giao giữa V.N. và các nước Á Phi » của Phạm-Trọng-Nhân đăng trên B.K. số 196 nơi trang 6, cột mặt dòng 5, chữ **BẮC** Phi xin sửa là chữ **HẮC** Phi.

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LẺM TẠI THỤY-SĨ

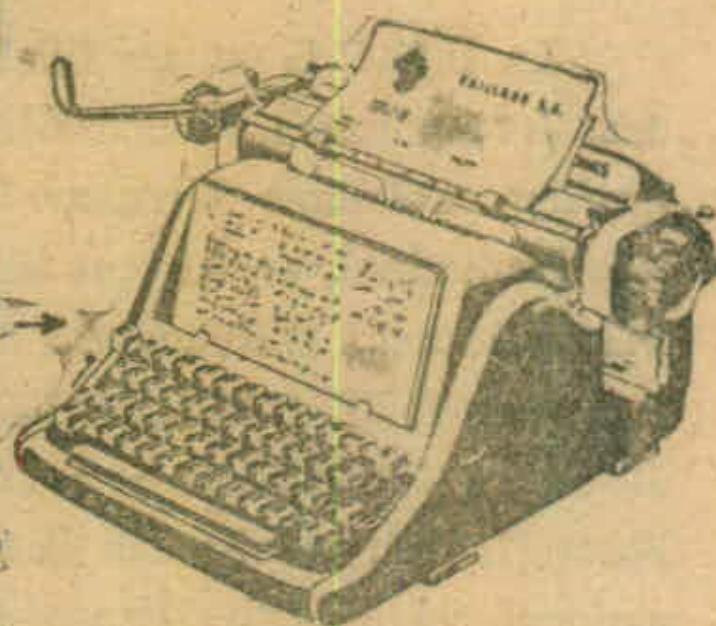
HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu - Téléphone 20.821 - SAIGON

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F. F.

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 6è

SAIGON

36, Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ

(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 — B.P. N° E-5

PHNOM-PENH

Moha Vithei Preah Bat Norodom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B. P. 122

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P. O. Box N° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

GIẢN - CHI và NGUYỄN - HIỂN - LÊ

(Xin xem B.K.T.Đ. từ số 196)

VÀI NÉT SƠ LƯỢC VỀ SỰ phát triển của Triết học Trung Hoa trong thời-đại Tiên-Tân

THỜI ĐẠI TIÊN TÂN XÃ-HỘI THỜI XUÂN-THU CHIẾN-QUỐC

Đã phác qua những nét chính trong lịch-sử và phân chia các thời đại rồi, bây giờ chúng ta xét lịch trình tấn triển của Triết học Trung Quốc.

Chúng ta trở về thời *Xuân Thu* và *Chiến Quốc*.

Ai cũng nhận rằng triết học Trung Quốc phát sinh mạnh mẽ ở thời này vì tình trạng xã-hội loạn lạc, triết gia nào có tâm huyết cũng tìm cách cứu vớt dân, nên đưa ra giải pháp này, giải pháp khác, lập thành một học thuyết để truyền bá trong dân chúng và mong các nhà cầm quyền đem ra áp dụng. Cảnh hỗn loạn, mất kỷ cương thời đó đã được chép trong sử. Người ta tính ra có tới 36 vụ giết vua, còn những vụ con giết cha, anh em, vợ chồng sát hại nhau thì không biết bao nhiêu mà kể.

Không năm nào không có chiến tranh. Theo *Xuân Thu* (Lỗ Sử) trong 242 năm có 483 lần hành quân. Kinh *Thi* còn ghi lại cho ta những lời thở than của dân chúng vì nạn chiến tranh bất tận đó. Mọi người đều điều đứng nhứt là bọn chinh phu, thậm chí tới cỏ cây cũng phải khô xám vì bị tàn phá :

*Hà thảo bất huyền ? Hà nhân bất
cưỡng ?*

Ai ngã chinh phu, độc vi phi dân
(Thiên Tiều-Nhã)

Người ta ngao ngán, tiếc rằng đã lỡ sinh ra đời :

*Thiếu chi hoa, kỳ diệp thanh thanh,
Tri ngã như thử, bất như vô sinh.*
(Thiên Vương Phong)

Khổ vì chiến tranh, dân đen lại còn khổ vì nạn đàn áp, bóc lột của bọn cầm quyền; bọn này dùng uy quyền chiếm đất và chiếm cả người nữa:

Nhân hữu thổ điền, nhữ phản hữu chi,

Nhân hữu dân nhân, nhữ phúc đoạt chi

(Thiên Đại Nhã)

Bọn họ không cày không cấy mà vẫn có lúa đầy vựa, không săn không bắn mà vẫn có chồn treo đầy sân:

Bất giá bất sắc, hễ thủ tam bách chiến hễ,

Bất thú bất liệp, hễ chiêm nhĩ đình hữu huyền hoàn hễ.

(Thiên Quốc Phong)

Bọn ăn không (tổ san) đó, dân chúng rất oán, nhưng không dám nói thẳng ra, mà ví với những con chuột lớn, gặm lúa của họ:

Thạc thử, thạc thử, vô thực ngã thử Tam tuệ quán nhữ, mạc ngã khẳng cố.

(Thiên Quốc Phong)

Nhưng chẳng phải chỉ có lê dân mới khổ, bọn quý phái trong thời loạn có khi còn chịu nhiều nỗi cay đắng hơn nữa. Thiên Bội Phong tả cảnh bọn chư hầu vong quốc:

Tỏa hễ vĩ hễ, lưu li chi tử.

(Nhỏ mọn hèn mạt thay, cái thân của những kẻ trôi giạt xứ người).

Niệm ngã độc hễ, ưu tâm ân ân.

(Thiên Tiều Nhã)

(Nghĩ cảnh cô đơn của ta, lòng lo ngui ngui).

Càng về cuối đời Chiến Quốc tình cảnh càng bi đát: Nước Vệ bắt lính tới 1 phần 5 dân số, nước Tấn bắt ông già 73 tuổi tòng quân, nước Tề thu thuế của dân tới 2 phần 3 huê lợi: ruộng đất bỏ hoang, có kẻ đói quá phải đổi con cho nhau mà ăn thịt (dịch tử nhi thực)!

Tuy nhiên, nếu chỉ xét cảnh loạn lạc thời đó thì chưa đủ giải thích được sự bột phát của triết học Trung Hoa được: đời sau cũng có những thời loạn lạc kéo dài hàng trăm năm, chẳng hạn thời Tam Quốc, thời Lục Triều, cuối đời Tống... mà không lưu lại được một cuộc cách mạng nào lớn lao trong triết học. Nguyên nhân quan trọng nhất vẫn là sự biến chuyển trong tương quan xã hội với những biến chuyển về các phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa...

Cái thế ở đầu đời Chu (trong nước có cả ngàn chư hầu) chỉ vững được khi nhà Chu còn mạnh. Lúc nhà Chu đã yếu, (·) sợ các rợ ở phương Tây mà đời đô qua phương Đông thì các chư hầu không kính nể thiên tử nữa, tất tranh giành nhau mà gây loạn, có nước mạnh lên, có nước suy đi. Thế là có một bọn quý tộc mất địa vị. Muốn phục hồi địa vị, họ phải dùng những người tài giỏi về chính trị hoặc quân sự, kinh tế, trong mọi giai cấp, nghĩa là cả trong giai cấp bình dân. Nhờ vậy mà bọn này thoát ly

(*) Chu nghèo lẫn vì phong đất cho các Vương hầu công khanh... còn lại ít đất trông vào sự cống hiến của các chư hầu mà chư hầu thì như nước Lỗ, trong 242 năm chỉ triều cống có 3 lần. Một phần vì thấy vậy mà Tần sau này bỏ chế độ phong kiến.

được địa vị nô lệ mà lên địa vị sĩ phu. Đời Xuân Thu ta thấy có Ninh Thích chăn trâu mà làm quan nước Tề, Bá-ly-Hề vốn là nô lệ mà được cử làm quan nước Tần ; còn hạng quý tộc như các họ Nguyên, Hồ, Khánh, Bá... bị giáng làm nô lệ (Tả Truyện) ; Khổng Tử vốn là dòng dõi quý tộc ở Tống mà nghèo, phải làm một chức lại coi kho lúa.

Lại thêm kinh tế mở mang cũng là một nguyên nhân thúc đẩy sự biến chuyển về chính trị nữa.

Dân số tăng lên, (tổng số nhân khẩu thất quốc đời Đông Chu đã tới 20 triệu) chế độ điền địa hồi trước không còn hợp thời, nông dân cực khổ quá, ta thán, oán trách bọn chủ nhân (« bất giá bất sắc, hễ thủ tam bách chiến hễ »), thậm mong bãi bỏ chế độ « thực ấp » ; và Thương Ưởng hiểu rõ sự thể tự nhiên của thời đại, cho dân chúng tự do khai khẩn. Phương pháp canh tác lại tấn bộ : người ta đã biết dùng bò kéo cày mà cày được sâu hơn, nhanh hơn, biết bỏ phân, làm hai mùa, đào kinh, dẫn nước, tháo nước. Sự khẩn hoang do đó phát triển mạnh và có hàng vạn người thành phú nông. Bọn này muốn khuếch trương công việc thủy lợi, như vậy cần thống nhất đất đai, nhất là thống nhất những nước nhỏ cùng nằm trên một dòng sông.

Về phương diện thương mại cũng có những hiện tượng mới : những nơi như Hàm Dương ở Tần, Lâm Chi ở Tề, Hàm Đan ở Triệu, Đại Lương ở Ngụy, đều là những thành phố phát đạt về thương mại, dân chúng các nơi di cư lại, thành một hạng thị dân. Bọn phú thương rất

có thể lực, mua quan tước đặng mà bắt đầu tham gia chính trị, muốn phá bỏ những biên giới giữa các nước chư hầu, để cho sự giao thông và thương mại khỏi bị trở ngại. (*)

Sử còn chép tên những thương gia danh tiếng như Phạm Lãi, Đoàn Mộc Tú, Tử Cống, Lã Bất Vi. Cuối thời Chiến Quốc đã có tiền vàng tiền bạc, dân chúng đã ham buôn bán, nên có câu : « Tòng bản cầu phú, nông bất như công, công bất như thương » ; đa số pháp gia theo trào lưu, không ức thương như nho gia nữa. Trung Quốc lúc đó đã chuyển từ văn minh phù sa qua văn minh thương mại.

Về văn hóa thì từ trước hạng quý tộc vừa trị dân, vừa dạy dân (quân sư bất phân, chính giao hợp nhất), vì chỉ có họ mới được học ; nhưng khi họ sa sút mà thành bình dân thì trong giới bình dân bắt đầu có người học rộng. Khổng Tử là hạng người đó ; ông đã mở phong trào tư nhân dạy học, bất kỳ giới nào xin vô học ông cũng nhận, và ông có công lớn trong sự khai hóa quần chúng. Đời sau Mặc Tử, một triết gia trong giai cấp bình dân, tiếp tục công việc đó mà sự giảng học phát triển rất mạnh. Sách vở không còn là những bảo vật chỉ riêng bọn quý tộc mới có. Thiên *Quý Nghĩa* trong *Mặc Tử* chép rằng « Mặc Tử đi về phương Nam, chở theo rất nhiều sách « Mặc Tử nam du, tái thủ thậm đa »).

(*) Phát đạt nhất về thương mại là nước Trịnh vì nước này ở trên trục giao thông, giữa Nam và Bắc.

Sau cùng, tâm lý chung của con người, khi dân một nước nhỏ mà chịu nhiều gánh nặng thì chỉ mong làm dân một nước thống nhất hoặc một nước lớn.

Tóm lại về phương diện chánh trị,

kinh tế, văn hóa, xã hội thời Xuân Thu, Chiến Quốc là thời biến chuyển lớn, thế tất phải đi tới sự thống nhất, nên phong trào lập thuyết đề cứu thế mới phát triển bùng bột như dưới đây ta sẽ thấy.

oOo

BÌNH MINH XUẤT HIỆN : KHỔNG TỬ

Người đầu tiên đứng lên mở đường cho phong trào là Khổng Tử, (1) và ta có thể nói rằng bình minh của triết học Trung Hoa xuất hiện ở nước Lỗ.

Trước ông trong số các nhà quý tộc, các khanh, đại phu, cũng đã có nhiều vị bác học như Lỗ có Liễu hạ Huệ, Tấn có Thúc Hưởng, Trịnh có Tử Sản, Tề có Ân Tử; nhưng họ giàu sang, lại chấp chánh, có phương tiện thực hiện lý tưởng của mình nên không cần phải viết sách, mà cũng không có thì giờ viết sách nên không lưu lại được một hệ thống. Khổng Tử vì là dòng dõi quý tộc, nên được học từ hồi nhỏ, lớn lên có một chủ trương, một cái đạo mà không có dịp thực hành—51 tuổi mới được vua Lỗ dùng trong bốn năm năm rồi thôi—nên mới có thì giờ dạy học, viết sách, lập thành một phái.

Lỗ ở gần Chu, mà Lỗ vẫn tôn Chu, theo lễ của Chu. (Tả truyện chép: Lễ nhà Chu, Lỗ còn giữ được hết: Chu lễ tận tại Lỗ hi) Khổng Tử sinh ở Lỗ, cho nên biết rõ Chu lễ và thích Chu lễ, do đó có khuynh hướng tôn Chu, thủ

cựu. Ông thủ cựu có lẽ còn vì hai lý do nữa :

1.— Bẩm tính ông ôn hòa nghiêm cần, cho nên đã thích tế lễ ngay từ hồi nhỏ (tương truyền khi chơi với trẻ hay bày đồn cúng tế), lớn lên lại Lạc Ấp, kinh đô của Đông Chu, đề khảo sát tường tận về tế lễ;

2.— Thời đại của ông tương đối không loạn bằng các thời sau, các vua chư hầu chắc còn hơi trọng nhà Chu, cho nên ông dễ tin rằng chủ trương tôn Chu của ông có thể thực hiện được.

Ông muốn thuyết phục các chư hầu theo văn hóa của Chu. Ông bảo: "Nơi có người dùng ta, thì ta sẽ làm cho Đông Chu thịnh lên chẳng?" (Nhi hữu dụng ngã giả, ngô kỳ vi Đông Chu hể Dương Hóa) (*). Có lần ông than thở: "Đã lâu quá ta không lại nằm mộng thấy Chu Công (Cửu hi ngô bất phục mộng kiến Chu Công - Thuật Nhi).

* Tất cả những lời Khổng Tử dẫn trong đoạn này đều trích trong LUẬN NGŨ.

Tôn Chu là trọng chế độ tôn ti đời Phong kiến, là mong quyền hành lại được tập trung như trước,, cho xã hội có trật tự, khỏi loạn lạc.

Tuy nhiên, ông *không hoàn toàn thủ cựu* mà có nhiều tư tưởng canh tân. Ông tự bảo là « thuật nhi bất tác ». Chữ *thuật* đó không có nghĩa là truyền cò, theo cò, mà có nghĩa là tiếp tục phát triển cái cò đề cải tiến nó, hoàn thiện nó. Hai chữ *bất tác* có nghĩa là không lập ra một học thuyết nào hoàn toàn mới. Cứ xét đoạn này trong thiên *Vi Chính* thì rõ : « *Tử Trương* vấn : « *Thập thế khả tri dã ?* ». *Tử* viết : « *Ân nhân ư Hạ lễ, sở tồn ích khả tri dã, Chu nhân ư Ân lễ, sở tồn ích khả tri dã. Kỳ hoặc kế Chu giả, tuy bách thế khả tri dã* » (*Tử Trương* hỏi : « Có thể biết trước được việc làm của các nhà vua trong mười triều đại sắp tới chăng ? »

Không *Tử* đáp :

Nhà Ân nối nhà Hạ, nhân theo lễ nhà Hạ mà thêm bớt ; những chỗ thêm bớt ấy ta có thể coi trong sử mà biết. Nhà Chu nối nhà Ân, nhân theo lễ nhà Ân mà thêm bớt ; những chỗ thêm bớt ấy ta có thể coi trong sử mà biết. Sau này có triều đại nào nối tiếp nhà Chu, cũng nhân theo lễ nhà Chu, nhưng sẽ có thêm bớt. Xét theo đó, dầu trăm đời về sau ta cũng biết trước được.

Đó ông « *Tòng Chu* » như vậy « *tô thuật Nghiêu Thuấn* » như vậy.

Xét qua những điểm chính trong triết học của ông ta càng thấy rõ ông đã phát huy được nhiều điều mới.

Ông ít bàn về *vũ trụ*. Ông không phủ nhận Trời, cho rằng Trời có ý chí, nhưng hình như không tin rằng Trời rất có thể lúc, cho nên không giảng đến « *thiên đạo* » Khi Nhan Hối mất, ông than khóc : « *Ôi, Trời hại ta ; Trời hại ta ;* » (*Y ; Thiên táng dư : Thiên táng dư ;*) (*Tiên Tiến*).

Khi ông đau nặng, *Tử Lộ* khiến đệ tử của ông làm gia thần (*) hộ tang phòng khi ông mất, làm như ông tại chức. Lúc bệnh thuyên giảm, ông trách *Tử Lộ* : « (...) Ta không có gia thần, mà làm ta có gia thần. Như vậy là đối ai ? Ta đối Trời sao ? » (*Vô thần nhi vi hữu thần, ngô thùy khi ? Khi thiên hồ ? — Tử Hãn*).

Lần khác ông bảo : « Trời có nói gì đâu , » (*Thiên hà ngôn tai ;*).

Về điểm thừa nhận quan niệm trời như người trước này, ông tỏ ra tinh thần thủ cựu (*).

Nhưng đối với quỷ thần, thì ông rõ ràng có vẻ hoài nghi, khuyên người ta kính quỷ thần mà xa ra (*kính quỷ thần nhi viễn chi*) ; và ông ít nói đến những việc bói toán, mộng mị, hình như muốn tránh những điều dị đoan. Mà ông cũng không lập ra một thuyết để giảng *vũ trụ*.

Về *tri thức* luận, ông cố gắng hiển cũng ít. Ông rất trọng trí thức, rất trọng sự học vấn, suốt đời học hỏi, học cả những

* Theo tục thời đó, người nào làm quan cũng có một số « gia thần », bề tôi trong nhà, như vua có triều thần.

** Xin coi Quan niệm trời ở Phần Bản căn luận

người kém mình, cho trí là một đức lớn giúp những đức khác như nhân, dũng, tín được hoàn toàn hợp lẽ, lại mở trường dạy hàng ngàn môn đệ về lục nghệ (*) nhưng không hề xét về bản thể của trí thức, và ít bàn về phương pháp luận, mặc dầu lúc đó năm sáu nơi, ông có chỉ sơ cho ta những cách đi tới chân trí, chẳng hạn khi ông khuyên ta phải nghe cho nhiều, trông cho nhiều, rồi tổng quan về một mối (bác học vu văn — nhất dĩ quán chi); lại phải suy nghĩ, không biết thì nói là không biết, không ước đoán, không vô đoán, không cố chấp không chủ quan (vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã)...

Ông có đưa ra vấn đề chính danh. Một vài học giả cho rằng trong kinh *Xuân Thu*, ông ngầm chủ trương phải chính danh trong phạm vi ngữ pháp, văn tự, chẳng hạn ông viết : « *Văn thạch ư Tống, ngũ ; (...) lục nghịch thoái phi* » là có ý tứ lắm : mới đầu người ta trông thấy từ trên trời rớt xuống một cái gì, nhìn ra mới biết là cục đá, đếm rồi mới biết là có năm cục, cho nên đề *văn* (rớt) trước chữ *thạch* (đá), và chữ *ngũ* (năm) ; nhưng khi nhìn một đàn chim « nghịch » bay trên trời thì mới đầu người ta thấy sáu chấm, nhìn kỹ hơn nữa mới biết là chim « nghịch », lại nhìn kỹ nữa thì thấy chúng bay trở lại ; vì vậy chữ *lục* (sáu) phải đặt trước chữ *ngịch*, và hai chữ *thoái phi* đặt ở cuối.

Có lẽ đó là thâm ý của Khổng Tử, nhưng điều ông nhấn mạnh trong sự chính danh là thuộc phạm vi chính trị, đạo đức hơn là thuộc phạm vi ngữ pháp

Trong phạm vi chính trị, chính danh là đề « minh phân » để xác định tương quan vua tôi. Trong phạm vi đạo đức, chính danh là để chỉnh kỷ và chỉnh nhân nghĩa là để sửa đức của mình, của người cho được ngay. Ông bảo : « *cô bất cô, cô tai ! cô tai !* Cái bình rượu có khía, có góc gọi là cái « cô ». Ngày nay người ta dùng những bình rượu không có khía góc, mà cũng gọi là cái « cô » ư ? là có ý phản nản rằng đương thời có nhiều điều hữu danh mà vô thực ; có kẻ địa vị làm vua mà không làm tròn nhiệm vụ ông vua, có kẻ địa vị làm cha mà không làm tròn bổn phận người cha. Cho nên ông mới bảo Tử Lộ « Làm việc chính trị thì « trước hết phải chính danh », nghĩa là sửa danh cho chính, cho danh thực tương phù (*Tất dã chính danh hồ*) (Tử Lộ).

Đó là một thuyết khá mới và khá bạo trong thời *Xuân Thu*. Ông khuyên làm vua thì phải cho ra vua, nhưng không cho biết một ông vua mà không ra vua thì thái độ của dân nên ra sao, có nên lật đổ không. Có lẽ ông nghĩ đó là việc của Trời, chứ không phải việc của dân. Chép lại những truyện dân giết bạo quân trong *Xuân Thu*, ông không bênh vực vua mà cơ hồ cũng không trách dân, nên viết : « Người trong nước giết vua vua tên Mỗ » Như vậy tựu trung, Ông vẫn là hơi ôn hòa.

(*) Lục nghệ có hai nghĩa : nghĩa thứ nhất trở : lễ, nhạc, xạ (bắn), ngự (đánh xe), thư (viết chữ), số (toán pháp) ; nghĩa thứ nhì trở lục kinh : Thi, Thư, Lễ, Nhạc, *Xuân Thu*, Dịch. Ở đây lục nghệ hiểu theo nghĩa thứ nhì, nhưng theo các học giả ngày nay, Khổng Tử không đọc kinh Dịch, thì tất cũng không dạy kinh Dịch.

Phát minh lớn nhất của ông là về *nhân sinh* quan. Ông là người đầu tiên đề cao đức nhân, định nghĩa chữ nhân. Nhân là yêu người, khoan dung với người, là suy mình ra người, là « kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân », là « kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân » ; vậy người nhân có bốn phạm « tự giác » rồi « giác tha ».

Nhân gồm cả trí, dũng, lễ, gồm cả trung, hiếu, đễ, tín và quan niệm nhân của ông có thể sắp chung với quan niệm từ bi của Phật, quan niệm bác ái của Ki-Tô.

Ông trọng lễ, nghĩa, tôn ti nhưng đề cao đức trực, nghĩa là ngay thẳng, thành thực. Ông ghét bọn « xảo ngôn lệnh sắc » và bảo : « Con người sanh ra, vốn ngay thẳng ; nếu tà khúc mà sống được là nhờ may mà khỏi chết đó » (*Nhân chi sinh dã trực ; Uông* chi sinh dã, hạnh nhi miễn*) (*Ung dã*). Có lần một người ngỏ ý nên rút ngắn thời đề tang cha mẹ vì ba năm lâu quá ; ông bảo nếu trong lòng thấy lâu quá thì tùy ý. Dạy học, ông đề môn đệ tự do phát biểu tư tưởng, cảm tình, tùy khả năng, bản tính của mỗi người mà dạy (Nhân tài thi giáo) chứ không ép ai phải vào một khuôn khổ chung. Vậy thì cơ hồ ông trong sự tự do của nhân tình.

Ông rất thấu tâm lý con người, nhưng không xét về tính, tình, tâm, chỉ nói một câu là « tính tương cận, tập tương viễn (tính mọi người mới sanh thì gần như nhau, do tập tành và thói quen mà lần lần khác nhau).

Ông còn chủ trương này đặc biệt nữa là việc gì cũng nên tùy thời, lấy sự trung chính làm gốc, cho nên nhân phải có trí dũng phải có trí, ngay thẳng phải có thành ;

* Có sách chép là vông.

không thành mà trực đến cái độ tổ cáo cha mẹ thì không được, lễ mà tới xa xỉ thì không nên ; nhưng Trung dung, tùy thời không phải là lừng chừng ; Trung dung, tùy thời phải lấy Thành làm cơ sở và dùng Lễ để ước thúc ; nếu phải « sát thân » để « thành nhân » thì cũng không do dự, còn như « sát thân » mà không « thành nhân » thì là hy-sinh một cách vô ích.

Về *chính trị*, ông tôn quân ; trọng lễ giáo hơn pháp luật, ghét chính đảng (về điểm này ông thủ cựu hơn Tử Sản), không ưa chiến tranh, trọng người hơn chế độ, muốn dùng nhân để cảm hóa dân.

Tóm lại, ông là một triết gia ôn hòa, có óc canh tân chứ không có óc cách mạng, học rất rộng, tập đại thành những tư tưởng đời trước rồi phát huy thêm, mà công lớn nhất của ông là mở phong trào dạy bình dân, tặng cho nhân loại quan niệm « nhân ái » cho dân tộc Trung hoa quan niệm « trung dung » và vô tình đã nêu lên nhiều vấn đề cho người sau, như vấn đề chính danh, tính người... Sự dạy dỗ của ông chú trọng tới những điểm chính tâm, thành ý đề tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Từ đời Hán nhất là từ đời Đường trở đi, một số nhà Nho chỉ đề cao những đức hiếu, trung một cách hẹp hòi, đã làm sai lạc hẳn học thuyết của ông.

Môn đệ của ông rất đông, có tới vài ba ngàn người, nhưng chỉ độ mười người có tài đức, như Nhan-Uyên, Tử-Hạ, Tăng-Tử... Họ chép những lời giáo huấn của ông thành bộ *Luận ngữ* ; chính ông đã san Kinh *Thi*, soạn kinh *Xuân thu* ; còn những kinh khác thì hiện nay người ta ngờ rằng của người đời sau viết, chứ không phải là của ông.

GIẢN-CHI và NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Kỳ tới : *Mặc-Tử*

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

SAIGON



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok

OVERSEAS BRANCHES:

London : *Barrington House 56-67 Greensham Street, London, E. C, 2*

Tokyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo.*

Hongkong : *60, Bonham Strand West.*

Central district : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *64 South Bridge Road*

Kuala Lumpur : *14 Ampang Street.*

nhất hạnh

ĐẠO PHẬT

trong lãnh vực văn học nghệ thuật

(tiếp theo B.K. số 196)

MỤC đích của văn nghệ là gây hứng thú mỹ cảm cho người thưởng thức và đồng thời trình bày thực tại theo tinh thần tứ diệu để đem lại phát sinh nơi người đọc nhận thức cần thiết về những vấn đề thiết thực nhất của sự sống, phát triển và nuôi dưỡng những tình cảm tốt đẹp trong lòng họ và cuối cùng động viên họ tham dự vào công việc diệt trừ khổ đau và kiến tạo an lạc. Một nghệ phẩm mà đạt được từng đó mục đích thì là một nghệ phẩm lý tưởng. Một nghệ phẩm chỉ đạt tới một phần của mục đích trên thì cũng là một nghệ phẩm có ích. Người văn nghệ sĩ Phật tử chấp nhận mọi sản phẩm nghệ thuật, chỉ trừ những sản phẩm nào cổ súy cho dục vọng và vô minh.

Một chuyện thần tiên cho trẻ em, tuy không diễn bày sự thực xã hội nhưng kích thích được óc tưởng tượng của các em và gây cho các em những cảm tưởng tươi sáng, yêu đời thì cũng đã đạt đến một kết quả tốt của văn học.

Một cuốn tiểu thuyết tả chân của phái *tự nhiên* ghi chép một cách vô tư các hiện tượng mà tiểu thuyết gia đã cảm giác và ý thức được cũng có thể gây hứng thú cho người đọc và do đó cũng đạt được một kết quả tốt của văn học. Gây được hứng thú mỹ cảm cho người thưởng thức, dù bằng đường lối nào, miễn là đừng nổi giáo cho dục vọng và vô minh, cũng có thể gọi là thành công rồi. Bởi ta không thể chấp nhận được một vũ trụ văn nghệ luôn luôn cổ súy, găm thét, sách động. Thần kinh con người sẽ căng thẳng trong một không khí văn nghệ như thế, và tình cảm chân thực của con người bị bóp chẹt, không được nảy nở phát triển.

Phái *tự nhiên* thường bị buộc tội là chỉ lo ghi chép một cách tỉ mỉ những gì mình thấy mình nghe, không chịu đưa quan điểm và lập trường của mình vào tác phẩm và như thế, sự sáng tác văn nghệ thiếu hẳn ý thức về hoạt động sáng tạo. Thực ra, nếu *quả thực* người văn

nghệ sĩ thực hiện được một thái độ vô tư và khách quan trong lúc ghi chép thực tại thì đó là một điều vô cùng quý giá. Nhận thức của con người thường thường bị che lấp và bị ảnh hưởng bởi những tư kiến và những tình cảm chủ quan, do đó ít khi trực nhận được bản thân thực tại. Khách quan chủ nghĩa không phải là một chủ trương bắt người văn nghệ sĩ phải nhìn thực tại như một cái gì xa lạ không ăn thua gì đến mình. Một sự kiện như thế không bao giờ xảy ra được. Người văn nghệ sĩ nếu rửa sạch được thành kiến cố chấp thì có thể dễ dàng nhận thức được bản thân của thực tại và vượt ra khỏi cái vòng tròn chủ quan sai lạc. Chỉ sợ rằng người văn nghệ sĩ không thực hiện được thái độ vô tư, phá chấp ấy mà thôi. Chứ nếu mà thực hiện được thì không những họ đã không xa lạ với thực tại mà họ còn có thể được gọi là nằm trong lòng thực tại nữa. Vô tư và khách quan, hiểu theo tinh thần *phá chấp*, không có nghĩa là tách mình ra khỏi đối tượng, không phải là đối tượng hóa. Thái độ vô tư và khách quan giúp cho con người phá vỡ biên giới chủ thể và đối tượng và chính người văn nghệ sĩ được thể nhập vào thực tại. Trong trường hợp này tính chất nghệ phẩm của họ còn hiện thực gấp mười lần những người tự xưng là hiện thực mà luôn luôn bị nô lệ cho kiến chấp cho giáo điều, dù giáo điều duy tâm hay duy vật.

Hơn nữa, thực tại không phải chỉ là thực tại xã hội mà còn là thực tại tâm linh nữa. Khám phá tâm linh mình, công việc ấy có khi còn quan trọng gấp ngàn

lần công việc khám phá thực tại xã hội. Người văn nghệ sĩ cần tự biết mình, dùng ý thức soi rọi tâm linh mình; tâm linh không phải như sản phẩm của não bộ và thần kinh, không phải như một tấm gương phản ảnh thực tại xã hội, phản ảnh hệ thống sản xuất, mà như một thực tại mẫu nhiệm. Nói như thế không phải là nhẩy từ khách quan chủ nghĩa đến chủ quan chủ nghĩa một cách đột ngột đâu. Nói như thế là đề nêu rõ rằng dù duy tâm hay duy vật, người ta cũng chỉ đi lang thang trên ngọn mà không bao giờ tìm tới gốc. Tìm tới gốc thì khách quan chủ nghĩa cũng thế, chủ quan chủ nghĩa cũng thế, mà hiện thực chủ nghĩa cũng thế: sự đối kháng nhau bắt nguồn từ khuynh hướng phân biệt cành lá và bỏ quên gốc rễ. Tìm tới gốc rễ thì chủ quan sẽ không phải đề đối lập với khách quan, hiện thực sẽ không phải đề đối lập với lãng mạn. Tất cả sẽ tạo nên một hòa điệu và những chống đối những cố chấp sẽ tan biến.

Trong trường hợp *chủ quan chủ nghĩa*, người ta thường nói rằng các văn nghệ sĩ không thèm đếm xỉa đến thực tại mà ý vào thiên tài mình để tưởng tượng và sáng tạo ra những liên quan giả tạo giữa các hiện tượng. Nhưng thực tại tâm linh tự nó không phải là một thực tại sao? Hơn nữa nếu bảo rằng ý thức là tấm gương phản ảnh thực tại xã hội, thì tại sao có những tấm gương kỳ cục, nghĩa là những tấm gương không chịu phản ảnh thực tại theo kiểu những tấm gương khác — những tấm gương được tưởng thưởng và hoan hô? *Liêu Trai Chí Di* cũng

phản chiếu thực tại, không những thực tại tâm lý mà là thực tại xã hội nữa. Ai có chút ít kiến thức văn học cũng phải công nhận như thế. Truyện *Trịnh Thử* của Hồ Huyền Quy là truyện *Tây Du Ký* cũng thế. Ai dám nói là chúng không phản ánh được dù ít dù nhiều cái thực tại xã hội mà trong đó các tác giả đã sống?

Những ai không chịu nói hùa theo đa số thì thường bị lên án là sa vào chủ quan chủ nghĩa. Cái nhìn của đa số đâu chắc đã là cái nhìn sáng suốt nhất. Cái nhìn của đa số không thể nói là cái nhìn khách quan. Khi tôi không chịu tán dương ca ngợi, thì người ta bảo là tôi bôi đen thực trạng bằng cái nhìn chủ quan đen tối của tôi. Cũng như Trần Dần bị mắng là đã bôi đen cái thực trạng đẹp đẽ khi anh viết:

« Tôi bước đi không thấy phố thấy nhà
chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ »

trong khi Tố Hữu được khen là phản ánh đúng thực tại khi anh ca ngợi:

« Đường ta rộng thênh thang tám thước ».

Thực ra, đường tám thước cũng rộng đấy. Nhưng có khi có những con đường rộng mười lăm thước mà có người vẫn cho là hẹp và có khi con đường chỉ có hai ba tấc mà cũng cho là rộng lắm rồi. Rộng hẹp là tùy theo trường hợp, tâm lý, nhận thức. Ai có thể đoan quyết rằng chỉ có những con đường tám thước mới là những con đường rộng?

Khi tôi không chịu đả phá nói xấu những gì anh thích tôi đả phá, thì người

ta bảo là tôi tô hồng tô thắm thực tại bằng cái chủ quan lạc quan của tôi. Thực ra trong trường hợp trên, chưa chắc là Trần Dần đã bôi đen, và chưa chắc Tố Hữu đã không tô hồng. Có lẽ thực tại là một cái gì liên hệ vào chủ thể nhận thức (1) và có lẽ cả hai đều thành thực. Điều đáng nói là nếu quả họ thành thực thì ta phải tôn trọng họ. Còn nếu ta đem một chủ thuyết một kinh điển nào ra để phê phán, tán dương hoặc công kích họ thì ta đã xâm phạm vào tự do của họ rồi. Ta tự nhốt ta trong một tháp ngà chủ quan mà ta đặt liền là *hiện thực chủ nghĩa*. Một thái độ hiện thực chân chính là một thái độ vô tư, khách quan, tôn trọng tự do. Mà muốn có thái độ ấy, người văn nghệ sĩ không thể không tự giải phóng ra ngoài ngục tù cổ chấp cuồng tín. Phải gạt bỏ kinh điển, thần tượng, phải đừng bám chặt vào những giáo điều những tín ngưỡng siêu hình, phải trở về miếng đất thực nghiệm để học hỏi và chiêm nghiệm. Muốn phản ánh trung thành thực tại, dù là thực tại tâm linh hay là thực tại xã hội, người văn nghệ sĩ phải là một tấm kính trung thực không méo mó trước đã. Do đó, đi sâu vào cuộc sống, tham gia vào cuộc sống đồng lao cộng khổ với quần chúng cũng chưa đủ. Phải giữ cho tâm hồn trung thực nữa. Phải đừng để cho thành kiến cổ chấp bùng bít nữa. Phải *tự mình là mình* nữa. Và do đó, người văn nghệ sĩ phải chú

(1) Triết học Duy Thức: chủ thể nhận thức (năng phân biệt) và đối tượng nhận thức (sở phân biệt) nương trên nhau mà tồn tại. Chủ thể và đối tượng là hai hiện tượng của cùng một thực thể.

trọng đến sinh hoạt tâm linh trong khi không quên tiếp xúc thẳng với thực tại xã hội đầy dẫy khổ đau, những khổ đau phần lớn đã được gây ra vì cố chấp, thành kiến và độc tài.

Cho nên ta thấy rằng lột hết những cặp kính màu mà thấy được mặt mũi chân thực của thực tại không phải là chuyện dễ. Tinh thần phá chấp và thực nghiệm của đạo Phật có thể giúp đỡ người văn nghệ sĩ rất nhiều. Đi sâu vào cuộc sống, tham dự vào những xót xa khổ đau của kiếp người là điều cần thiết, đạo Phật công nhận điều đó và khích lệ điều đó. Sự thực thứ nhất trong Bốn Sự Thực Mầu Nhiệm dạy con người xoay lưng về phía siêu hình để mà tỉnh táo nhìn về những cái khổ của nhân loại. Nhiếp pháp *đồng sự* dạy con người hòa đồng vào khối đại chúng để tìm hiểu mà hướng dẫn họ. Người văn nghệ sĩ Phật tử cần biết rõ hơn ai hết điều đó. Nhưng người văn nghệ sĩ Phật tử cũng biết thêm rằng nếu mình không biết rõ mình là ai, nếu mình không nắm chắc được mình thì mình sẽ tự đánh mất mình trong dòng đời phiến tạp, và thay vì chuyển hóa cuộc đời cho tốt đẹp, mình bị cuộc đời chuyển hóa theo nó và cuối cùng trôi giạt theo nó. Cũng vì vậy cho nên người văn nghệ sĩ không thể không học Phật, tham thiền, tĩnh tâm, cầu nguyện.

Không ai không thấy rằng phần lớn các vị thiền sư đạt đạo, như ở Trung Hoa, Nhật Bản và Việt Nam chẳng hạn, đều là những thi sĩ hay họa sĩ. Hoa đạo và trà đạo cũng là một biểu hiện của Thiền, của sức mạnh tâm linh tự

cường và tự tỉnh. Nghệ phẩm của các thiền sư không phải là những bài diễn văn chính trị, không là những bản nhạc thúc đẩy ý chí đấu tranh giai cấp, sản xuất kinh tế, nhưng vẫn là những tiếng nói phổ diễn thực tại : thực tại tâm linh nhiệm mầu, phong phú. Thiền sư *Bách Trung* vừa thiền định vừa cuộc đất : còn có bài thơ nào tràn đầy tính chất hiện thực hơn thế nữa ?

Ngôn ngữ Thiền là một ngôn ngữ đặc biệt và chỉ có những tâm hồn phong phú mới có thể tiếp nhận được bản chất nghệ thuật tuyệt vời chuyên chở trong hình thức nghệ thuật ấy. Chỉ tiếc rằng nhóm *Xuân Thu Nhã Tập* không chịu tu Thiền thành ra không tự bảo vệ mình được một cách danh chính ngôn thuận. Khi bị người ta trách cứ là làm thơ khó hiểu, vô nghĩa, nhóm *Xuân Thu Nhã Tập* lấy giọng Thiền sư :

« *Đừng vội thất vọng vì một bài thơ khó hiểu. Hãy căng lại dây đàn. Hãy đặt mình trong tình trạng có thần trợ. Thiết tha và tin tưởng. Trong sạch mà nhập Thiền. Sẽ trực giác được thơ... Tục nhân không thể giao tiếp với thần linh. Lỗi không phải ở thần linh* ». (2)

Lỗi không phải ở thần linh, nhưng lỗi ở nhóm *Xuân Thu Nhã Tập* : không có bản chất thần bí mà đi tìm một loại ngôn ngữ thần bí thành ra sa vào một chủ nghĩa hình thức lập dị. Nhưng dù sao nhóm *Xuân Thu Nhã Tập* cũng không phải vì vậy mà bị kết án là trốn tránh sự sống đâu. Họ ham mê sự sống và họ đã làm thơ, đã xuất bản, đã tranh luận. Các Thiền sư, bằng cuộc sống

(2) *Thơ với người đọc*, của nhóm Phạm văn Hạnh, Đoàn Phú Tứ, Nguyễn Xuân Sanh,

của họ, thơ và họa của họ, đã chứng tỏ sự hiện diện của sức sống tâm linh trong lòng cuộc đời: những đóng góp vô hành của họ trong nhân quan đạo Phật là một thứ đóng góp vô cùng quan trọng.

Tuy nhiên, nguồn đạo đức vô hành được khơi mở từ suối tâm linh ấy cần được lưu nhuận trong cuộc đời và cũng vì vậy mà văn nghệ sĩ lại có thêm sứ mạng đem đạo Phật thực hiện an lạc ngay trong lòng cuộc đời. Đạo Phật không sinh ra để được ca tụng, phục vụ mà là để phụng sự cho con người. Văn học nghệ thuật cũng thế. Chúng ta không thể đem văn nghệ phụng sự cho một đảng phái nào, một chủ nghĩa nào. « *Nghệ thuật chỉ phụng sự nỗi thống khổ và quyền tự do con người* », Albert Camus đã nói rất chí lý. Có những nỗi thống khổ của con người. Những thống khổ ấy đều có nguyên nhân, trong đó sự kiện tự do bị tước đoạt là một nguyên do quan trọng. Tiêu trừ khổ đau và kiến tạo an lạc bằng cách đóng góp vào công việc tiêu hủy ngu dốt, cơ cực, độc tài, cuồng tín là con đường phải đi. Vậy thì quy luật của văn nghệ sĩ là quy luật vô cùng đơn giản của Bốn Sự Thực. Và quy luật này là *quy luật phổ biến nhất* trong các quy luật.

Nhận thức được nguy cơ của những cái nhìn khiếm diện, người văn nghệ sĩ Phật tử luôn luôn mở toang các cánh cửa nhận thức. Đánh rằng ta công nhận tầm quan trọng của vấn đề sản xuất kinh tế nhưng ta không nên vì vậy mà quên rằng có rất nhiều vấn đề khác cũng quan trọng như thế, và có khi hơn thế. Đánh

rằng ta công nhận quy luật tranh chấp giữa giới thợ thuyền và giới tư bản, nhưng ngoài quy luật ấy còn có nhiều quy luật khác nữa của xã hội chúng ta, có khi còn quan trọng hơn quy luật kia. Vậy tại sao ta lại bắt mọi người phải quên tất cả những phần kia của thực tại để chỉ chú ý vào một phần này của thực tại, và để tự dành cho mình cái danh dự là đích thực hiện thực? Nguyên do khổ đau có thể là sự phân phối lợi tức không đồng đều, có thể là sự bóc lột của tư bản đối với người nghèo. Chúng tôi sẵn sàng công nhận điều đó. Nhưng nguyên do của khổ đau còn là cố chấp, thành kiến, cuồng tín, độc tài và tham vọng. Những kẻ thù đó của loài người không phải chỉ đứng về phía giới tư bản. Chúng nằm sâu trong lòng mọi giới, kể cả giới tiểu tư sản, cũng như giới nông dân thợ thuyền. Chính những kẻ thù đó mới là kẻ thù không đội trời chung của con người. Xin đừng giết con người bằng cách nhân danh, dù là nhân danh hạnh phúc của con người, nhân danh tự do, nhân danh đảng phái hay nhân danh tôn giáo. Hãy giết tham vọng, căm thù và cố chấp — trong ta và trong mọi người.

Người văn nghệ sĩ Phật tử tiếp xúc với *Sự Thực Thứ Nhất* để cho tâm hồn rung động vì xót thương, nuôi dưỡng xót thương ấy (Bi) cho lâu bền để biến thành ý chí phụng sự. Người văn nghệ sĩ Phật tử *mở rộng cánh cửa nhận thức* để học hỏi và trực nhận thực tại (Tri) và *can đảm tố cáo những sự thực khổ đau* để cùng gây ý thức xây dựng an lạc xã hội mà không sợ hãi bạo lực và khổ đau (Dũng). Người văn nghệ sĩ Phật tử, được hướng dẫn bởi tinh thần Phật

giáo, đóng góp nhận thức và ý kiến mình cho giáo hội trong những chương trình và kế hoạch cải tiến xã hội về mọi mặt sinh hoạt. Người văn nghệ sĩ Phật tử bằng sáng tạo nghệ thuật, hướng dẫn và giáo dục quần chúng, khiến quần chúng tự nguyện tham dự những công trình xây dựng chung phù hợp với tình thương và tự do. Đó là *Pháp thí* trong *nhiep pháp thứ nhất*. Người văn nghệ sĩ Phật tử không tin ở giải pháp gây căm thù bởi vì căm thù thường đi đôi với tàn bạo. Sức mạnh không phải chỉ có thể tạo được do căm thù. Lòng xót thương (Bi) và tình thương yêu (Từ) là chất liệu tạo nên một sức mạnh không kém gì sức mạnh của biên cả. Sức mạnh của từ bi luôn luôn được soi sáng bởi lý trí mà không phải là một sức mạnh mù quáng. Căm thù thì khó mà sáng suốt được; trong chúng ta ai cũng biết rằng giận mất khôn và mặn mất ngon.

Tình thương và sự cởi mở dễ chiếm được lòng người. Có trong lòng tình thương rồi, người văn nghệ sĩ Phật tử sẽ đạt được nghệ thuật làm rung động con người một cách dễ dàng. Họ sẽ không chửi mắng công kích một cách thô tục. Họ thực hành *ái ngữ*, *nhiep pháp thứ ba*. Họ chỉ bình tĩnh trình bày sự thực, điều hơn lẽ phải với một ngòi bút ướt mực thương yêu và xót xa. Tôi đã từng thấy một biểu ngữ đề những câu như: "Chém cha cái lão giặc Hồ". Cái ngữ khí ấy, cái hình thức văn nghệ ấy phản lại tinh thần đạo Phật. Người văn nghệ sĩ Phật tử chẳng bao giờ làm như thế. Anh không thích cụ Hồ Chí Minh điều gì thì anh cứ nói ra; nói một cách thành thực, dễ hiểu, cảm động thì anh

mới khiến cho tôi nghe anh được.

Anh viết câu ấy chẳng có lợi gì cả. Ngữ khí của anh đã không khiến cho người ta thấy được cụ Hồ sai lầm ở điểm nào mà chỉ làm cho người ta hết tin nơi anh, khiến cho người ta ghét anh,

Cho nên đi vào cuộc đời, văn nghệ đạo Phật mang theo cảm thông, cởi mở và tình thương — tiêu chuẩn của người văn nghệ sĩ Phật tử là *Tứ Nhiep Pháp*: *Bố thí*, *Ái Ngữ*, *Lợi Hành* và *Đồng Sự*.

Văn nghệ biểu hiện *sinh hoạt* hoặc *tâm linh* hoặc *xã hội* phải được thực hiện trong những hình thức *khế cơ*. Đại chúng hóa văn nghệ cũng là tuân theo nguyên tắc *khế cơ* của đạo Phật để văn nghệ có thể có tác dụng mạnh mẽ trong đa số quần chúng Việt-Nam. Nhưng nói như vậy không có nghĩa là tất cả các văn nghệ sĩ phải làm nhất loạt như nhau: mỗi lĩnh vực cần có văn nghệ sĩ cho lĩnh vực ấy, tuy rằng đại chúng đòi hỏi sự có mặt của một số đông văn nghệ sĩ bên cạnh họ.

Cố nhiên người văn nghệ sĩ không nhất thiết cần phải viết những bài thuyết pháp, những mẩu chuyện thiện ác nghiệp báo mới được gọi là phục vụ cho lý tưởng đạo Phật. Người văn nghệ sĩ Phật tử có thể vẽ tranh hài hước, có thể viết tiểu thuyết trang trong các nhật báo, có thể soạn dân ca... và đề tài sẽ là đề tài lấy trong cuộc sống hàng ngày. Ngòi bút sẽ

chẳng bao giờ hạ xuống để viết hay vẽ những gì gây thêm căm thù, cuồng tín, và những gì kích động dục vọng thấp hèn. Ngòi bút sẽ ca ngợi tình yêu thương, sẽ gây ý thức cho quần chúng về những đau khổ hiện thực của cuộc đời, động viên quần chúng đứng dậy trong công cuộc cách mạng xã hội để cải tiến đời sống đang đầy dẫy khổ đau. Sức mạnh của lòng xót xa và tình thương yêu có thừa năng lực dựng quần chúng đứng dậy trong một niềm tin vào tự lực của mình và vào ngày mai. Lòng xót xa ấy, tình yêu thương ấy và niềm tin ấy là những hoa trái tốt đẹp nhất mà người văn nghệ sĩ Phật tử có thể hiến tặng.

Tỉnh táo trong ý thức về Sự Thực Thứ Nhất, người văn nghệ sĩ Phật tử sẽ không thể không đứng trong hàng ngũ của chủ nghĩa *chân hiện thực*. Do đó mà người văn nghệ sĩ Phật tử không xa lìa quần chúng. Và cũng nhờ thái độ khiêm cung cởi mở sẵn sàng học tập mà người văn nghệ sĩ Phật tử sẽ không như những con người tuy rằng đứng ngay trong mỗi trường sinh hoạt của quần chúng mà không thể nào hiểu được quần

chúng, vì lẽ những cái vỏ cổ chấp và cuồng tín đã khép họ lại thật chặt cho đến nỗi bất cứ sự xúc tiếp nào cũng đều trở thành vô hiệu.

Những văn nghệ sĩ nào đã đi thật sâu trong phạm vi sinh hoạt tôn giáo cũng cần chú trọng đến sự cải tiến nền lễ nhạc kiến trúc và mỹ thuật tôn giáo. Lễ nhạc, kiến trúc và mỹ thuật tôn giáo cần biểu lộ tinh thần bi trí dũng của đạo Phật và công việc này còn có giá trị mười lần hơn những bài thuyết pháp hùng hồn. Nhìn một tượng Phật còn xấu hơn cả hình người, nhìn một ngôi chùa kiến trúc còn rườm rà và vuu hơn cả một cái rạp hát, nghe những bài nhạc và lời tụng còn chát chúa ồn ào hơn cả một bài hát thể gian, ai cũng có quyền nghi ngờ thực chất của đạo Phật. Người văn nghệ sĩ Phật tử chân chính sẽ phải có mặt ở mọi lĩnh vực sinh hoạt để mà chỉnh đốn lại mọi lệch lạc và đảm nhiệm lấy trách vụ nói lên bằng ngôn ngữ nghệ thuật của mình tiếng nói của đạo Phật trong cuộc đời.

NHẤT HẠNH

Sách của nhà xuất bản Sáng Tạo

Doãn Quốc Sỹ : Ba Sinh Hương Lửa 80đ — Dòng Sông Định Mệnh 40đ
Trái Cây Đau Khổ 40đ — Gìn Vàng Giữ Ngọc 41đ — Người Đàn Bà Bên Kia Vĩ
Tuyển 110đ — **Nguyễn Sỹ Tế** : Chờ Sáng (Hết) — **Tuệ Mai Trần Gia** : Thơ
Tuệ Mai 50đ — Không Bờ Bến 40đ — **Mai Thảo** : Bản Chúc Thờ Trên Ngọn
Đỉnh Trời 50đ — **Thanh Tâm Tuyển** : Khuôn Mặt 40đ — Mặt Trời Tìm Thấy 50đ
Duy Thanh : Lớp Gió 52đ — **Minh Đức Hoài Trinh** : Bơ Vơ 52đ — Hồn 44đ
Mơ 37đ.

Mới cho phát hành vào dịp xuân Ất Tỵ

U Hoài tập truyện của Doãn Quốc Sỹ xuất bản lần thứ hai 40đ.

Thư Sinh kịch thơ của Minh Đức Hoài Trinh 40đ.

Đôi Cánh Gây Của Thiên Thần Tập truyện của Vĩnh Lộc 42đ.

Các bạn ở xa có thể viết thư về cho nhà xuất bản Sáng Tạo 133 Võ Tánh Saigon hay cho Doãn Quốc Sỹ 338/60B Thành Thái Cholon các bạn sẽ nhận được sách gửi bảo đảm tận nhà.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. D. A. E. D.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique
Installations de garothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.



PHI-CƠ PHẢN-LỰC

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG



SAIGON.HONGKONG
SAIGON.PHNONPENH.BANGKOK

} 3 chuyến mỗi tuần

bằng

Caravelle

PHI-CƠ PHẢN-LỰC TRÁNH-LỆ NHỨT THẾ-GIỚI

★ NHANH-CHÓNG

★ ÊM-ÁI

★ TIỆN-NGHI

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG



lịch - sử

LẠC VIỆT

(Xin xem B.K.T.Đ. từ số 196)

III.— TỪ HÙNG-VƯƠNG RA LẠC-VƯƠNG *

Nghiên cứu lịch sử Việt Nam không ai mà không khỏi thắc mắc về triều đại Hùng Vương, và tự hỏi sao chức Lạc Vương lại bị thay thế. Sự thay thế này có thể là một sự sai lầm vô ý, hay là một sửa chữa hữu ý để cho danh từ mang một ý nghĩa, và câu chuyện đượm vẻ oai hùng? Để đáp lại những câu hỏi như thế, cần phải giải gỡ dần dần.

1. Một thay đổi hữu ý.

Trên kia có lần chúng tôi đã đặc biệt lưu ý đến sự kiện dân Lạc Việt không hề tự chép lấy lịch sử của họ, mà việc đó lại do người Trung quốc làm, nên các danh từ riêng trở thành vô nghĩa trong Hán ngữ. Những danh từ riêng đó, chỉ là những danh từ phiên âm, vì thế, hễ chữ Hán nào có cùng một âm đều có thể đem dùng. Người ta sẽ không lạ gì khi thấy chữ Lạc,

một tiếng phiên âm, đã được chép bằng nhiều chữ đồng âm khác nhau :

Sử ký	駱
Hậu Hán Thư	—
Quảng châu ký	—
Cương mục	—
Lĩnh nam trích quái	絡
Toàn thư	—
Quảng châu ký	雜
An nam chí lược	—

Nhưng không phải ai cũng hiểu rằng chữ Lạc chỉ là một tiếng phiên âm, nên có kẻ khi đọc đến các chữ « Lạc

* L.T.S.— Bạn đọc có thể tham khảo thêm : Bài « 18 vị vua dựng nước ta là Lạc-Vương hay Hùng-Vương » của Phạm-Hoàn-Mĩ đã đăng trên Bách Khoa các số : 49, 52, 54, 55 và đầy đủ hơn trên Văn Hóa Nguyệt san các số : 50, 51, 52, 54, 55.

điền », « Lạc dân », « Lạc vương » v.v... sẽ cho là vô nghĩa, khó hiểu, họ tìm cách đề hiểu, đề thoát chỗ bí. Mà không phải là không có lối thoát, đối với họ. Về cách viết chữ Lạc của *Sử ký*, (hay của *Toàn thư*) lối thoát thật khó thấy, nhưng với chữ Lạc của *Quảng châu ký*, làm gì mà không tìm được một cách giải thích hợp lý. Không phải chữ Lạc rất giống chữ Hùng đó sao? (雄 — (1)). Mà chữ Hùng đặt lên trước các tiếng dân, vương, chẳng hạn, thì ý nghĩa tốt đẹp biết dường nào! kêu biết bao! Lý luận vừa phác, chắc chắn đã là lý luận của Thảm Hoài Viễn, tác giả của *Nam Việt chí* (thế kỷ 5), vì ông đã thay chữ Hùng vào chỗ chữ Lạc, khi lập lại hầu như nguyên văn đoạn văn của *Giao châu ngoại vực ký* nói về dân Lạc Việt. Nhưng để dẫn chữ Hùng vào, cần phải có những lời đưa đường, nên tác giả tạo ra một đoạn văn dài hơn. Thảm Hoài Viễn nói: « Đất Giao Chỉ rất màu mỡ, người ta đi dân đến ở, chính họ là kẻ đầu tiên khai khẩn đất này. Đất đen và xồi, hơi đất xông lên mùi hùng. Vì vậy người ta gọi ruộng đó là hùng điền, dân đó là hùng dân. Có quân tướng gọi là hùng vương; vương có kẻ giúp gọi là hùng hầu. Đất thì chia cho các hùng tướng ».

Cố gắng của Thảm Hoài Viễn để gỡ trí khôn ra khỏi một ngõ bí đó, xem ra may mắn, nhưng lại không được mọi người chấp nhận hoàn toàn. Vì nó trái với căn cứ lịch sử một cách quá rõ rệt. Nhưng cũng có kẻ chẳng những là hoan nghênh mà còn đi tuột sang

thái cực bên kia nói rằng chính chữ Hùng là căn bản rồi sau mới bị các sử gia viết lầm ra chữ Lạc. Nói như thế thiết tưởng không gì sai lạc cho bằng. Cứ nhìn vào sử sách, người ta thấy rằng tiếng Lạc Việt đã được nói đến từ lâu trước, từ thế kỷ I trước K.N. (với *Sử ký*), rồi những tiếng Lạc vương, Lạc hầu, Lạc tướng cũng đã xuất hiện từ thế kỷ III, IV; đang lúc những tiếng Hùng vương, hùng hầu, hùng tướng, đến thế kỷ V mới ra đời mà lại chỉ là một cách giải thích (không đúng chỗ) cho một đoạn văn có trước.

2. Vinh dự của một sai lạc.

Trong những kẻ (rất ít) đã chấp nhận hoàn toàn đoạn văn của Thảm Hoài Viễn có tác giả của *Thái bình hoàn vũ ký*, một tập sách xuất hiện vào thế kỷ thứ 10. Tập đó đã hai lần lặp lại lời của *Nam Việt chí* (q. 120, 9a, 10a).

Sử gia Việt Nam không trích dẫn một cách mù quáng đối với đoạn văn của Thảm Hoài Viễn. Lê văn Hưu không nói gì đến vấn đề Lạc Việt, nên không có thái độ nào. Lê Tắc thì theo tập truyện *Giao châu ngoại vực ký*, chỉ nói đến Lạc vương, Lạc tướng (trang 39) Đến Lý Tế Xuyên, trong *Việt điện U linh tập* (1329) mới thấy dùng đến chuyện Hùng Vương, nhưng bên cạnh danh từ đó, người ta lại thấy ngay tước hiệu Lạc hầu (109). Tác giả *Việt sử lược* (chép lối 1377) chỉ nói đến Hùng Vương, không động cập đến Lạc vương, hay Lạc hầu, mà lại giải nghĩa tiếng đó không giống như Thảm Hoài Viễn đã làm. Đây lời *Việt sử lược*: « Gia ninh

(1) Bên chữ hữu, bên chữ chuy.

bộ hữu di nhân, yên, năng di huyền thuật phục chư bộ lạc, tự xưng Hùng-vương, đô ư Văn-lang, hiệu Văn-lang quốc, di thuần chất tục, kết thăng vi chính, truyền thập bát thế, gia xưng Hùng-vương" (q. I, tờ Ib) (Bộ Gia-ninh có người khác thường, có tài dùng huyền thuật bắt các bộ lạc phải khác phục, tự xưng là Hùng-vương, đóng đô ở Văn-lang, gọi nước là Văn-lang, phong-tục chất phác, dùng lối kết dây để cai-trị, truyền được 18 đời, đều gọi là Hùng-vương. Ở đây, vua nước Văn-lang (sic) sở dĩ gọi là Hùng-vương, là không phải vì cai trị dân Hùng, mà chính là bởi vua có phong độ một con người hùng, có tài dùng huyền thuật. Có lẽ *Việt sử lược* đem ra một lối giải thích khác, vì sách đó theo một tập truyền khác với của *Nam việt chí*. Những yếu tố của sự dị biệt thấy được ở chỗ sách đó nói Giao-chỉ có 15 bộ lạc, ở chỗ Hùng-vương lập một nước Văn-lang, mà nhất là ở chỗ Hùng-vương truyền kế 18 đời. Các yếu tố đó là những sáng tạo do một giấc mơ vĩ đại kết lại bởi tại tác giả đã đọc nhiều sách, sử ký có, tề-thuyết có. Nhưng nếu muốn biết chuyện nào đã ảnh hưởng nhiều hơn cả trên đầu óc của tác giả *Việt sử lược*, người ta không phải là không có hướng để tìm. Cái hướng phải nhìn vào đã được chỉ rõ trong câu kể theo đoạn vừa trích. Câu đó nói: « Việt-Câu-Tiền thường khiến sứ sai dụ, Hùng-vương cự chi ». Câu-Tiền là một nhân vật lịch-sử, được nói đến ở *Sử ký* của Tư-Mã-Thiên ở chương 41 và trước chuyện Câu-Tiền, độc giả đã gặp được chuyện nước Sở (chương 40)

và nước Sở có Hùng-vương. Đọc vào *Sử ký* và rồi đọc vào *Việt sử lược*, ai cũng có thể thấy chữ Hùng 熊 ở sách trước, không giống chữ Hùng (1) ở sách sau. Dầu sao, hai bên cũng là Hùng và nếu sự dùng chữ đồng-âm khác nhau để ghi lại một danh từ riêng đã không phải là một sự ít thấy (xem chữ Lạc) nơi các học giả nghiêm-nghị, thì chúng ta sẽ không lạ gì khi thấy hiện tượng đó ở một tác giả đầy óc mơ hồ như tác giả *Việt-sử-lược*. Và Hùng-vương nước Sở có 18 đời !

Đoạn *Sử - ký* nói về Hùng - vương như sau :

«... Hùng Dịch sống dưới đời Chu Thành vương (1115 — 1079). Bấy giờ vua tiến cử con cái của quan văn võ có công với nhà Chu, nên phong cho Hùng Dịch làm chủ vùng man di đất Sở. Khi phong, vua dùng tước tử, tước nam, lấy tên đất mà phong. Còn Hoa thị (họ Hoa, họ cai trị Trung-quốc) thì ở Đan Dương Tước tử đất Sở là Hùng Dịch (1122 — 1079) cùng với tước Công nước Lỗ là Bá Cầm (1115 — 1062). Khang thúc tử nước Vệ là Mậu (1115 — 1079), Tấn là Nhiếp (1102), Thái công tử nước Tề là Xả cấp hầu (1122 — 1079) đều làm quan dưới thời Thành vương.

« Hùng Dịch sinh Hùng Nghệ (1078 — 1053)

« Hùng Nghệ sinh Hùng-Đán (1052 — 1002)

« Hùng Đán sinh Hùng Thắng (1001 — 947)

« Hùng Thắng lấy em là Hùng Dương (946 — 888) nối vị

« Hùng Dương sinh Hùng Cừ (887 — 878)

(1) Bên chữ hữu, bên chữ chuy.

« Hùng Cừ sinh ba con trai. Bấy giờ Di vương (894 — 879) nhà Chu suy vi, trong số chư hầu có kẻ không triều cống lại còn đem quân đánh nhau. Hùng Cừ giữ được vùng Giang Hán rất yên ổn, bèn cất quân đánh Dung. Khi đến đất Ngạc, Hùng Cừ nói : « Ta là người man di không đáng xưng hiệu thụ như ở Trung-quốc Ông bèn lập con cả ông là Khang làm Câu đàn vương, con thứ là Hồng làm Ngạc vương, con út là Cháp Tì làm Việt Chương vương. Các đất đó đều ở dọc sông thuộc đất Sở man. Đến thời Lệ vương nhà Chu (878 — 842) vua bạo ngược. Hùng Cừ sợ vua đánh Sở bèn bỏ kẻ kế vị và đặt Hùng Mậu Khang. Nhưng Mậu Khang chết sớm và Hùng Cừ cũng chết. Con là Hùng Chí (877) kế vị. Hùng Chí bị người em giết chết mà lên thay, gọi là Hùng Diên (876 — 848).

« Hùng Diên sinh Hùng Dũng (847 — 838)

« Năm thứ sáu của Hùng Dũng người nước Chu làm loạn đánh đuổi Lệ vương chạy ra đất Trệ. Hùng Dũng được 10 năm thì mất, đặt em lên là Hùng Nghiêm (837 — 828). Hùng Nghiêm được 10 năm thì mất, có bốn con trai : Con đầu là Bá Sương, con thứ hai là Trọng Tuyết, con thứ ba là Thúc Kham, con sau hết là Quý Tuần. Khi Hùng Nghiêm mất, đó là Hùng Sương (827 — 823). Năm đầu

của Hùng Sương Tuyên vương của nhà Chu cũng mới lên ngôi (827 — 782). Hùng Sương đến năm thứ sáu thì mất, ba em ông tranh nhau địa vị. Trọng Tuyết chết, Thúc Kham bỏ đi tị nạn ở đất Bốc, em út là Quý Tuần lên, gọi là Hùng Tuần (821 — 800) Năm Hùng Tuần thứ 16, Tịnh Hoàng Công (806 — 771) được phong ở đất Tịnh. Năm thứ 22, Hùng Tuần chết, con là Hùng Ngạc (799 — 791) thay. Được chín năm, Hùng Ngạc mất, con là Hùng Nghi lên thế, đó là Nhục Ngao (790 — 764). Nhục Ngao trị được 20 năm thì U vương (781 — 771) nhà Chu bị bọn Khuyển-Nhung giết. Nhà Chu dời đô về đông, và Tương công nhà Tần (777 — 766) bắt đầu được kể vào số chư hầu. Năm 27, Nhục Ngao mất, con là Hùng Khản lên, là Tiêu Ngao (763 — 758) Được sáu năm Tiêu Ngao mất, con là Hùng Tuân lên, đó là Phần Mạo (757 — 741). Phần Mạo năm thứ 13, nhà Tần bắt đầu làm loạn, lấy việc Khúc Ốc làm lý do. Phần Mạo được 17 năm thì mất, em là Hùng Thông giết con của Phần Mạo rồi lên thay, đó là Võ vương nước Sở (740 — 690).

Đoạn sử này cho biết rằng nước Sở bên cạnh nước Việt của Câu Tiễn (496 — 465) có 18 đời vua :

1) Hùng Dịch	1122. . .
2) Hùng Nghệ	1078. . .
3) Hùng Đán	1052. . .
4) Hùng Thắng	1001. . .
5) Hùng Dươg	946. . .
6) Hùng Cừ	887. . .
7) Hùng Mậu Khang	877. . .
8) Hùng Chí	877. . .
9) Hùng Diên	876. . .

10) Hùng Dũng	847...
11) Hùng Nghiêm	837...
12) Hùng Sương	827 ..
13) Hùng Tuần	821...
14) Hùng Ngạc	797...
15) Hùng Nghi	790. .
16) Hùng Khản	763...
17) Hùng Tuân	757...
18) Hùng Thông	740-690...

Người ta có thể thắc mắc tại sao tác giả *Việt sử lược* lại có thể liên kết chuyện Hùng - vương, hết từ năm 690 trước K. N. với chuyện Câu-Tiến một người chỉ bắt đầu làm vua nước Việt-năm 490 trước K. N ? Thiết tưởng thắc mắc này không cần nêu ra, vì sự vật quay cuồng lẫn lộn giấc mơ vĩ đại của tác giả, và như vậy, tên tuổi, địa điểm, thời gian, có thể liên kết với nhau một cách vô cùng tự do.

Nhưng một mình *Nam việt chí* cũng chưa phải là nguồn gốc của Hùng vương trong *Việt sử*, mà một mình *Việt sử lược* cũng chưa phải. Tham bác cả hai tập truyền đó lại một cách thâm thiết, làm được cho Hùng-vương do Lạc vương mà ra cũng là Hùng vương do nước Sở mà ra, đó mới là công việc các học giả Việt nam cố gắng làm. Con người đã bắt đầu công việc to tát đó có lẽ là tác giả của *Lĩnh nam trích quái* vào thượng bán thế kỷ thứ 15. Ở đây, sự việc sẽ được chấp nối một cách tự do và quái dị ! Dẫn đầu một loạt những chuyện "trâu ma rắn thần", là chuyện họ Hồng bàng, tức là chuyện trong đó có nói về Hùng vương. Thử đọc qua câu chuyện :

« Cháu ba đời Viêm đế họ Thần nông tên là Đế Minh, sinh ra Đế Nghi, rồi đi Nam tuần đến Ngũ Lĩnh gặp Vụ tiên nữ, sinh lòng yêu mến, cưới về làm vợ sinh ra Lộc Tục, dung mạo đoan chính và rất thông minh. Đế Minh lấy làm lạ cho nổi ngôi, nhưng Lộc Tục nhường cho anh. Đế Minh lại lập Đế Nghi làm vua cai trị phương Bắc, cho Lộc Tục làm Kinh Dương

Vương, cai trị phương Nam. đặt tên nước là Xích qui

« Kinh Dương Vương xuống Thủy phủ cưới con gái Vua Động Đình là Long nữ, sinh ra Sùng Lãm, tức là Lạc Long quân. Lạc Long quân thay cha trị nước, còn Kinh Dương Vương không biết đi đâu...

« Lạc Long quân... thấy nàng Âu Cơ (ái thê của Đế Lai, ông này là con của Đế Nghi) ở một mình, dung mạo tuyệt đẹp, nên yêu quá mới hóa ra một chàng trai trẻ mỹ lệ .. Âu Cơ trông thấy, lòng cũng xiêu theo. Long quân bèn rước nàng về núi Long trang ... Âu Cơ ăn ở với Lạc Long quân được một năm sinh ra một bọc trứng, cho là điềm không hay đem bỏ ra ngoài đồng nội. Hơn bảy ngày, trong bọc nở ra 100 trứng, mỗi trứng là một người con trai, nàng đem về nuôi nấng, không phải cho ăn cho bú gì mà chúng cứ tự nhiên lớn lên, trí dũng song toàn, ai cũng úy phục.

« ... Âu Cơ cùng với 50 người con trai ở tại Phong Châu (Bây giờ là huyện Bạch Hạc) tự suy tôn người hùng trưởng lên làm vua, gọi là Hùng vương, lấy tên nước là Văn lang... đặt các em làm tướng võ, tướng văn, tướng văn gọi là Lạc hầu, tướng võ gọi là Lạc tướng...

« Trăm người con trai là thủy tổ của Bách Việt vậy ».

Trong chuyện này, không cần phải chú ý lắm, chúng ta cũng nhận được những yếu tố tập truyền của *Việt sử lược* về

Hùng vương và tập truyền của *Giao châu ngoại vực ký* về Lạc hầu, Lạc tướng. Tính cách tưởng tượng của câu chuyện thật là rõ rệt. Ngoài ra nó còn mang cả tính cách đối phong bại tục nữa. Nói cho thật, về các nhân vật Kinh Dương vương, Lạc Long quân, không phải tác giả của *Lĩnh nam trích quái* đã tự bịa đặt ra, nhưng đã lấy ở chuyện *Liễu Nghị* của Lý Triều Uy đời Đường. Chắp nối tất cả những thứ đó lại ở đây, tác giả có lẽ chỉ nhằm vào câu kết luận cuối cùng, tức là giải thích một cách hài-hước tiếng Bách Việt.

Nhưng, không phải nhờ tập *Lĩnh nam trích quái* mà tập truyền Hùng vương đã được bắt hủ hóa trong trí óc người Việt. Tác phẩm đã làm việc đó, chính là bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên. Trong *Toàn thư*, ông không có công sáng tác câu chuyện, nhưng sáng kiến của ông lại không ai bì kịp — mà có lẽ cũng không ai muốn cạnh tranh với ông ở chỗ đó — đó là lấy chuyện quái dị làm chuyện sử. Quả thế, bộ sử của ông mở đầu với thiên « Hồng bàng thị kỷ » gồm các đời Kinh Dương vương, Lạc Long Quân, Hùng Vương. Về Kinh Dương Vương ông long trọng giới thiệu : « Hủy lạc Tục, Thần nông thị chi hậu dã ». Rồi với một cách rõ ràng, chắc chắn như bao nhiêu đời vua khác ông chép :

« Nhâm Tuất, nguyên niên. Sơ Viêm đế Thần nông thị tam thế tôn Đế Minh sinh Đế Nghi, ký nhi nam tuần chi Ngũ linh, tiếp đắc Vụ tiên nữ, sinh vương... »

Vì chuyện của *Lĩnh nam trích quái* đã được lịch sử hóa, và Kinh Dương Vương

có một tuổi thứ, ta thử hỏi Nhâm Tuất nói đó là năm nào ? Muốn biết, tưởng không khó lắm. Cuối thiên Hồng bàng thị, Ngô Sĩ Liên đã cho biết năm cuối cùng của triều đại, và đồng thời cũng cho biết số năm các vua trong triều đại đã cai trị dân. Ông chép :

« Tự Kinh Dương vương, Nhâm Tuất, thụ phong, dự Đế Nghi đồng thời, truyền chi Hùng vương quý thế, dương Chu Noãn vương, ngũ thập thất niên, Quý Mão, chung. Cai nhị thiên lục bách nhị thập nhị niên ». Dịch : Từ khi Kinh Dương vương thụ phong, là năm Nhâm Tuất, đồng thời với Đế Nghi, đến năm Quý Mão, đời Hùng vương cuối cùng là hết, tức là vào năm 57 đời Chu Noãn vương. Tất cả là 2622 năm (q. 1, 5b).

Năm 57, niên hiệu Noãn vương nhà Chu, tức là năm Quý Mão, 258 trước K. N. Dem niên biểu này cộng với tổng số năm của họ Hồng bàng, chúng ta có $(2622 + 258)$ 2880 năm ; như vậy năm Nhâm Tuất chỉ có thể là năm 2879 trước K. N. Thật là một con số khổng lồ, vượt cả truyền thuyết của lịch sử Trung quốc bắt đầu với vua Phục Hi, cai trị từ 2858 đến 2737 !

Các chi tiết khác về Kinh Dương vương, và cả cuộc đời của Lạc Long quân đã được Ngô-Sĩ-Liên lược lại của *Lĩnh nam trích quái*. Riêng về chuyện Hùng-vương ông không lấy ở chuyện Hồng bàng mà thôi, mà còn dùng nhiều chuyện khác nữa, như Đồng-thiên-vương, Bạch trì, Tản viên. Ông cho tất cả đó là những sử liệu tốt, chỉ nghi ngờ đôi chút về Sơn-Tinh, Thủy Tinh. Ông bàn rằng : « Chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh kể cũng quái đản

thật. Tin sách quá, chẳng bằng không sách. Thuật ra đây chỉ là để truyền lại; một điều đáng nghi » (q. 1, 5b). Còn những truyện như đẻ trăm trứng, ông cho là có thể có thật. Đây luận điệu của ông :

« Trong thời Trời Đất mới khai sinh, có những giống do khí hóa mà thành, như họ Bàn Cồ chẳng hạn. Có giống do khí hóa, rồi mới có giống do hình hóa, nhưng giống nào mà không bởi hai khí âm dương, Kinh Dịch chép : Trời đất ấp ủ, vạn vật hóa thành, trai gái chung tình, vạn vật hóa sinh. Bởi đó có chồng, có vợ, rồi mới có cha, có con có cha ; có con, rồi mới có vua, có tôi. Nhưng thánh hiền sinh ra tất khác với người thường. Vì thế, do mệnh trời, nên một trứng én mà sinh ra nhà Thương, đập vào đầu chân người không lồ mà sinh ra nhà Chu. Đó đều là chép sự thực cả. Dòng dõi họ Thần nông là Đế Minh gặp được Vụ tiên nữ mà sinh ra Kinh-Dương-Vương, đó là thủy tổ của Bách-Việt. Vua lấy con gái Đế Lai mà sinh dục có điềm lành trăm trai, vì thế mà có thể gây dựng cơ đồ nước Việt ta », (q. 1, 2ab).

Với những lý luận như thế, Ngô-Sĩ-Liên không thể không tin chắc vào chuyện Hùng-vương, vì thế ông đã nghiêm nghị chép :

« Hùng-vương là con Lạc long quân, đóng đô ở Phong-Châu. Khi Hùng-vương lên ngôi đặt quốc hiệu là Văn Lang, chia nước làm 15 bộ, là Giao Chỉ, Châu Nhai, Võ Ninh, Phúc Lộc, Việt Thường, Ninh-Hải, Dương Tuyền, Lục Hải, Võ Định,

Hoài Hoan, Cửu Chân, Bình Văn, Tân-Hung, Cửu Đức, giao cho thần thuộc, còn bộ Văn-Lang thì dùng làm kinh đô. Vua lập quan văn là Lạc hầu, quan võ là Lạc tướng ; con trai vua là quan Lang, con gái là Mỹ nương, người giúp việc là Phó chính, cứ đời đời cha truyền con nối, là Phụ đạo. Các đời vua đều gọi là Hùng-vương ». (q. 1, 3a).

Khi chép như vậy, không phải ông chỉ lấy lại của *Lĩnh nam trích quái*, mà ông còn sửa chữa, hoặc giải thích thêm, cho biết rằng ông là một người học rộng và cẩn thận, chỉ một điều là không biết phân biệt chuyện thật với chuyện bịa, nên lúng túng. Ở chữ Lạc tướng chẳng hạn, ông đã chú thích : « hậu thác vị Hùng tướng » (về sau làm ra Hùng tướng). Hỏi sao ông phê bình Hùng tướng là « thác », mà về Hùng vương ông lại không nói gì ? Đó là vì Hùng vương vừa có trong *Nam Việt chí*, vừa có trong *Việt sử lược*, lại vừa có trong sử nước Sở. Thật vậy, Ngô Sĩ Liên đã căn cứ vào sử nước Sở (trong *Sử ký* của Tư mã Thiên) để sửa chữa những sai lầm của *Lĩnh nam trích quái*. Sách này ở chuyện Đồng thiên vương, nói rằng người lạ xuất hiện ở làng Phù Đồng để đánh bại quân nhà Ân là vào đời Hùng vương thứ ba. Ngô Sĩ Liên thấy không hợp với chuyện Hùng vương nước Sở, vì ở nước Sở, đến đời Hùng Cừ, tức là Hùng vương thứ 6 mới có loạn, nên trong *Toàn thư* (Ngoại kỷ q.1, 3b) ông đã chép : « Hùng vương lục thế, Võ ninh bộ, Phù đồng hương, hữu phú gia ông sinh nhi v.v... » Sự sửa chữa này càng làm chứng rõ rệt

chuyện Hùng vương, với 18 đời vua, trong sử Việt Nam là đã bắt nguồn từ sử Tàu, ở thiên nói về nước Sở.

Bởi Ngô Sĩ Liên đã lịch sử hóa chuyện Hùng vương, nên từ đó người Việt Nam đã kể chuyện đó như là một chuyện thật. Đến cả sử quán triều Nguyễn và vua Tự Đức cũng tin như thế. Họ có thể bác các chuyện Kinh Dương vương, Lạc Long quân, nhưng không dám nói gì về Hùng vương. Sau khi đã đọc đề nghị của Sử quán về việc phê bình Hồng Bàng thị kỷ của Ngô Sĩ Liên, vua xuống dụ rằng :

« Bộ Việt sử Thông giám Cương mục này, cho phép bắt đầu từ đời Hùng vương để nêu rõ quốc thống nước Việt ta là khởi sự từ đó. Còn hai niên kỷ Kinh Dương vương và Lạc Long quân thì chuẩn cho chưa phụ vào sau đời Hùng vương để hợp với nghĩa « dĩ nghi, truyền nghi ». (Cương mục, Tiền biên, q. thủ, 9b)

Thế là tập truyền Hùng vương cứ tồn tại, mặc dầu nước của Hùng vương đó trị bị nghi ngờ. Chẳng những sử quán triều Nguyễn bác bỏ hai đời vua « quái đản » kia, mà còn đánh một dấu hỏi lớn vào lãnh thổ nói là của Hùng vương. Họ không tin nước Văn lang (sic) rộng đến thế, và họ thẳng thắn cần án :

« ... Thế tổ Cao hoàng đế ta đại định thần châu, thống nhất toàn cõi nước Việt, đông đến biên cả, tây đến Vân Nam, nam đến Cao Man, bắc đến lương Quảng, diện tích của nước chưa bao giờ rộng bằng, vậy mà giáp giới cũng chưa

bao giờ đến hồ Động Đình cùng nước Ba Thục. Nay, khi cõ sử chép nước Văn lang tây giáp Ba Thục, bắc giáp Động Đình chẳng là xa sự thật lắm sao? Động Đình giáp Hồ Nam, Hồ Bắc, thật sự ở phía bắc Bách Việt, mà Ba Thục với Văn Lang còn bị cách bởi Tuấn Điền (nay thuộc Vân Nam) không liền đất nhau. Vậy chẳng qua là sử cũ chép quá phô trương đó thôi ».

« Hơn nữa, mười lăm bộ kể ra đó đều ở phía nam Giao Chỉ và Châu Viên, tuyệt đối không một bộ nào ở đất Trung Hoa cả Bởi vậy, sự sai lầm về lời cựa sử quả quyết đã có thể minh chứng được ». (*Tiền biên*, q.1, 4ab).

Chẳng những thế, người ta còn có thể quả quyết được rằng trong lịch sử, vào thời trước thế kỷ III trước K.N, không có một nước nào gọi là nước Văn Lang, và tên của các bộ được *Toàn thư* nhắc đến đều là tên những quận, huyện của đất cổ Việt xuất hiện sau thế kỷ II trước K.N.

Nước Văn Lang của *Toàn thư* chỉ gồm những địa danh trong nước mà Ngô Sĩ Liên vạch cương giới cho, lại bắt nó nằm một phần lớn bên Tàu, do đó Henry Maspero đã nghĩ ra rằng, có lẽ người đầu tiên phân định lãnh vực cho Văn lang, đã lầm chữ đó với chữ Dạ lang cũ, vì nước Dạ lang mới có thể có một biên thủy tương tự. Người ta có thể lầm dễ dàng hai chữ đó, vì trong chữ Hán, hai chữ đó có vẻ giống nhau :

Văn lang	文郎
Dạ lang	夜郎

Sự lầm lẫn như thế, không phải chỉ ở địa hạt ước đoán, mà đã xảy ra thực sự. Ví dụ, đang khi *Thái bình hoàn vũ ký* chép : « Phong Châu là đất của Dạ lang ; vì ở cương giới huyện Tân Xương ngày nay có một con sông gọi là Dạ lang Khê ». (q. 38, 9b), thì quyển *Thông điển* lại chép : « Phong Châu là đất của Văn lang » rồi chú rằng « Có một con sông gọi là Văn lang ». (*Thông điển*, q. 184, 25b).

Giúp cho sự sai lầm như vừa nói, có lẽ còn có yếu tố này nữa : Sách *Lâm ấp ký* nói rằng ở huyện Châu Ngô tại Nhật nam có một giống người mọi gọi là Văn lang dã nhân. Tên của giống người này đã được dùng để đặt cho một con sông nhỏ ở phía Nam huyện, gọi là Văn lang cứu. (*Thủy kinh chú* q. 36, 24a) Thế rồi, có lẽ vì Châu Ngô ít nghe đến mà Thương Ngô thì quá quen, nên tác giả của *Thái bình dư lãm* 9.172, 11b chẳng hạn lặp lại chuyện đó lại nói là dân mọi Văn lang ở Thương Ngô và tên của họ được dùng đặt cho một con sông ở phía Nam quận. Vậy người đọc muốn biết xem Văn lang ở đâu, tất nhiên họ tìm ở phía Nam quận Thương Ngô, là Giao Chỉ.

Đàng khác, nhìn kỹ vào xuất xứ của 14 bộ kia của nước Văn lang tưởng tượng này, người ta thấy được đó là những địa danh tương đối mới.

Giao Chỉ, chỉ mới thấy đời Hán, với tính cách tên quận.

Châu Diên là một tên huyện đời Đường.

Vũ Minh là tên một huyện của quận Vũ bình lập ra năm 271.

Phúc Lộc, tên châu lập ra năm 663.
Việt Thường, tên một huyện, viết 越常 đời Tấn.

越裳 đời Đường.

Ninh Hải, tên quận đời Lương.

Dương Tuyền, tên của đời Đường.

Lục Hải, không có đâu hết, có lẽ viết lầm chữ Lục Lương.

Vũ Định, tên huyện đời Trần, lập năm 271.

Hoài Hoan, tên huyện đời Đường.

Cửu Chân, tên quận đời Hán.

Bình Văn, không có đâu hết.

Tân Hưng, tên huyện lập năm 271.

Cửu Đức, tên quận đời Tống ?

Như vậy, tính cách giả tạo của tất cả câu chuyện Hùng vương đã trở thành hiển nhiên, và thứ dân đầu tiên lịch sử nói đến ở cổ Việt chỉ có thể là dân Lạc Việt, với người đứng đầu là Lạc vương (1).

Kỳ tới : IV Lạc-Việt với các dân lân cận.

(1) Về vấn đề Hùng vương, và Văn lang, nên đọc thêm những bài Etudes d'Histoire d'Annam của Henry Maspero trong BEFEO, số 16, 18 ; Maspero là người đầu tiên đã đặt lại vấn đề.

ẤN PHẨM THỨ 16 CỦA NHÀ XUẤT BẢN T H ù S A

M Á I N H Æ T H O'

Tập truyện của LÊ-VĨNH-HÒA

Đã có bán khắp các hiệu sách

Giá phổ thông

CHUYỆN SAU VỊ THUYỀN SƯ

(Xin xem Bách-Khoa từ số 193)

TUỆ - TRUNG

5. Ngài Phó-Đại-Sĩ

Một hôm, Vua Lương Vũ Đế triệu ngài Phó Đại Sĩ vào cung giảng kinh Kim cang. Vừa ngồi xuống ghế, ngài liền lấy thước gõ vào bàn một tiếng rồi đứng lên. Vua kinh ngạc lắm không hiểu gì. Ngài hỏi : « Bệ hạ hiểu chưa ? » Vua đáp : « Tôi không hiểu ». Ngài nói : « Bồ Tát đã giảng kinh rồi đấy ».

Hôm khác, mình vận chiếc áo nhà sư, đầu đội mũ, chân mang giày, Bồ Tát Phó Đại Sĩ lại vào cung viếng Vua. Vua hỏi : « Ngài có phải nhà sư không ? » Bồ Tát lấy tay chỉ lên mũ để trả lời. Vua lại hỏi : « Ngài có phải nhà đạo sĩ không ? » Bồ Tát lại chỉ vào giày. Vua hỏi thêm : « Ngài có phải kẻ lừa dối không ? » Bồ Tát liền chỉ vào áo.

Ngài có làm bài kệ sau đây :

Tay không cầm cuốn
Hành nhân chân bước
Mình cỡi thủy ngưu
Có kẻ qua cầu
Cái cầu trôi chảy
Giòng nước đứng yên *

BÌNH LUẬN

Phó Đại Sĩ sinh đồng thời với Tổ Bồ Đề Đạt Ma nhưng cả hai ngài đều không lần rồi đứng dậy để biểu lộ Chân ngã tuyệt đối, giảng trong kinh Kim-Cang v₁

* The handless hold the hoe.

A pedestrian walks, riding on a water buffalo.

A man passes over the bridge,

The bridge (but) not the water flows.

kinh nói rằng mỗi người đều có một cái Tâm trong suốt điều khiển mọi hành vi hàng ngày.

Xưa cũng như bây giờ, thiên hạ thường hay xem trọng bề ngoài cũng như chức tước địa vị. Tất cả những cái đó, trong Phật pháp, đều coi như hư vô. Ngài Phó Đại Sĩ đầu đội mũ, chân mang giày, mình mặc áo, là để dứt sạch tất cả những hình sắc như đã dạy trong kinh Kim Cang, vì tăng nhân không đội mũ, đạo nhân không mang giày, và thường nhân không mang áo nhà sư. Ngài lấy tay chỉ vào mũ để chứng tỏ rằng ngài không phải là nhà sư, chỉ vào giày chứng tỏ rằng ngài không phải là đạo sĩ, chỉ vào áo chứng tỏ rằng ngài không phải là thường nhân, nghĩa là sắc thân của ngài không là cái gì hết, tất cả chỉ là hư vô.

Câu thứ nhất của bài kệ có nghĩa : Cái Tâm không tay xử dụng hình tượng nhân loại là hai tay để cầm cái cuốc.

Câu thứ hai và ba : Con người hiện tượng có một cái Tâm, một Chân ngã điều khiển hai chân bước đi cũng như điều khiển động tác cười trầu.

Câu thứ bốn : Tác động đi qua cầu của con người chứng tỏ có một cái gì (linh hồn) đã nhập vào xác thân lúc sinh ra và rời bỏ lúc chết. Đông phương thường dùng hình ảnh chiếc cầu để chỉ đời sống trần lụy con người.

Câu thứ năm và sáu có nghĩa : Chiếc cầu, hay đời sống, xác thân con người luôn biến đổi, trái lại, dòng nước, hay Ngã tính, là bất biến trường tồn.

6. Vô-Trứ Văn-Hỉ Thuyền-Sư

Ngài Văn-Hỉ đến Ngũ Thái Sơn thăm Động Kim Cương và vào lễ Phật. Ngài gặp một lão trượng tay dắt một con lừa. Lão trượng mời Ngài vào đền, giao lừa cho một tiểu đồng, đoạn đưa Ngài vào chánh điện. Trong đền sắc vàng chói lọi rực rỡ khác thường. Lão trượng ngồi xuống ghế, đoạn chỉ một chiếc gối thêu mời ngài Văn Hỉ ngồi.

Lão trượng hỏi ngài : « Ngọn gió nào đưa ngài đến đây ? » Ngài đáp : « Băn tăng từ phương Nam đến ». Hỏi : « Phật pháp ở đây thế nào ? » Đáp : « Vào thời mạt pháp này, rất ít có những vị khéo biết giữ gìn giới luật ». Hỏi : « Mỗi chùa có bao nhiêu tăng ? » Đáp : « Có nơi ba trăm, có nơi năm trăm ».

Ngài hỏi lão trượng : « Thừa lão trượng, Phật pháp ở đây thế nào ? » Lão trượng đáp : « Loài rắn lẫn lộn với giống rồng, bậc thánh nhân phải sống với kẻ phạm phu tội ác đầy đầy ». Hỏi tiếp : « Chùa này có bao nhiêu tăng ? » Đáp : « Trước ba ba, sau ba ba » (tiền tam tam, hậu tam tam).

Lão trượng gọi tiểu đồng dọn trà. Sau khi dùng trà xong, tâm trí ngài bỗng nhiên mở rộng, sáng suốt khác thường. Lão trượng nâng chén, hỏi ngài : « Ở phương Nam, ngài có cái này chăng ? » Ngài đáp : « Không có ». Lão trượng lại hỏi : « Vậy ngài dùng gì để uống trà ? » Ngài Văn Hỉ không trả lời.

Lúc từ biệt, lão trượng truyền tiểu đồng đưa ngài ra cửa. Ngài hỏi tiểu đồng : « Tiền tam tam hậu tam tam là bao nhiêu người ? » Tiểu đồng bỗng gọi lớn : « Hỡi đấng Chí Thiện ! Ngài trả lời : Tôi đây ! » Tiểu đồng hỏi ngài : « Bao nhiêu ? »

Đột nhiên ngài hỏi : « Đây là chỗ nào đây ? » Tiểu đồng đáp : « Đây là Kim Cương động ! » Ngài liền biết rằng lão trượng chính là Văn-Thù Bồ-Tát (Mānjusrī), ngài buồn bã vì hiểu rằng không có cơ hội nào gặp Văn-Thù Bồ-Tát nữa. Ngài vái vị tiểu đồng, xin dạy ít lời trước khi về Tây phương. Vị đồng tử nói bài kệ sau đây :

Mặt không có sắc giận dữ khi cúng dường, ấy là cúng dường đẹp đẽ,
Miệng không nói điều giận dữ, ấy là ngào ngạt hương thơm,
Tâm không chứa điều giận dữ, ấy là châu ngọc quý,
Không bần không đọa, ấy là vĩnh viễn trường tồn.

Nói xong bài kệ, vị đồng tử và ngôi đền biến mất. Trên trời, Ngài Văn Thù Sư Lợi cưỡi con hoàng sư hiện ra trong đám mây ngũ sắc. Bỗng chốc, mây trắng từ phương Đông bay về và cảnh lạ mờ dần. Ngài Vô Trú, sau đấy quyết tâm ở lại tu hành trên Ngũ Thái Sơn. Về sau, ngài được ngài Ngưỡng Sơn nhận làm đệ tử và được giác ngộ. Thường ngày, ngài hay vào bếp nấu cơm và mỗi lần như thế, Văn Thù Bồ Tát thường hiện ra trên nồi cơm. Ngài cầm đũa bếp đánh Ngài Văn Thù, nói rằng : « Văn Thù là Văn Thù, còn Văn Hỉ là Văn Hỉ chứ ! » Ngài Văn Thù liền nói bài kệ :

Ta đã tu hành ba đại kiếp
Nhưng lão tăng này vẫn ghét ta.

Một hôm, có một đệ tử đến khất thực, ngài liền cho phần của ngài. Ngài Ngưỡng Sơn biết trước việc ấy mới hỏi ngài : « Có một kẻ giác ngộ đã đến đây khất thực, ông có cúng dường cho ngài không ? » Ngài đáp : « Con đã cúng dường rồi », Ngài Ngưỡng Sơn nói : « Ông được phước đức nhiều lắm ».

BÌNH LUẬN

Con lừa tượng trưng cái Tâm bướng bỉnh và Manjusri trí huệ mặc ần trong mỗi một người. Chỉ có Trí huệ mới chế ngự nổi cái Tâm điên rồ.

Ngài Văn Hỉ nói đến những thầy Tỷ kheo không biết giữ giới luật của kẻ tu hành và những chùa gồm có ba trăm

hoặc năm trăm nhà sư. Những thầy tỷ kheo và những chùa là những sản phẩm tượng tượng của Tâm ngài, hoàn toàn không hữu ích gì trong sự tu hành giác ngộ.

Vị Lão trượng trả lời rằng mặc dù rỗng rảnh lẫn lộn, bậc Thánh nhân sống

chung với kẻ phàm phu, nghĩa là mặc dù trong tâm hồn ta có những ý niệm tốt xấu lẫn lộn, nhưng tất cả những cái ấy chẳng qua chỉ là những ảo tưởng tạo ra bởi sự ràng buộc cố chấp vào ý niệm « tam tam » ở ngoài và trong bản ngã. Ba với ba là sáu, tức là *lục quan* ở ngoài. Một lần ba với ba là sáu nữa, ấy là *lục thức* (consciousnesses) ở sâu trong bản ngã tâm linh và sử dụng lục quan mà cảm tỉnh, tư tưởng .. Ý niệm « tam tam » có thể giảng một cách khác : Ba lần ba là chín; chín với chín là mười tám, hay là *mười tám quan giới* (dhatus) (1).



Manjusri (Manju Bosatsu)

Đức Văn Thủ Bồ Tát

Vị lão trượng muốn thử trí huệ Văn Hỉ khi ngài nâng chén trà và hỏi ngài Văn Hỉ hai câu hỏi biểu lộ rằng có một Chân ngã đã điều khiển việc nâng chén trà lên cũng như việc đặt những câu hỏi. Câu hỏi thứ hai : « Ông thường dùng

vật gì để uống trà ? » nhấn mạnh rằng ngài Văn Hỉ cần phải hiểu rằng có cái gì đã sử dụng đồ vật để uống trà cũng như đã uống trà, đấy là Chân ngã, Chân tâm. Ngài Văn Hỉ không hiểu nên không trả lời.

Đồng tử cũng là một kẻ đã giác ngộ nên tiếp tục giác ngộ cho ngài. Tiếng gọi của đồng tử cũng như tiếng trả lời của ngài đều trực chỉ đến Chân tâm, phát xuất từ Chân tâm. Ngài Văn Hỉ vì chưa giác ngộ nên cố chấp vào ý nghĩa những ngôn từ trong câu nói « tiền tam tam, hậu tam tam » của Lão trượng. Vị đồng tử không trả lời câu hỏi của ngài mà chỉ lặp lại hai chữ « Bao nhiêu » để hỏi lại là để cho ngài thấy rằng tất cả những ngôn từ, ý nghĩa chỉ là hư vô không nên cố chấp, và cũng để chứng tỏ rằng Thề Chân như, Chân ngã vốn là một Thề An nhiên, Tự tại, Tuyệt đối nên chỉ có thể cảm thông bằng im-lặng chứ không thể diễn tả bằng ngôn từ nhân loại phàm tục.

Bài kệ của đồng tử đại ý chỉ dạy ngài Văn Hỉ cách rèn luyện tâm hồn để được thành Phật.

Ở Trung Hoa nhiều thiện nam tín nữ lúc đi hành hương thường hay gặp trên núi Ngũ Thái Sơn một ông già, một kẻ hành khất hay nhiều khi một bà già bán trà bánh dọc theo sườn núi. Đấy chính là đức Văn Thủ Bồ Tát. Ngày nay, những chuyện hiện thân của Bồ tát như thế được dân chúng tin tưởng và truyền tụng rất nhiều. Độc giả có thể tìm đọc quyển *Sous des Nuées d' Orage* do bà

(1) Quan giới (Dhatus : Realms of sense) : tức Lục quan, đối tượng và phương pháp cảm nhận của chúng.

Alexandra David-Neel viết kể lại những chuyện rất kỳ thú về sự thị hiện của Bồ tát trong lúc bà đi hành hương trên Ngũ Thái Sơn.

Phần sau câu chuyện nói rằng lúc ngài Văn Hỉ đặc đạo mỗi lần ngài nấu cơm, Văn Thù Bồ Tát thường hay hiện ra trên nồi cơm và bị Văn Hỉ Thuyền sư cầm đũa đánh đuổi là vì ngài Văn Hỉ bây giờ đã giác ngộ nên Tâm không xao động trước những hình sắc, ảo tưởng nữa, khác với trước kia ngài cảm thấy buồn bã khi Văn Thù Bồ Tát về Tây phương. Đối với một người đã đạt được Đại Định thì việc trông thấy những cảnh sắc lạ như gặp Phật, Bồ tát là chuyện thường không nên đem lòng lưu luyến cố chấp. Do đấy, các vị Thuyền sư thường khuyên

các đồ đệ trong khi nhập định nếu thấy những cảnh giới đẹp dễ phải dừng động tâm, vì những ảo tưởng ấy chẳng qua chỉ là những cảnh hoa trên bầu trời như lời Phật đã dạy vậy.

Vị đệ tử là một Bồ tát đến khát thực đề thử trí huệ của ngài. Ngưỡng sơn Thuyền sư biết trước việc ấy là vì ngài đã đắc phép thần thông.

TUỆ-TRUNG

Đại kiếp (Mahakalpa : Great aeon): Thời gian kéo dài từ lúc một thế giới bắt đầu cho đến khi bị hủy diệt. Gồm bốn thời kỳ : Thời kỳ sáng tạo (Hành), thời kỳ tồn tại hiện hữu (Trụ); thời kỳ hủy hoại (Hoại) lúc lửa nước và gió hủy hoại tất cả mọi vật ngoại trừ Tứ Thiền (fourth dhyana) và thời kỳ tiêu diệt (Diệt).

SỬA CHO ĐÚNG về bài Thạch-Cung Thiền-Sư trong số báo trước B.K.T.Đ. số 196 ngày 1-3-65, trang 46 và 47, có 3 hình vẽ « Bắt bò », « giữ bò », và « cỡi bò »... đặt lẫn chỗ và ghi chú thiếu sót. Nay xin đặt lại cho đúng và ghi chú như sau :

CHĂN BÒ HAY LÀ PHÉP AN TÂM

Bắt Bò

Lạc mãi trong rừng sâu cậu bé mục đồng cuối cùng tìm thấy và bắt được con bò. Nhưng thế giới bên ngoài còn quyến rũ quá mạnh nên con thú rất khó kìm giữ. Nó luôn thèm-khát cánh đồng xưa ngào-ngạt hương thơm. Thú-tính của nó vẫn còn mạnh-mẽ, không sao dứt bỏ ngay được. Muốn con bò thuần-thục với mình, cậu bé chỉ việc xử dụng cây roi..





← Giữ Bò

Khi một tư-tướng xuất-hiện, cả một triều tư-tướng khác đồn-dập kéo đến. Nhờ ánh sáng Giác-Ngộ triều tư duy mới nhập-hiện vào dòng Chân-Lý. Nhưng đã rõ Mê-Muội càng tăng khi cái tâm loạn-động vẫn còn. Chính cái bản tâm mê-mờ của ta hành-hạ ta chứ không phải những tha-lực của thế-giới bên ngoài. Đừng để sợi dây xoắn mũi lòng ra! Kéo chặt lại, cậu bé!

Đưa Bò Về Chuồng →

Thế là xong Con người không còn bận tâm chuyện được thua, mắt còn nữa, Hấn vát vẻo ngồi trên mình con thú miệng thổi khúc sáo tiểu-phu, hát những bản đồng-dao mộc-mạc, đi mắt đắm-dắm nhìn đến cõi Thoát Trần. Có ai gọi hấn cũng không quay đầu lại, Dầu quyến-rũ đến mấy chẳng nữa hấn vẫn thản-nhiên. (Trích ba trong mười tranh vẽ của một Thuyền-Sư phái Lâm - Tế mô-tả diễn-tiến các giai đoạn Thuyền. Lời bình luận các tranh vẽ của D.T.SUZUKI)



TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY HỎA HOẠN

TẠI NẠN GÂY BỞI CHẤT NỔ
VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT-LĂNG
Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions
Capital : 1.500.000.000 Frs.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY TAI NẠN

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO
VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG
Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers
Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG - TY BẢO - HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH
Vốn : 8.750.000.000 Phật Lăng

Assurance Franco Asiatique
Assurance Toutes Branches
Capital : 288 750.000.000 F.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG
LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**
CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-Thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

GIẤY NÓI : 21.253 — 23.913

Phòng vấn

MAO - TRẠCH - ĐÔNG

VŨ BẢO

TỪ 16 năm nay Mao-Trạch-Đông chưa cho ai phỏng vấn. Lần đầu tiên nói chuyện với báo chí từ khi lên cầm quyền, Mao Trạch Đông đã chọn một ký giả Hoa kỳ ông Edgar Snow. Trước khi đi vào nội dung buổi gặp gỡ, tưởng cũng nên biết qua về ký giả,

Một chuyên gia về các vấn đề Trung Hoa

Edgar Snow năm nay 59 tuổi. Năm 22 tuổi, Snow đi du lịch vòng quanh thế giới và tới Trung Hoa, Snow tính ở lại chừng 6 tuần để viết bài gửi về cho tạp chí Chicago Tribune. Lần nữa thế nào mà Snow ở lại đúng 12 năm. Hồi đó quân Cộng Sản đang bị Quốc Quân bao vây rất nguy khốn và ngày 16 tháng 10 năm 1934, Mao Trạch Đông đã phải

cho quân lính đi bộ vượt 10.000 cây số rút lui về phía Tây Bắc. Sau 368 ngày gian lao, ngày 25 tháng 10 năm 1935 Mao Trạch Đông mới tới nơi an toàn về phía Bắc Thiểm Tây. Ngay sau cuộc "lưỡng vạn ngũ thiên lý trường chinh" chuyển đi dài 2 vạn 5 ngàn lý đó, vào năm 1936 Snow đã vượt qua vớng vây của quân đội Tưởng Giới Thạch, tới làng Bảo An sống trong hang 3 tháng với Mao Trạch Đông. Và năm 1937, Snow đã cho xuất bản cuốn Sao Đỏ trên đất Trung Hoa (Red Star Over China) trong đó Snow đã tiên đoán là thế giới sau này phải kể tới những người lúc đó chưa có tên tuổi như Mao Trạch Đông, Châu Ân Lai v.v...

Năm 1960, Snow trở lại Trung Hoa một lần nữa. Gặp Mao Trong những



Chủ thích : Mao Trạch Đông và ký giả Edgar Snow trong cuộc đàm thoại ngày 9-1-65.

cung điện cũ sau Thiên An Môn, tại Bắc Kinh, Snow chỉ vào chỗ ở mới của Mao rồi nói :

— Tôi xem chừng cái hang của Chủ tịch bây giờ lớn hơn ngày trước.

Mao cười và trả lời :

— Kể ra cũng có đôi chút tiến bộ » Sau đó Snow được phép đi khắp Trung Hoa trong khoảng 20.000 cây số và khi trở về đã viết một thiên phóng sự gần 600 trang : « Bờ sông bên kia » (The other side of the River). Chưa có cuốn sách nào viết về Trung Hoa ngày nay mà đã được hoan nghênh về tính cách vô tư như cuốn của Snow.

Gần đây Snow lại viếng thăm Trung Hoa vài ngày trước khi Mao cho nổ bom nguyên tử. Và ngày 9 tháng giêng, Mao cho Snow được gặp.

Sơn nam, hải bắc

Mao vẫn mặc cái áo bốn túi, bí tất thỉnh thoảng lại tụt trễ xuống giày, và đã tiếp Snow vào hồi 6 giờ chiều. Sau đó hai người cùng ăn cơm tối. Mao đã uống hai chén rượu và đặc biệt bữa cơm có một món nấu theo kiểu Hồ Nam, quê hương của Mao, đầu bếp rắc rất nhiều hạt tiêu.

Sau bữa ăn, hai người lại nói chuyện chừng 2 tiếng đồng hồ nữa. Cuộc phỏng vấn kéo dài trên 4 tiếng và Snow không nhận thấy một dấu hiệu nhọc mệt nào ở nơi nhà lãnh tụ 71 tuổi của Trung Hoa Đỏ. Thứ nhất là trước khi gặp Snow, trong mấy tuần lễ liền Mao đã tiếp các phái đoàn các tỉnh về dự phiên họp của Quốc Hội Trung Hoa. Snow đã rút ra kết luận là những tin tức cho rằng Mao già yếu, không dựa gì vào chính sự

và sắp bị thay thế đều là những tin quá sớm.

Trong cuộc phỏng vấn, Mao đã đề cho Snow muốn hỏi chi thì hỏi, nghĩa là như Mao nói, Sơn nam hải Bắc, đi từ phía nam của núi tới phía bắc của biển. Và Mao đã cho Snow biết ý kiến về Kennedy, Johnson, De Gaulle, Krouchtchev, Nam Dương, Tây Tạng, Việt Nam, Algerie, cọng sản nguyên tử, và Thượng Đế.

Hồi còn ở trong hang tại Thiểm Tây, Mao hoàn toàn bị cô lập đã phải mượn tiếng nói của Snow để bày tỏ quan điểm của mình với thế giới bên ngoài.

Ngày nay sau bao nhiêu năm im lặng với báo chí, trong một giai đoạn mà thế giới rình rập từng cử chỉ của mình, Mao một lần nữa đã lại mượn tiếng nói của Snow, ý hẳn đã đến lúc Mao cho rằng có một số vấn đề chỉ có thể giải quyết được với ý kiến của Trung Cộng.

Thế giới tự do khi nghe Mao, không thể quên được là đây không phải một người bằng xương bằng thịt nói mà là cả một bộ máy biện chứng, nói một thứ ngôn ngữ dùng cùng một danh từ nhưng không hiểu theo cùng một ý nghĩa. Đặc biệt là lần này Mao lại còn đòi Snow không được ghi đúng nguyên văn những lời tuyên bố mà chỉ thuật lại cuộc đàm thoại theo thể văn gián tiếp (style indirect)

Nội dung cuộc phỏng vấn

Câu hỏi đầu tiên của Snow như sau :

— Khi tôi gặp Chủ tịch cách đây 4 năm, Chủ tịch có cho biết 90 phần

trăm dân chúng Trung Hoa ủng hộ Chính phủ, chỉ có 10 phần trăm phản đối. Bây giờ thì tình hình ra sao ?

Mao trả lời hãy còn dư đảng của Tưởng giới Thạch trên lục địa, nhưng con số đó không quan trọng.

Nhiều người trong bọn đã thay đổi ý kiến và có thể là còn nhiều người khác cũng sẽ đổi theo. Và lại con cái của họ sẽ được giáo dục lại. Bây giờ có thể nói là 95 phần trăm dân chúng, có khi hơn nữa, tin tưởng ở xã hội chủ nghĩa (1)

— Do đâu mà Ban Thiển Lạt Ma đại diện cho Tây Tạng, bị gạt ra khỏi Ủy Ban Thường Trực Quốc Hội Trung Hoa ? Có phải là do những mối liên lạc của ông ta với các giai cấp phong kiến Tây Tạng mà ảnh hưởng vẫn còn trong các lớp cùng dân ? Hay là do sự xung đột giữa tư cách lãnh đạo tôn giáo của ông ta và chánh quyền mới vô thần ?

Mao giảng nghĩa đây không phải là một vấn đề tự do tín ngưỡng mà là do ảnh hưởng của việc cải cách điền địa. Bọn phong kiến đã bị truất hết ruộng đất, đám cùng dân ngày trước, bây giờ là chủ. Trong khi đó Ban Thiển Lạt Ma lại kiếm ra được một số tay chân trong bọn « trướng thối » của giai cấp phong kiến, và bọn chúng đã chống lại mọi cải cách.

Trong bọn cũng có vài tên còn trẻ có thể cải tạo được. Ngay Ban-Thiển Lạt-Ma cũng có thể sẽ thay đổi thái độ.

(1) Ghi chú của Tòa Soạn : 6 phần trăm còn lại của một dân số gần 700 triệu người thì cũng vẫn còn 35 triệu người không tin tưởng ở xã hội chủ nghĩa Trung Hoa.

Bây giờ ông ta ở Bắc Kinh, và ông ta tự do muốn về Tây Tạng hay không, tùy ý ông ta.

Còn về tôn giáo, không có một ai đàn áp những tín-đồ chân chính, chùa chiền vẫn mở cửa, các khóa lễ vẫn đều đặn. Có điều phiền là các vị Phật Sống không phải lúc nào cũng thực hành theo những lời các vị đó đã thuyết pháp và không phải là đứng đưng với thế sự.

Ngay cả Đạt Lai Lạt Ma (1) cũng đã từng nói với Mao: "Tôi biết tôi không phải là Phật Sống" nhưng lại nói thêm rằng nếu có ai bảo ông ta như vậy, ông ta sẽ phản đối.

Theo Mao thì các giáo sĩ, mục sư Thiên chúa giáo cũng không tin những lời họ thuyết pháp nhưng rất nhiều con chiên của họ lại là những tín đồ sùng đạo.

Nhiều người cho rằng Mao không có một chút tín giáo nào hết. Điều đó cũng không đúng. Bà mẹ của Mao rất sùng đạo Phật và ngày còn nhỏ, Mao đã về cùng phe với mẹ chống lại ông bố vô thần. Một hôm ông bố đi vào rừng gặp hồ, — hồ thực chứ không phải hồ giấy như sau này Mao thường gọi Hoa-Kỳ — ; ông bố cảm cồ chạy. Về tới nhà mới tin là mình thoát chết và ông bố vô sư vô sách kia đã vội vàng sửa một lễ tạ cảm ơn Trời Phật đã độ trì thoát nạn. Và Mao kết luận với ký giả Snow:

Nhiều người cũng vậy, ngày hung thì cầu nguyện nhưng ngày cát thì quên liền. Sau đó 2 người ôn lại những kỷ niệm hồi Trung-Hoa kháng Nhật. Snow nói:

— Ngày đó thật là tôi không lường trước được hết cả những hậu quả do địa vị mới của Trung Hoa trong thế giới tạo nên.

Mao nhắc lại năm 1957 đã thỏa thuận với Tưởng-Giới-Thạch về việc Quốc-Cộng cùng kháng Nhật. Quân Cộng-Sản đã tránh tấn công vào lực lượng chủ yếu của địch, chỉ nhằm xây dựng cơ sở du kích trong đám nông dân. Và chính Nhật đã gián tiếp giúp quân Cộng Sản rất nhiều: Khi chiếm đóng và đốt phá các làng mạc, Nhật Bản đã làm cho ý thức chính trị của dân chúng thêm sâu sắc, do đó quân Cộng Sản đã gặp được những điều kiện thuận lợi cho việc phát triển du kích chiến. Bây giờ thỉnh thoảng còn có người Nhật Bản tới gặp Mao và tỏ ý tiếc về những chuyện trong quá khứ. Nhưng Mao trái lại đã cảm ơn nồng nhiệt về sự giúp đỡ quý báu của Nhật bản trước đây. Mao lại còn mong rằng ngày đó mà giả Nhật Bản chiếm đánh tới Tây-An hay Trùng-Khánh thì lại còn tốt hơn nữa vì lực lượng du kích quân sẽ còn tăng cường gấp bội.

Sau này lại đến Hoa-Kỳ giúp đỡ Trung-Cộng khi Hoa-Kỳ về phe với Tưởng-Giới-Thạch trong cuộc nội chiến Quốc-Cộng. Thành ra quân Cộng-Sản mà biết cách đánh nhau là nhờ ở Tưởng Tổng Tài, những phiên chúa Nhật Bản đã là các giáo sư hạng nhất, còn Hoa Kỳ chỉ là huấn luyện viên hạng nhì.

(?) Ban Thiền Lạt Ma và Đạt Lai Lạt Ma là hai vị lãnh đạo tôn giáo và chính trị của Tây Tạng. Ban Thiền Lạt Ma đã chọn đi với Trung Cộng còn vị Phật Sống Đạt Lai Lạt Ma đã trốn sang Ấn Độ năm 1959, sau khi Trung Cộng chiếm Tây tạng.

Sau đó hai người bàn sang chiến cuộc ở Việt-Nam, ký giả Snow hỏi :

— Việt-Cộng có thể tự mình mà thắng được không ?

Độc giả của Bách-Khoa thừa đoán được câu trả lời của họ Mao, nên kẻ viết bài có thể sang ngay câu hỏi khác :

— Sự can thiệp của Hoa-Kỳ ở Việt-Nam, Congo và các chiến trường khác tại các cựu thuộc địa đặt ra một đề tài cho các lý thuyết gia Mác-xít. Sự mâu thuẫn giữa « chủ nghĩa thực dân mới » và các « lực lượng cách mạng » trong những nước kém mở mang có phải là mâu thuẫn chính trị trong thế giới ngày nay không ? Hay là Chủ tịch cho rằng mâu thuẫn căn bản vẫn là mâu thuẫn giữa các nước tư bản với nhau ?

Mao trả lời chưa có hẳn một ý kiến nhất định về vấn đề nhưng vẫn còn nhớ một lời tuyên bố của Tổng Thống Kennedy. Theo ông Kennedy thì giữa Hoa-Kỳ, Gia-Nã-Đại và các nước Tây-Âu không có một sự khác biệt gì sâu xa. Trái lại có nhiều vấn đề đặt ra ở Nam bán cầu. Khi ông Kennedy khuyến khích lập các lực lượng chống du kích để dùng trong các cuộc chiến tranh địa phương, chắc là ông ta có lớn vồn ở trong đầu câu hỏi mà ký giả Snow vừa đặt.

Nhưng cả 2 cuộc thế chiến đã xảy ra là do những mâu thuẫn giữa các đế quốc với nhau. Những cuộc xung đột giữa các đế quốc đó và các lực lượng cách mạng thuộc địa cũng không thay đổi gì tới tính chất các mâu thuẫn trên.

Bây giờ ta thử lấy chính sách của

Pháp làm thí dụ. De Gaulle hình như theo đuổi hai mục tiêu : Một mặt làm sao cho Pháp độc lập hẳn với Hoa Kỳ. Một mặt khác sửa lại chính sách của Pháp cho thích ứng với các sự thay đổi tại các nước Á-Châu, Phi-Châu và Châu Mỹ La Tinh. Do đó những mâu thuẫn giữa các nước Tư bản sẽ sâu sắc thêm nhưng có phải vì thế mà Pháp thuộc về thế giới của các nước kém mở mang không ? Gần đây Mao có đặt câu hỏi đó với những người Pháp tới thăm Mao. Họ đã trả lời : « Nước Pháp là một nước tiên tiến và không thể xếp cùng với các nước còn thiếu mở mang ». Nhưng theo Mao, vấn đề đâu có giản dị như vậy. Snow góp ý kiến :

— Có thể nói là Pháp đứng vào thế giới của các nước kém mở mang nhưng không thuộc thế giới này.

Mao đáp có lẽ vậy.

Mao cũng kể cho Snow nghe là đã từng đọc các sách báo nói rằng Tổng Thống Kennedy đã nghiên cứu kỹ các bài khảo luận của Mao-Trạch-Đông về chiến tranh. Và cả người Pháp cũng đọc để tìm ra phương sách chống lại Mặt Trận Giải Phóng Quốc Gia F.L.N. ở Algérie.

Ngày đó, Mao đã có lần nói cho Ferhat Abbas lãnh tụ của F.L.N. biết rằng các bản khảo luận đó đã dựa trên kinh nghiệm Trung-Hoa và chỉ có thể áp dụng cho các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc. Nó không có ích lợi gì cho những ai muốn dùng nó trong một cuộc chiến tranh chống lại nhân dân. Pháp đã đọc sách của Trung-Cộng mà vẫn thua ở Algérie, Tờng-Giới-Thạch

cũng đọc sách của Trung-Cộng mà cũng không tránh khỏi thất bại. Áp dụng những chiến thuật cách mạng để mà làm chiến tranh phản cách mạng thì có khác gì cổ đẩy cho con gà con chui trở lại trong lòng vỏ trứng.

Người Trung-Hoa cũng đọc sách của Hoa-Kỳ nhưng không phải để làm một chiến tranh chống lại nhân dân. Thí dụ như Mao-Trạch-Đông có đọc cuốn « The Uncertain Trumpet » (Tiếng kèn vô định) của Thống Tướng Taylor, đại sứ Hoa Kỳ tại Saigon. Ông Taylor chủ trương là các khí giới nguyên tử sẽ không có nước nào dám dùng vậy thì các khí giới cỡ điển vẫn quyết định cuộc chiến. Tuy vẫn phải lo sản xuất khí giới nguyên tử để giữ quân bình, nhưng phải dành ưu tiên cho bộ binh. Bây giờ thì ông Taylor có dịp được áp dụng lý thuyết du kích của mình Chiến trường Việt Nam sẽ là một bài học quý.

— Tại Đông Nam Á, Ấn-Độ, tại các Châu Phi và Châu Mỹ La Tinh, đều có những điều kiện tương tự với những hoàn cảnh đã làm nảy ra cuộc cách mạng Trung-Hoa. Đã đành rằng mỗi nước vẫn có những vấn đề riêng rẽ đòi hỏi những giải pháp khác nhau nhưng Chủ Tịch có cho rằng tại các nước đó sẽ có những cuộc cách mạng xã hội dựa nhiều trên kinh nghiệm của Trung-Hoa không?

Tất cả những tư tưởng phong kiến, chống tư bản, chống đế quốc, chống thực dân mới, theo Mao đều bắt nguồn từ những sự áp bức trong quá khứ :

Ở đâu có những tư tưởng đó là sẽ có cách mạng.

Nhưng tại các nước vừa kể trên, dân chúng nhằm tranh đấu cho độc lập quốc gia chứ không phải cho xã hội chủ nghĩa. Và đó là điểm khác biệt. Các nước Âu-Châu cũng từng đã có cách mạng chống phong kiến. Hoa-Kỳ tuy không có một giai đoạn phong kiến, nhưng cũng đã có chiến tranh giành độc lập với người Anh, rồi sau đó lại có cuộc nội chiến giành tự do trong thị trường nhân công. Hai ông Washington và Lincoln, theo Mao nhận xét, đã là những vĩ nhân trong thời đại đó.

— Những vấn đề nóng bỏng đang được đặt ra trên 3 phần 5 trái đất. Trong những nước thiếu mở mang, dân chúng sinh sản nhanh hơn là mức sản xuất. Mức sống ở các nước đó ngày một giảm đi trong khi tại các nước giàu mức sống càng tăng lên. Những cách biệt đó càng ngày càng trầm trọng. Ở trong bối cảnh đó, thì Lịch sử có thể chờ đợi cho tới khi Liên-Sô đã chứng tỏ được sự thành công của xã hội chủ nghĩa rồi lại chờ đợi một, hai thế kỷ nữa cho chế độ đại nghị được thiết lập vững vàng để đưa một cách ôn hoà các nước kém mở mang đó tới xã hội chủ nghĩa được không?

Theo Mao thì lịch sử không thể chờ lâu đến như vậy được. Snow hỏi thêm đó có phải là cái gút chính trong sự tranh chấp Nga-Hoa không? Và Mao nhận là đúng.

— Chủ tịch có nghĩ rằng sự giải phóng và sự canh tân của các nước

kém mở mang có thể thực hiện một cách có kỳ hạn và không xảy ra một thế giới chiến tranh mới không?

Mao trả lời là cần phải xem thế nào là có "kỳ hạn". Nhiều nước kém mở mang còn lâu mới đi tới cách mạng xã hội. Tại một số nước thì không có đảng cộng sản, tại một số nước khác có đảng cộng sản nhưng lại thuộc bọn "chủ nghĩa xét lại". Người ta nói là châu Mỹ La Tinh có 20 đảng cộng sản. Nhưng trong đó có 10 đảng đã cho đảng tải những quyết nghị chống Trung Hoa.

Duy có một điều chắc chắn, ở đâu có áp bức nặng nề là có cách mạng.

— *Chủ tịch có còn cho bom nguyên tử là một con hồ giấy nữa không?*

Đó chỉ là một cách nói. Lẽ dĩ nhiên bom có thể giết được người. Nhưng mà cuối cùng nhân dân sẽ phá hủy được bom. Khi đó bom sẽ thực sự trở thành một con hồ giấy.

Người ta đã gán cho Chủ tịch lời tuyên bố là Trung Hoa ít sợ bom hơn các nước khác vì dân Trung Hoa đông đảo hết sức. Dân các nước khác có thể bị hủy diệt hoàn toàn vì chiến tranh nguyên tử nhưng có ném bom nước Tàu thì cũng hãy còn có thể sót lại vài trăm triệu người để tái thiết Trung Hoa. Điều đó có đúng không?

Mao trả lời không nhớ là có tuyên bố như vậy không, nhưng cũng có thể là đã nói như vậy.

Mao tìm lại trong ký ức một câu chuyện đã nói với Nehru khi Thủ tướng Ấn sang thăm Trung Hoa năm 1954. Mao có nói rằng Trung Hoa không

muốn có chiến tranh nhưng nếu có những nước muốn đánh nhau thì chắc rằng sẽ là một thảm họa cho cả thế giới và sẽ có nhiều người chết. Bao nhiêu người? Điều đó khó mà biết trước được.

Mao không nói riêng về Trung Hoa. Mao không tin rằng bom nguyên tử sẽ hủy diệt hết nhân loại và không còn tìm thấy một chính phủ nào nữa để thương thuyết hòa bình.

Nehru trái lại cho rằng với tư cách là Chủ tịch Ủy Ban Nguyên-tử-Năng Ấn Độ ông ta biết rõ sức tàn phá của khí giới nguyên tử. Chắc chắn sẽ không còn ai sống sót. Mao vẫn không chịu tin. Các chính phủ hiện thời có thể bị tiêu tan nhưng theo Mao sẽ có những người khác sống sót và thay thế họ.

Gần đây ông Krouchtchev có tuyên bố Nga có một thứ khí giới khủng khiếp có thể tiêu diệt hết mọi sinh vật. Sau đó ông ta đã phải cải chính, không phải một lần mà nhiều lần. Riêng Mao thì không muốn nhắc lại lời tuyên bố của mình nhưng cũng không muốn cải chính ý kiến cho rằng dân Trung Hoa đông nên không sợ bom nguyên tử.

Người Mỹ cũng hay nhắc đến sức tàn phá của bom nguyên tử. Nhưng mới đây chính Mao đã được đọc bản phúc trình của một phái đoàn quan sát Hoa Kỳ tại đảo Bikini nơi đã nổ thử trái bom nguyên tử đầu tiên. Phái đoàn đã phải vạch lối giữa cây cối rậm rạp mới tiến lên được trong đảo. Chuột vẫn chạy tung tăng trên mặt đất, cá vẫn lội loăng quăng dưới giòng suối như không có



Bikini, 6 năm sau những cuộc thử bom nguyên tử, cây cỏ lại hồi sinh xanh tốt rậm rạp.

chuyện gì xảy ra. Nước vẫn uống được như thường, lá cây xanh tốt và chim hót véo von.

Có thể là 2 năm đầu sau khi bị ném bom thì gặp nhiều khó khăn, nhưng mà rồi đâu lại vào đấy, thiên nhiên sẽ thắng trở lại. Đối với thiên nhiên, chim chóc cây cối, cá chuột, bom nguyên tử chỉ là một con cọp giấy, nhưng có thể là sức chịu đựng của con người kém hơn.

Dẫu sao Chủ Tịch cũng không coi chiến tranh nguyên tử là một điều tốt chứ?

Lẽ dĩ nhiên, nếu cần đánh nhau thì nên giới hạn trọng phạm vi vũ khí công thức.

— *Nam Dương vừa rút lui khỏi Liên Hiệp Quốc và được Trung Hoa*

vỗ tay tán thưởng. Chủ Tịch có cho rằng sự rút lui của Nam Dương mới chỉ là một tiền lệ và sẽ còn nhiều nước nữa rút lui theo không?

Chính Hoa Kỳ đã lập một tiền lệ khi ngăn cản Trung Hoa vào Liên Hiệp Quốc nhưng vấn đề chính là Trung Hoa có lợi hay chịu thiệt khi bị Liên Hiệp Quốc đóng cửa từ 15 năm nay? Nam Dương rút khỏi Liên hiệp Quốc vì không thấy có lợi gì mà làm hội viên Tổ Chức đó.

Riêng một mình Trung Hoa thì cũng đã như là một Liên Hiệp Quốc rồi. Các vùng dân thiểu số của Trung Hoa đất đai còn rộng hơn và dân cư còn đông hơn một số nước hội viên Liên Hiệp Quốc đã bỏ phiếu chống việc gia nhập của Trung Hoa. Trung Hoa là một nước rộng lớn và không ở trong Liên Hiệp Quốc, Trung Hoa cũng đủ việc để mà làm.

Đứng về phương diện thực tế, có thể nào nghĩ thành lập một tổ chức liên hiệp các quốc gia mà không có Hoa kỳ không?

Mao cho biết những tổ chức đó đã có rồi: thí dụ như hội nghị Á Phi hay Vận-Động-Hội của các Lực Lượng Mới tổ chức sau khi Hoa Kỳ gạt Trung Hoa ra khỏi Thế vận Hội.

— *Dân số Trung Hoa hiện nay là bao nhiêu? Chủ Tịch có thể cho biết kết quả cuộc kiểm tra dân số gần đây không?*

Mao trả lời không biết chắc chắn. Có người nói là từ 680 đến 690 triệu nhưng Mao không tin.

Snow đưa ý kiến là muốn biết chắc cũng không khó lắm, chỉ việc xem các con số thẻ tiếp-tế vải, gạo cho dân

chúng. Nhưng Mao cho rằng người nông dân đã làm cho các thống kê đó mất chính xác một phần nào. Trước khi Trung Hoa được giải phóng thì nông dân không chịu khai sanh cho con trai, sợ bị bắt đi lính. Từ khi Trung Hoa được giải phóng thì lại có lối khai ngược lại nông dân thường khai gia đình đông hơn, ruộng đất canh tác ít đi, mùa màng kém sút và khai tăng lên những sự tổn thất về thiên tai.

Bây giờ sinh một đứa trẻ thì họ khai ngay với hộ tịch. Nhưng nếu trong nhà có một người chết thì có thể họ giấu không khai vội trong vài tháng (để hưởng thẻ tiếp tế thêm trong một thời gian).

Có một điều chắc là số sinh đã giảm đi và nông dân cũng dần dần áp dụng các phương pháp hạn chế sinh đẻ. Nhưng số tử lại còn giảm nhiều hơn nữa. Tuổi sống trung bình của người Trung Hoa tăng lên rất nhiều, từ 30 lên tới 50 tuổi.

— *Những thanh niên được nghe Chủ tịch nói trong những năm 1937 sau này đã được đem những điều nghe thấy ra thực hành trong cuộc cách mạng. Còn đối với các thế hệ thanh niên ngày nay thì lấy gì mà thay thế được kinh nghiệm đó?*

Lẽ tất nhiên những thanh niên các tuổi 20 không biết đến những áp bức của tư-bản và đế-quốc và chưa từng kháng chiến. Họ không hiểu gì về xã hội cũ. Cha mẹ họ có thể kể lại cho họ nghe, nhưng nghe chuyện kể lại hay đọc chuyện trong sách không thể nào bằng sống hẳn câu chuyện đó.

— *Việc bắt buộc thanh niên phải học tập chính trị và phải đi lao tác một thời gian có phải là để nhằm mục đích bảo vệ tương lai xã-hội chủ-nghĩa Trung Hoa hay là cốt để dạy cho họ biết là sự an-ninh của họ chỉ được bảo đảm khi nào xã hội chủ nghĩa đã thắng lợi khắp thế giới?*

Mao không trả lời thẳng vào câu hỏi: Có nước nào chắc là sống an ninh. Tất cả các chánh phủ đều nói an ninh và tài binh. Trung Hoa đề nghị tài binh từ lâu; Nga, Hoa kỳ cũng nói tài binh. Nhưng ở đâu người ta cũng được chứng kiến một sự tái vũ-trang triệt để.

— *Đối với Tổng thống Johnson rất khó mà có thể giải quyết hết tất cả những vấn đề đã chồng chất lên nhau. Chủ tịch có nghĩ rằng muốn cho thế giới hiểu sự phức tạp của các vấn đề đó, ông Johnson nên nhận dự một hội nghị thượng đỉnh với Trung Hoa để xét về việc hủy phế hoàn toàn tất cả những vũ khí nguyên tử đã dự trữ không?*

Đúng ra phải làm như vậy, nhưng theo ý Mao, không thể làm nổi. Dù có muốn cuộc gặp gỡ đó, Johnson cũng chỉ là một thứ quản gia cho một nhóm đại-tư-bản nắm độc-quyền, và bọn này không bao giờ cho phép Johnson đi gặp.

Trung Hoa mới cho nổ một trái bom nguyên tử và có lẽ người ta chờ đợi Trung Hoa từ một trái có thể đi tới hai trái và cứ như thế mãi, nhưng Trung Hoa không muốn có nhiều bom; bom nhiều cũng vô ích vì chắc không có nước nào dám dùng. Vài trái là đủ để làm các cuộc thí nghiệm về khoa học.

Nhưng những kẻ thù của Trung Hoa không muốn cho người Trung Hoa có đến một trái bom. Mao có cảm tưởng là phe đế quốc không ưa ông ta. Thử hỏi gán hết mọi chuyện cho người Trung Hoa như vậy có công bằng không? Người Trung Hoa đâu có giết Ngô Đình Diệm? Thế mà chuyện đó đã xảy tới. Khi nghe tin Tổng Thống Kennedy bị ám sát, người Trung Hoa đã hết sức ngạc nhiên. Họ đâu dè có chuyện đó. Họ cũng hết sức ngạc nhiên khi Krouchtchev bị hạ bệ, người Trung Hoa đâu có ra lệnh hạ bệ ông ta.

— *Những nhà bình luận Tây phương và riêng đảng cộng sản Ý đã phê bình nghiêm khắc các nhà lãnh đạo Nga-sô về lẽ lỗi làm việc rất thiếu dân chủ trong việc hạ bệ Krouchtchev. Chủ tịch nghĩ sao về chuyện đó?*

Trước khi bị đổ, Krouchtchev không được cảm tình của dân chúng Trung Hoa. Ảnh của ông ta ít được treo lên. Nhưng sách của ông ta thì được bày bán tại các tiệm. Bây giờ các tiệm cũng hãy còn bày bán trong khi ở Nga thì không tìm đâu thấy nữa. Thế giới trước đây cần có một Krouchtchev và bóng ma của ông ta hãy còn ám ảnh thế giới ngày nay. Nếu có người tán thành ông ta thì cũng không phải là một điều lạ. Riêng Trung Hoa cũng thấy tiếc ông ta vì dầu sao Krouchtchev cũng cho Trung Hoa một tấm gương tiêu-cực.

— *Chủ tịch đã có lần cho rằng người nào làm đúng được 70 phần trăm thì có thể coi là đã thành công rồi. Theo cách tính đó thì Chủ tịch*

cho những nhà lãnh đạo hiện thời của Nga bao nhiêu điểm?

Mao trả lời không muốn tính điểm cách đó với các nhà lãnh đạo Nga sô. Còn những mối tương quan Nga-Hoa thì có thể cải thiện được đôi chút nhưng không nhiều. Việc Krouchtchev dờn khỏi chính trường cũng loại bớt đi một đối tượng đã kích trong những cuộc tranh luận Nga-Hoa.

— *Người Nga tố cáo Trung Hoa đã bày ra tôn sùng cá nhân. Lời tố cáo đó có đúng không?*

Đúng một phần nào — Người ta đã trách Staline về tội tôn sùng cá nhân và người ta bảo chung quanh Krouchtchev không có chuyện đó. Rồi người ta trách dân tộc Trung Hoa cũng đang rơi vào việc tôn sùng cá nhân. Có thể có những lý do đã khiến người ta nghĩ như vậy. Nhưng người ta có quyền nghĩ rằng Krouchtchev đã bị hạ bệ vì ông ta không có tôn sùng cá nhân không?

— *Riêng phần tôi, Snow nói, tôi lấy làm tiếc là lịch sử đã cắt đứt liên lạc giữa dân tộc Hoa kỳ và Trung hoa từ 15 năm nay. Cái hố giữa hai dân tộc bây giờ càng rộng. Nhưng tôi không tin rằng sự tương nghịch này lại có thể đưa đến chiến tranh vì cuộc chiến tranh đó sẽ thảm khốc nhất trong lịch sử.*

Thế nào cũng có một ngày lịch sử đưa hai dân tộc lại gần nhau. Từ nay đến ngày đó Mao nghĩ rằng sẽ không có chiến tranh. Chỉ có thể có chiến tranh khi quân đội Mỹ bước lên đất Trung Hoa. Nhưng họ cũng không thể tiến xa được vì không ai để cho họ tiến. Các

nhà lãnh đạo Hoa kỳ chắc biết rõ điều đó nên họ sẽ không xâm lăng Trung Hoa. Như vậy không thể có chiến tranh vì chắc chắn Trung Hoa sẽ không tấn công Hoa Kỳ.

— *Nhưng chiến tranh có thể xảy ra vì Việt Nam được không? Theo tin tức các báo chí thì Hoa kỳ có lẽ tính mở rộng chiến tranh ra Bắc Việt.*

Mao không tin như vậy. Ông Dean Rusk, Ngoại trưởng Hoa kỳ vừa tuyên bố rõ rệt là Hoa kỳ sẽ không dùng tới biện pháp đó. Trước kia ông ta hình như có lúc đã nghĩ tới một biện pháp tương tự nhưng ông ta đã cải chính rồi. Vậy thì không thể có chiến tranh vì Việt Nam.

— *Tôi không có cảm tưởng là chính-giới Hoa kỳ hiểu như quan điểm của Chủ-tịch.*

Tại sao không? Quân đội Trung Hoa không có đánh nhau ở ngoài biên giới của họ. Điều đó thật rõ ràng. Quân đội Trung Hoa chỉ đánh nếu bị Hoa Kỳ tấn công. Điều đó cũng lại rõ ràng nữa.

Dân Trung Hoa có nhiều việc phải làm ở trong nước rồi. Tại sao họ lại đi ra ngoài đánh nhau. Người Việt Nam đủ sức giải quyết những vấn đề của họ.

— *Những người phát ngôn của Hoa kỳ đều cho là nếu quân đội Mỹ rút khỏi Việt Nam, cả miền Đông Nam Á sẽ bị tràn ngập.*

Vấn đề đặt ra là tràn ngập bởi ai? Tràn ngập người Trung Hoa hay tràn ngập dân của chính những nước đó, Trung Hoa hiện cũng đang bị tràn ngập, tràn ngập người Trung Hoa.

— *Dean Rusk có tuyên bố rằng nếu Trung Hoa rời bỏ chính sách xâm lăng, người Mỹ sẽ rút khỏi Việt Nam. Như vậy Chủ Tịch hiểu là thế nào?*

Trung Hoa không có chính sách xâm lăng thì lấy chi mà rời bỏ. Trung Hoa không có một hành động xâm lăng nào hết. Trung Hoa ủng hộ các phong trào cách mạng nhưng không gửi quân đội tới nước nào hết.

Khi có một cuộc chiến tranh giải phóng thì Trung Hoa giúp đỡ bằng cách phổ biến những lời tuyên bố ủng hộ hay tổ chức những cuộc biểu tình hoan nghênh. Chính cái đó đã làm cho bọn đế quốc lên ruột.

Đôi khi Trung Hoa cũng cố tình gây sôi nổi lớn như ở các đảo Kim Môn, Mã Tổ chẳng hạn. Bản sang một loạt đại bác là cả thế giới chú mục vào khu vực đó. Bản đạn trắng chỉ có thuốc không đẩy thôi chứ có gì đâu. Thế là cũng đủ cho đệ-thất hạm đội Hoa kỳ tự xét thấy không đủ lực đối phó. Hoa Kỳ vội vã phái một phần đệ lục hạm đội đang đóng tại Cựu Kim Sơn phải chạy tới ngay! Đến nơi lại thấy chẳng có gì cả.

Thành ra chẳng khác gì là Cộng Sản Trung Hoa ra lệnh cho lực lượng Hoa Kỳ phải di chuyển. Trước đây đối với quân của Tưởng Giới Thạch cũng vậy, buộc đi vào phương hướng nào là phải theo phương hướng đó.

Lẽ dĩ nhiên khi người ta có một hải quân hùng hậu thì người ta phải nghĩ cách xử dụng cho có việc làm. Nhưng sao lại gọi kẻ bắn thuốc súng không trên đất nó là quân xâm lăng? Sao không

dùng danh từ đó cho kẻ mang khí giới tới can thiệp?

Có một số người Mỹ cho rằng cuộc cách mạng Trung Quốc đã do « quân xâm lăng » Nga xô chỉ huy. Thực ra chính người Mỹ đã vũ trang quân Cách mạng. Bây giờ ở Việt Nam, cũng người Mỹ cung cấp vũ khí cho quân giải phóng, đâu có phải người Trung Hoa (3)

— Trong hoàn cảnh hiện thời có hy vọng gì cải thiện mối bang giao giữa Hoa kỳ và Trung hoa không?

Có hy vọng nhưng còn mất nhiều năm. Có thể là sự cải thiện đó không tới ngay với thể hệ của Mao.

Mao nói thêm chính ông ta cũng đang chờ đợi gặp Thượng đế. Theo đúng quy luật của biện chứng pháp thì tất cả mọi mâu thuẫn đều biến chuyển, có lập thì có phá, kể cả đời sống con người.

— Về sức khỏe của Chủ tịch, cứ xét theo buổi chiều nay thì Chủ tịch còn mạnh lắm.

Mao mỉm cười và đáp chưa chắc đã đúng đâu. « Chính tôi đang chuẩn bị gặp Thượng Đế, ông không tin à ? »

— Có lẽ Chủ tịch muốn nói là đang chuẩn bị xem có thực là có Thượng Đế không. Chủ tịch có tin có một Thượng Đế không?

Không, nhưng những giới thạo tin cứ quả quyết là có.

Hình như có nhiều Thượng Đế lắm và có lúc Thượng Đế chọn đứng vào cả nhiều phe. Trong những cuộc chiến tranh giữa các nước Âu châu thì Chúa

Cứu Thế đứng vào phe người Anh, người Pháp, người Đức vân. vân. trong khi tất cả các nước đó đánh lộn với nhau. Vào thời kỳ khủng hoảng tại kênh đào Suez thì Thượng Đế đi với Anh, Pháp trong khi đó Allah, Chúa Hồi giáo lại ủng hộ phe kia.

Mao cũng nhắc lại có hai người em đã chết. Vợ thứ nhất của Mao bị xử tử. con gái chết trận ở Cao-Ly. Không có lý gì mà Thần Chết lại chừa ông ta ra. Mao đã nhiều lần sẵn sàng nhưng hình như Thần Chết cũng vẫn chưa muốn, biết làm sao bây giờ.

Nhiều lần Mao đã tưởng mình chết. Có lần người lính hộ vệ trúng đạn chết ngay dưới chân Mao. Lần khác bị ném bom, máu của những người bên cạnh bắn tóe cả lên người Mao, và bao lần khác nữa Mao vẫn không việc gì.



Mao Trạch Đông hồi 32 tuổi

Mao ngừng lại, dáng nghĩ ngợi và Snow đưa ra nhận xét là tất cả những run rẩy của định mệnh đã giúp Mao tạo nên một sự nghiệp đáng đề ý nhất trong lịch sử Trung Hoa.

(3) Cuộc phong văn này đã xảy ra trước khi Quân Đội Việt-Nam Cộng-Hòa tìm ra 4 hầm vũ khí Trung-Cộng và Nga-Sô tại Vũng Rô.

Mao ngồi im lặng một lúc rồi kể tiếp ông ta đã bước vào đời với nghề thầy giáo và chẳng có lúc nào nghĩ rằng mình sẽ trở nên một người chỉ huy quân sự hay một đảng viên Cộng sản. Mao chỉ là một người có tư tưởng dân chủ như Snow mà thôi. Có lúc Mao đã tự hỏi vì lý do nào Mao đã thành lập Đảng Cộng Sản Trung Hoa. Những sự việc xảy ra thực đã không đúng theo ý muốn cá nhân. Có một điều đáng nói là Trung Hoa đã bị đế quốc, phong kiến và tư bản đè nén. Và đó là những sự kiện quyết định.

— *Chủ tịch đã thay đổi hẳn xã hội Trung hoa. Nhiều người tự hỏi thanh niên Trung Hoa lớn lên trong những điều kiện êm đềm hơn, sau này sẽ làm gì ?*

Làm sao mà biết được. Không ai có thể đoán trước một cách chắc chắn được. Có thể có hai trường hợp :

Một là cuộc cách mạng tiến tới theo Cộng Sản chủ nghĩa. Hai là thanh niên sẽ chối bỏ cách mạng, thỏa hiệp với đế quốc, đưa nhóm tàn quân của Tưởng Giới Thạch về lục địa, đi theo con đường của một số ít phản động hiện hầy còn sót lại trong nước. Lẽ tất nhiên Mao không mong cho có cuộc phản cách mạng, nhưng tương lai ra sao là tùy theo các thể hệ sắp tới muốn gì.

Nói một cách dài hạn, các thể hệ mai sau sẽ thông thái hơn chúng ta cũng như những người thời dân chủ tiêu-tư-sản thông-minh hơn thời phong-kiến. Các thể hệ sắp tới sẽ quyết định lấy theo những căn bản giá trị của họ, theo

những điều kiện mà ta không thể đoán trước được.

Tiếng nói của Mao nhỏ dần đi và đôi mắt của Mao khẽ nhắm lại. Mao vẫn nói tiếp. Cuộc sống của người ta trên trái đất đang thay đổi theo một nhịp độ mỗi ngày một nhanh thêm. Trong một ngàn năm nữa, biết đâu đấy, kể cả Marx, Engels, Lénine, tất cả đều có thể trở nên lỗi bịch.

Trước khi Snow đứng dậy từ giã, Mao còn gửi lời chào dân tộc Hoa Kỳ và chúc họ tiến bộ. Chẳng lẽ lại chúc họ tự giải phóng, Mao nói thêm, vì tất cả người Mỹ đều đã được tự do đi bỏ phiếu bầu. Nhưng Mao đặc biệt gửi lời chúc thân ái tới những người Hoa Kỳ nào chưa tự do hẳn mà muốn được tự do. (4)

Mao đưa Snow ra đến tận cửa, rồi lại tiễn ra đến tận xe, mặc dầu Snow khần khoản xin Mao trở lại.

Đêm lạnh đã phủ xuống thành Bắc Kinh, Mao đứng tiễn khách một lúc ngoài trời, đầu trần và không có áo choàng ấm.

Snow không thấy lính gác ở ngoài cửa ra vào mà cũng không thấy một vệ sĩ nào trong suốt buổi phỏng vấn.

Xe đi rồi, Snow còn ngoảnh lại và thấy Mao rút đầu trong vai, khẽ dựa lên tay một người hầu rồi lưng thưng quay vào "cái hang có đôi chút tiến bộ" đặt trong vòng thành những cung điện của những vị Hoàng Đế đã từng ngự trị trên đất Trung Hoa.

VŨ BẢO

(4) Ý Mao muốn nhắc tới hững người da đen.

TRUYỆN 2 KỶ :

Vô - Hồng

DẤU CHÂN SA - MẠC

((tiếp theo B.K.T.Đ. số 196))

CÔ BA sống những ngày âm thầm sau đó. Một ông thầy trợ giáo dạy chữ Nho ở trường nhà nước, đã lớn tuổi, đánh tiếng đi hỏi. Cô không nhận. Ông này mê tài bàn và tứ-sắc lắm nên cứ đầu tháng lương là đi dậy trễ. Có bữa cai trường phải đến nhà trọ lay thầy dậy rửa mặt đề ra lớp. Hễ có tiền là ông thức suốt đêm đánh cho kỳ thua hết nhãn mới chịu nghỉ. Đó là con bò sữa cho mấy tay cờ bạc chuyên nghiệp sống vất vưởng ở quanh cồng Huyện. Cố nhiên là cô Ba không thể thưởng thức một người nghệ sĩ cỡ đó. Chánh tổng An-Hải vợ nâng 15 năm không sinh đẻ, Phó-tổng An-vinh vợ bỏ đi hoang đều muốn ngấp nghé hỏi cô. Nhưng cái bóng lớn của ông Lại-mục bị thảm bại làm họ rụt rè không dám. Dư-luận quả thật là bất lợi và nguy hiểm cho cô. Sau đó còn có nhiều người nữa, nhiều nữa. Đó là những người cô gặp trên đường đi, cùng ngồi chung một chuyến xe đò, cùng ngồi ăn một quán, cùng quen lui tới thăm hỏi một nhà... ở Vũng Lắm, ở Tuy Hòa, ở Qui-Nhon ... bao nhiêu người đó làm đối tượng cho cô cân nhắc, chọn lựa. Cô không tin ai hết. Cố nhiên là người nào cũng nói thương cô lắm nhưng biết lấy gì bảo chứng lời nói. Lòng người ta không phải là cái bánh ít cứ lật trần lần lá là thấy rõ trắng đen. Phải chi nhà cô nghèo thì cô biết chắc là ai ghét ai thương. Người nói thương cô sợ họ chỉ thương những đôi xuyến, những hột vàng đeo nơi cổ tay, chỉ thương mười mấy mẫu ruộng. Cô không tin ai hết. Bà con, hàng xóm tá điền..., tất cả đều muốn cướp của cô càng nhiều càng hay. Bao nhiêu đất thổ trồng mía trồng bắp, trồng bông cô đem bán hết lấy tiền mua ruộng. Hồi còn mẹ tôi, tôi nghe cô giảng cho mẹ tôi rằng :

- Đám bắp, đám bông, soi mía... nhà rẽ ăn gian chị làm sao biết được ? Người ta vô giữa đám bẻ bắp, lật bông đem về nhà cắt trước, liệu chị có biết không

Chẳng lẽ ngày mùa phải đi rảo giữa đám mà kiểm soát ? Mà kiểm soát làm sao được ? Chớ đám ruộng lúa chín nằm sờ sờ dưới tầm mắt mình. Cắt một vạt nhỏ đã thấy dấu liền. Bữa đi coi gặt cứ rảo một vòng qua bốn bờ ruộng, giới lắm thì bò trâu người ta đi qua có liếm vài lượm lúa là cùng. Trái bắp cây mía, đậu phụng mè... nhà rẽ ăn trước mình.

Mẹ tôi đem câu chuyện về kể lại cho cha tôi nghe thì cha tôi nói :

— Khôn lắm thì rồi khổ nhiều. Nước trong không cá, người khôn hết bạn.

Tôi suy nghĩ về lời nói của cha tôi mỗi khi nhìn cái hiên nhà vắng tanh, cái sân chỉ có bầy chó gặm ghè hay nằm lì mỗi con một chỗ. Những khi cô lục đục một mình sau bếp hay khi cô đi vắng, tôi hay đứng nhìn sang nhà cô. Thật y như một ngôi miếu cổ. Những cây song can đứng thẳng hàng màu gỗ vàng đục lạnh lùng, nặng nề làm tôi liên tưởng đến những cây song của một nhà tù. Khi cô đi lại thui thủi trong đó thì cô thật giống là một tù nhân chung thân cấm cố. Ngồi ăn một mình, nhai nhóp nhép hàng giờ không vội vã bởi chẳng có việc gì làm. Đứng lên ngồi xuống một mình. Ngồi trước ngọn đèn một mình. Khi đêm chuyển sâu dần vào khuya, ánh sao hớn hỏ trên nền trời, bàn tay cô lần tra ba cây song can vào lỗ ngạch địa, tiếng gỗ khuya chạm lục cục nghe buồn nản âm u như chính mình đứng nghe cũng đang chịu một cực hình. Hàng song can dài nhưng cô chỉ rút ba cây vừa đủ để lách mình ra vào. Tấp nập vui vẻ chẳng chỉ là những ngày mùa khi có tá điền tới mời đi coi gặt hay khi sông chở lúa khô lên đặng. Giọng nói của cô lại vang lên lạnh lạnh bên cạnh giọng lẽ phép trầm trầm của người tá điền. Cô lại bắt khoan bắt nhặt, chẻ lúa phơi còn ướt, chẻ lúa gié không sạch lép, bắt đổ ngọn lúa cho đứng thẳng miệng giạ, bắt gặt lúa không được hắt quá mau.

— Đổ lúa tạt nghiêng thì hột lúa đứng sững, trên mặt đầy mà giữa ruột giạ hồng. Gặt lúa hắt mau thì kết quả cũng như vậy. Có lợi cho người đóng. Nhiều khi đóng một trăm giạ mà có dư ra được vài giạ.

Đó là lời cha tôi giảng khi tôi hỏi nguyên do sự khó tính của cô.

— Thế muốn khỏi bị gian thì cô bắt đồ lúa đứng thẳng ngọn và gặt chậm chậm ?

— Phải Đồ ngọn lúa cho chảy thẳng và đồ càng chậm thì giạ lúa càng chặt chia. Nhưng trai sông ai dư thì giờ mà làm theo. Thành ra chủ điền buộc tá điền không được lấy lúa đóng dư đem về. Đóng dư có khi do cách đồ lúa, cách gặt lúa, cũng có khi do đếm lầm : mới bấm sáu, bấm bảy rồi nhảy sang bấm chín. Đếm lầm vì cố ý thì phải thừa lúc mọi người nói chuyện ồn ào, một tiếng cười nào đó nổi lên một tiếng la ở đâu... và người ta đếm vọt lên. Nếu chủ điền bắt được thì cũng chẳng lỗi phải gì. Ai cũng có thể vì vô tình mà lộn được.

Nghe cha tôi giảng tôi mới cảm thông được những nhọc nhằn của một người đàn bà như cô phải đối phó với mọi mưu mô của người xung quanh. Một con bò sữa trước

mặt mọi người và con bò đốm phải tự tạo cho mình, một cách bắt đặc di, một con mặt sư tử, một lớp da cá sấu, những móng vuốt cộp beo. Để bảo vệ tài sản, quyền lợi, con người phải chịu mang một cái vỏ xấu xí dễ tởm như vậy. Bất lợi biết bao nhiêu cho khía cạnh tình cảm yêu đương ? Người đàn ông chỉ thấy cô giơ vuốt ra để giữ cửa. Không còn thấy vẻ mặt dịu hiền của con nai, của con thỏ. Sau này khi đi tôi đã quen với cô thì trong câu chuyện cứ mười lần là đã hết chín lần cô đề cập đến việc khôn dại gian ngay ở đời.

— Chị tính, — lời cô nói, — nhà rẽ của tôi như thế nào có chịu được không nghe ? Lúa cắt ở đồng gánh chạy về sân để đập, nó cho gánh chạy thẳng ra sau bếp nhà nó, đem giấu đề riêng. Thế là mất của mình năm, ba gánh lúa.

— Người cắt lúa phải là bà con của nhà rẽ, lời Dì tôi.

— Phải rồi. Có khi lúa chắt ngoài đồng gánh về chưa hết, nó lấy rá phủ lên mình không biết tưởng đã gánh về hết rồi. Lúa đồ đồng chưa kịp hạo, nhiều khi nó bày mình đi ra vườn xem cái cây chuối trổ hai buồng, xem một cây cau nứt khi ngọn. Mình vác mặt đi xem, ở trong này nó xúc lúa giấu bớt.

Dì tôi tính thật thà phì cười nói :

— Chắc họa lắm mới có một người gian như vậy. Mà cho họ có giấu đi được năm gia lúa thì cô cũng chỉ mất có ba. Ruộng chia tứ lục mà.

Cô Ba chăm chăm nhìn Dì tôi tỏ ý ngờ vực rằng sao Dì tôi lại có thể có một ý kiến ngờ nghệch nông nổi như vậy.

“Làm ăn gì được, người như thế này”, chắc là cô nghĩ vậy.

— Đành là mình mất có sáu phần, nhưng mỗi thứ mỗi ít thì rốt cuộc còn lúa đâu cho mình ăn nữa. Lúa rơm lúa rạ, lúa chẻn lúa ngọn, lúa bao sân... một trăm thứ lúa một mình nhà rẽ hưởng. Của mình làm ra mồ hôi nước mắt mới mua được đám ruộng.

Dì tôi không dám phát biểu ý kiến nữa sợ làm méch lòng cô. Tuy vậy khi về nhà, dường như không thể nín được, Dì nói với tôi :

— Làm cho ra được hột lúa nhà rẽ cũng đồ mồ hôi nước mắt. Mặc kệ, cho họ gian chút ít.

Nhà tôi không giàu được bởi mẹ tôi trước đây đã hiền mà bây giờ đến lượt Dì tôi lại còn hiền hơn. Lúa ăn may lắm là giáp hạt. Nếp thì phải mua thêm. Mỗi khi nhìn bồ lúa nhà tôi gầy nhom như cái tháp sau chùa, tôi lại liên tưởng đến bồ lúa nhà cô đầy cành hông và quây cao lên hai lớp.

Cô Ba mang tiếng là khắc bạc. Kể ra khôn lanh như cô thì vô khối người còn khôn lanh hơn, nhưng người ta không mang tiếng là bởi họ khéo dùng lời lẽ tử tế mà che giấu sự điêu xảo của họ. Cô Ba thì không có mảnh khoe che giấu. Cô như lúc nào cũng muốn nhìn rõ sự thật và nói toang ra sự thật, trắng trợn giơ

nanh vuốt ra đề đối phó. Cô không tin ở thiện tâm của ai hết. Ai cũng hằm hằm chực xông vào rĩa rói cô như bầy cá trắng rĩa vào một xác chết trôi dọc bờ sông. Những người bạn mà cô còn tỏ ra tin tưởng đôi chút là mấy nhà giàu ở trong vùng. Tin nhất là ông Bang-Trưởng Hải Nam, người cố vấn pháp luật của cô. Ông to béo đầy đà lúc nào cũng mang cặp kính râm màu nâu nhạt. Những việc mua bán ruộng nương, thừa gửi kiện tụng, cô đều nhờ ông Bang trưởng chỉ dẫn cách thức và làm giấy tờ dùm. Ông Bang trưởng có liên hệ với người chồng Hoa kiều xấu số của cô. Giọng nói tiếng Việt lơ lơ, cái tay áo và cái ống quần quá rộng, cái cổ áo đứng cao, đó là cái hình ảnh đã ăn nằm âu yếm cô.

Người Hoa-kiều nào cũng thích mặc quần áo có sọc màu nhạt chạy dài. Hai người cùng sinh ra, lớn lên ở một làng nhỏ nào đó ở trong đảo Hải-Nam. Làng có nhiều núi ít ruộng. Ngày đói chen với ngày no. Những năm mất mùa phải vào núi đào củ ăn thay cơm. Niên-Tồ, - tên chồng cô - di cư sang Việt-Nam mang theo tính kiếm ước nơi quê hương, bữa cơm trưa chỉ ăn toàn cháo. Tranh sống với người Việt Nam bắt đầu bằng một chân tài phú, sau tiến lên làm chủ một tiệm buôn nhỏ. Đủ mọi món hàng lăm lăm trong một tiệm buôn như vậy : vàng hương, vải vóc, mì bún, thuốc lá, rượu thuốc.. Trong những thôn xóm rải rác hẻo lánh nhất của đồng quê Việt-Nam, người ta thường bất ngờ gặp một tiệm buôn Hoa kiều đó. Thồ sản của miền đó có gì, họ đều mua hết : đậu xanh, đậu phụng, bông, bắp, mật ong, gạc nai, mật gấu. Cho vay đầu mùa cày và tới mùa gặt thì mang bao tới giữa sân gặt đóng lúa nợ. Có nhiều tá điền giữa ngày mùa, lúa vừa phơi khô gié sạch xong đã có năm, bảy chủ nợ, đứng đợi sẵn với những đôi bao. Lúa nạp cho chủ điền, lúa đổ vào bao chủ nợ, chỉ còn lại trên sân một đồng bụi và lúa lép. Và nong nia thúng rỗng. Và chời. Và những thân người cơ cực, chán nản chuẩn bị ngày mai lại đi vay để bắt đầu một cái vòng lần quần mới.

Hồi sinh thời Niên Tồ hay búi ngùi ngồi kể lại những ngày Di-vãng của mình bên cạnh ly rượu thuốc và đĩa mực nướng.

— Pên Tồ (bên Tàu) ít có đồ ăn. Con chó sói tên lừng (trên rừng) cũng đói. Con chó sói xuống làng pắc con liếc (bắt con nít) ăn thịt. Người ta lên rừng (lên trên rừng) hái lá cây mà ăn...

Rồi Niên Tồ nước mắt rơi lã chã kể lại trường hợp mẹ y bị con chó sói cắn nát mình khi vào rừng đào củ về cho con ăn. Kể đến đây, Niên Tồ ngồi khóc hi hi như cười. Cô Ba lặng lẽ ngồi nhìn Niêm Tô khóc ngon lành như một đứa trẻ con và cô cảm thấy mình yêu mến Niêm-Tồ bởi cái tính hồn nhiên hơi trẻ con đó. Một người đàn ông Việt vào tuổi Niên-Tồ thường không biểu lộ xúc cảm một cách như vậy. Không biết vì họ khô cạn tâm hồn hơn hay vì họ thích làm bộ anh hùng trước mặt người đàn bà. Vợ chồng Việt hiểu nhau quá nhiều nên họ phải cố giấu bớt những nhược điểm, cố gắng đối trá đôi chút. Niên Tồ khóc tự nhiên trước mặt vợ làm như y đang ngồi một mình hoặc như y đang đối diện với một lọ hoa vô tri hay với một con ngỗng. Cô Ba thấy y hạ mình trước mặt cô và

đương nhiên là y đang cần một tình bao dung che chở. Niền Tồ làm ăn cần cù, tính toán rành mạch với người ngoài nhưng đối với vợ thì lại xuề xòa tin cần. Nhiều khi y ngồi nhìn cô, ngàng cái mặt ngây ngô như một người không hề có trí khôn. Chắc những lúc ấy y suy nghĩ bằng tiếng Tàu và về những chuyện bên Tàu nên cô không hiểu gì hết trên cái khuôn mặt đó. Niền Tồ có nhiều khuyết điểm mà y không hề che giấu. Chẳng hạn cái trán và cái ống chân đầy những sẹo. Y nói : « Hồi nhỏ bị con Sát bấu gần chết. Di tích còn lại là vết sẹo to bằng nửa bàn tay nằm vắt ngang màng tang. Da ở vết sẹo nhẵn bóng như có thoa dầu. Vết sẹo ở ống chân thì do chó nhà giàu cắn. Da tím nhẵn lại. Cô Ba thấy lòng thương chồng đậm đà của mình xuất phát từ lòng thương những khuyết điểm của chồng. Niềm Tồ là loại người đề-cho-người-ta-thương một cách tự nhiên chứ không muốn buộc người ta kính nể. Lòng cô Ba thoải mái yên ổn hết sức bên cạnh một người chồng như thế. Không cần phải cố gắng, khỏi cần phải đối phó. Thật khó mà tìm lại một người chồng như vậy, sau Niền Tồ. Người Việt như cô đều quá khôn. Cô thấy xung quanh mình dường như mọi người đều tranh giành nhau một cách hối hả để biểu lộ cái khôn của họ, một thứ khôn hời hợt có tính chất tinh ranh bẻo mép và láu vật. Ăn sâu dưới đáy tâm hồn là sự gian xảo và nói láo. Cô nghĩ : Có lẽ Niền Tồ cũng muốn nói láo nhưng vì số chữ Việt mà y biết quá ít nên y không biết nói láo làm sao cho gọn, cho trôi.

Trong việc tái giá, cô cũng có đặt mong mỗi nơi giới Hoa kiều. Chắc chắn rằng lấy tiếp một người chồng Hoa kiều nữa là ổn nhất. Người Hoa kiều có một mùi riêng phảng phất nơi quần áo. Đó là tổng hợp của mùi da thuộc, mùi giấy bao gói hàng, mùi thuốc cao đơn đặt trong tủ có bỏ băng phiến. Cô sống quen thuộc với nó khiến cho, mặc dù đã rất nhiều năm góa bụa nhưng khi nghĩ đến là cô có thể mừng rỡ như được gửi lại nó phảng phất đâu đây. Ở Chợ Gành, Vinh Lâm, chợ Giã đều có rất nhiều Hoa kiều. Họ sống trong những dãy phố có thành cao bao quanh. Trên đầu tường mảnh chai cắm tua tua. Nhiều người Hoa kiều góa vợ nhưng chỉ chừng một năm đoạn tang là họ đã cưới vợ mới rồi. Họ không chung tình bằng người Việt. Và cưới toàn con gái chứ không chịu lấy đàn bà góa. Con gái Việt khỏi người thích lấy chồng Hoa kiều. Được mặc áo quần tơ lụa, được ngủ dậy trưa, được ăn thịt trong bữa cơm, được soi gương nhờ lông mày và khỏi làm dâu. Lấy chồng Việt khó có thể làm biếng được. Làm lụng đâu tắt mặt tối mà vẫn thiếu thốn. Những cô con gái có chút nhan sắc mà nhà nghèo đều biết cân nhắc như vậy.

Sau trận bão năm Dậu, bỗng từ đâu lưu lạc trôi về chợ Thành một chú Hoa kiều khá trai. Chú chải tóc có đường rẽ giữa chứ không chải vuốt lên như những người Hoa kiều khác. Chú đứng làm tài phú cho tiệm thuốc Bắc ông Bang Xuân. Lúc nào cũng mặc sơ mi màu xanh da trời có cài nút măng sét bạc chứ không chịu đánh trần một cái may ô như các chú khác. Dì Hiếng, — tên của chú, — nhìn xoáy vào cô Ba mỗi khi cô ghé lại cân thuốc hay mua bóng đèn, hột vịt, mua dầu củ là. Hai con mắt quỷ quái ! Nó như hai mũi kiếm đâm thẳng

vào mắt, vào má, vào ngực cô. Mỗi lần bị nhìn như thế, cô Ba cứ thấy đầu mình chao đi, choáng váng. Dì Hiếng trẻ hơn Niễn Tồ nhiều nên nhút nhát. Chỉ có tài nhìn. Tuy vậy, sau đó cuộc đối thoại giữa hai người cũng được xảy ra, tiến lên thân mật và cô đã mừng tượng thấy một ngày nào đó Dì Hiếng về chiếm cái khoảng trống nơi giường cô, đầu đặt lên cái gối thêu « Loan Phụng hòa minh » cô đã cất đi từ ngày Niễn Tồ mất. Nhưng mùa đông năm đó giữa lúc sự tưởng tượng của cô phong phú mãnh liệt trong chăn ấm, khi ngoài hiên gió Bắc thổi vi vút, thì có tin Dì Hiếng lên mở tủ ăn cắp tiền của Ông Bang rồi trốn mất biệt. Hình ảnh người yêu bị xóa tan, bị bôi bẩn bởi hình ảnh thằng ăn trộm. Tất cả trở thành ghê tởm: đường rẽ của mái tóc, màu áo da trời, đôi mắt nhìn xoáy. Cô Ba có óc thực tế, thương đồng tiền như con nên ghét kẻ gian mặc dù cô không phải là kẻ bị mất cắp. Kẻ trộm tiền của cô, tên A tên B nào đó bấy lâu nay còn ở trong vòng tưởng tượng, hôm nay đã mượn hình của Dì Hiếng mà hiện ra rõ ràng mỗi khi cô chợt nghĩ đến. Xua đuổi không được. Thay thế không được. Cô mất hẳn Dì Hiếng.

Chừng vào năm cô 45, 46 tuổi gì đó, có một nghi vấn bao trùm lấy cô khiến mỗi lần nhìn cô tôi có cảm tưởng đang nhìn một con tằm bị bao vây trong một tổ kén chẳng chặt. Người ta đồn rằng cô gian díu với một anh trai sông vẫn thường gánh lúa đến dâng cho cô. Anh ta tên là Cựộc trạc hai mươi tuổi quê ở Xóm Ngựa. Anh có cằm vuông cái mũi thẳng, cái miệng nhỏ. Thật là một khuôn mặt đẹp ít khi gặp nơi những người lao động như anh. Tay chân vạm vỡ, ngực nở bụng thon. Bỏ đi cái áo vải ta đen chưa mùi mồ hôi, tôi nghĩ rằng anh xứng đáng với sự gian díu đó, nếu tin đồn là đúng. Thủ Phò, lại cũng Thủ Phò, để mắt dòm dỏ nhiều hơn hết nên những tin xấu đều do miệng Thủ Phò phát ra. Tại sao Thủ Phò xấu miệng? Tôi cho rằng lý do là bởi cô Ba giàu còn ông thì nghèo. Chắc chỉ vì lòng ghen ghét. Ghen với sự ăn ở không giàu có của cô và với sự may mắn của kẻ nào được cô thương. Thủ Phò toét mắt, râu ria chơm chớm như rễ tre và quần áo thì quanh năm khai mùi nước tiểu. Vợ đi buôn gà ở chợ xa còn lão thì lãnh việc giữ con. Cả ngày nách con nằm trên võng. miệng quai quái hát câu « một mai con cá hóa rồng » và cứ từng chập thì nước tiểu của con cứ chảy ròng vào quần, vào đùi lão, ban đầu âm ỉm sau lạnh lạnh rồi lẹp nhẹp đổ ngửa. Một người như vậy thì đúng là có tài làm mật thám. Lão tin chắc rằng dù thêm khát đàn ông, cô Ba cũng không bao giờ nghĩ đến lão. Không ăn được thì lão phá vậy. Một đêm kia tôi nghe có tiếng la « Ăn trộm ! Bớ làng xóm ơi, ăn trộm ! Ăn trộm ! » Tiếp sau sau là tiếng chân người chạy thình thịch. Chó sủa rầm lên theo dấu chân chạy. Tiếng người la ới ới tiếp theo. Chỉ một phút sau là cả xóm náo loạn lên. Bóng tối đen mò như đặc sệt những tiếng người và tiếng chó. Vài mồi lửa bật sáng. Thủ Phò tay cầm cây tầm vông vạt nhọn chỉ về phía bờ sông :

— Nó chạy xuống ngã đó. Ngã đó.

Lão chạy trước, theo ngón tay trỏ của lão chỉ nhưng lại cứ nhắm vào hàng

rào trước mặt mà đâm đầu vào. Cặp mắt toét thật tai hại. Người ta bỏ lão đứng đó loay hoay rút cái mũi tằm vòng bị đâm kẹt vào hàng rào, người ta bỏ chạy theo con đường hẹp dẫn xuống bến sông. Có tiếng dầm chèo khua nước loảng xoảng, vội vàng. Đuối không kịp. Người ta xắn quần đứng lội ở mép nước nhìn một bóng đen vun vút lướt trên mặt sông. Mái dầm chèo xuống từng mảnh ánh sáng đục. Người ta tụ họp lại quanh lão :

— « Nó » đi và nhà cô Ba, — lời lão. Cửa ngõ cô Ba đề mở.

Cử tọa tròn mắt ngạc nhiên. Những đường lông mày nhướn lên, những cái môi trên cong lại như nét vòng của những cái dấu hỏi. Cùng loạt, họ hướng nhìn về nhà cô Ba như cùng tuân theo một mệnh lệnh chỉ huy. Nhà cô sáng ánh đèn nhưng không thấy bóng cô.

— Sao đã khuya rồi mà còn đề mở cửa ngõ ? — một tiếng hỏi.

— Tôi đâu có biết. Tôi cầm cái gậy tằm vòng nhắm đâm nó một cái. Tưởng lòi ruột rồi. Không ngờ nó vọt bỏ chạy.

— Có thấy rõ người không ?

— Không thấy rõ nhưng đáng quen quen. Cũng người ở gần vùng đây.

Câu chuyện bàn tán ở cái vòng người tụ họp trước ngõ nhà cô và có Thủ Phò đứng làm trung tâm điểm dẫu có hăng nhưng lời lẽ vẫn chỉ xa xôi bóng gió. Ở các nhóm rải rác đôi ba người thì câu chuyện tọc mạch trần trướng hơn. Người ta quả quyết rằng không có ăn trộm ăn đạo gì hết mà chính là tên Cựộc đến thăm cô Ba như thường lệ.

— Đêm nào thằng Cựộc cũng ghim sòng câu ở bến, cột sòng dưới bụi tre.

— Hèn chi con Vện nhà tôi cứ chong xuống bến sông mà sửa giống một. Ở nhà cứ chửi là con chó điên. Hai người đi lại với nhau không chừng đã có con rồi, ở trong bụng.

Không ai bào chữa cho cô hết. Ai cũng cảm thấy thích thú được đoàn kết với nhau đề hạ một người có của như cô.

Anh Cựộc bỏ nhà đi Lục Tỉnh sau đó. Lại là một cơ đề người ta quả quyết rằng câu chuyện dan díu vụng trộm là có thực. Năm, sáu tháng kể theo, người ta ít gặp cô Ba đi ra ngoài. Việc đi chợ mua ăn thì cô hay nhờ Dì tôi. Đứa nhỏ ở sai vặt, cô cho về xứ luôn. Ngày ngày bóng dáng cô âm thầm lướt đi từ nhà dưới, nhẹ nhàng như không dám gây tiếng động. Những người đàn bà bắt đầu đặt câu hỏi với Dì tôi.

— Người ta đồn cô Ba có mang phải không ?

— Đâu có ? Tôi cũng không biết rõ.

— Chị còn giấu nữa. Cô ta phải nhờ chị đi chợ dùm.

— Điều đó thì có. Tôi thấy chỗ lảng diềng, cô ấy nhờ thì mình sẵn tay mua dùm cho cô. Có mất công chi. Còn việc có mang có mền thì thật tình tôi không rõ.

Di tôi tính thật thà, ít ăi ít nói ai cũng biết nên không ai giận vì không được thỏa mãn tò mò.

Bước qua mùa thu dường như cô bị bệnh nhiều. Thịnh thoảng ở bên nhà, tôi nghe tiếng ho và tiếng rên. Một hôm tôi gặp cô đứng cách bức tường nói chuyện với Di tôi. Giọng cô ba nhọc nhằn và thịnh thoảng xì mũi như khóc. Đại khái cô nhờ Di tôi ngó chừng dùm nhà, cô phải đi Qui Nhơn một thời gian để uống thuốc một ông thầy Tàu ở đó. Cô nói :

— Tôi có chứng đau bụng máu. Hồi sinh tiền, Niền Tồ mất, cái toa thuốc thất lạc ..

Cô không giữ được tiếng khóc. Di tôi an ủi, chịu nhận trách nhiệm và cô Ba ra đi lúc nào tôi không hay biết. Có lẽ là đi rất sớm hồi trời còn mờ đất. Một đứa gái nhỏ con nhà tá điền lên ở nơi nhà ngang để coi nhà và cho bày chó ăn. Những chậu họ, chậu tía tô rau húng tha hồ héo rũ. Con nhỏ lùn quá mà chậu họ chậu rau lại gác trên mặt bờ thành cao.

Chứng một tháng sau thì cô về. Da dẻ không tốt hơn trước mà có phần tiều tụy hơn. Đi ra đi vào trong nhà cũng choàng hầu khăn. Tôi không có dịp nghe lời giải thích. Chắc chắn là Di tôi có được nghe và cố nhiên là hàng xóm thì người ta đồng ý với nhau để giải thích cách khác, có nhiều lý thú hơn. Đó là : Cô Ba Hường đi Phan Rang, chứ không phải đi Qui Nhơn, — để sinh. Đứa con gửi mướn người ta nuôi. Ở miền tôi, câu chuyện nào ly kỳ thì được người ta nghe và truyền đi, không cần xét xem là đúng hay sai sự thật. Chuyện nào hay thì được coi là thật. Nghe chuyện người khác là một lỗi tiêu khiển. Miền quê nghèo nàn không có hát bội, không có kịch nhạc nên mới chịu một tâm trạng ích kỷ kém lịch sự như thế.

Làm sao mà biết được mọi tin tức, kể người trong xóm cũng giỏi. Đứa bé sinh ra là gái hay trai, mặt mũi giống ai, người ta kể vanh vách. Lên được hai tuổi thì nghe đâu bị trái trời chết. Có nhiều sự việc phù hợp với lời đồn : dịch trái trời làm chết nhiều con nít trong năm đó, việc trước đây cô Ba cứ vài tháng đi Qui Nhơn đôi ngày và sau này thì ở lì ở nhà không đi đâu nữa.

Sau một thời gian đồn đãi, người ta dần dần ít nhắc đến cô Ba như trước. Bởi cô già đi trông thấy. Đôi má xệ xuống mỗi ngày một nặng thêm. Mỡ làm sa bộ ngực và làm tròn cái bụng. Cô bơi trong cái áo dài hàng Thượng Hải cắt rộng phồng phình. Cuộc đời xẽ chiều ngã xuống vội vàng gấp gáp. Những nếp nhăn cày trên khuôn mặt. Cô chỉ còn tìm cái thú của cuộc đời trong những bữa ăn có nhiều thịt. Mùi thịt nướng ướp hành tiêu, mùi thịt xào trên lò từ bếp cô bay sang nhà Thủ Phò làm khở y tới tấp. Cô trả thù đời như vậy, bắt đầu là thẳng chó săn khốn kiếp.

Khi lớn lên, tôi đi học trọ ở tỉnh, thường chỉ ngày lễ lớn hay ngày hè mới về nhà. Mỗi khi tôi leo hái ổi cạnh bức tường nhà cô, cô thường ngẩng mặt lên êm đềm hỏi chuyện :

— Tiền mới đi học về đó hả con ?

Tôi « dạ » lễ phép.

— Bữa nay con học đồ bằng gì rồi ?

Tôi nhớ đã khai cho cô nghe từ cái bằng sơ học yếu lược, bằng Ri me, bằng Đít lôm, bằng...

Nghe đến tiếng « Đít lôm » cô cười ngặt nghẽo hỏi lại rằng sao Tây đặt chỉ cái bằng « đít con tôm », học cái gì mà có con tôm con cua trong đó. Cô lại hỏi :

— Con đồ nhiều bằng như vậy thì làm được ông thông ông phán chưa ?

Tôi thưa rằng được. Cô gật gật đầu nhiều lần :

— Vậy là nhà có phúc. Con làm được thầy Thông nhất, Thông nhì ở Huyện đề cha con mừng.

Tiếng « cha con » tôi nghe cô nói nhẹ. Có một vẻ gì ngập ngừng xa xôi. Tôi nghĩ rằng liền sau tiếng đó, trong lòng cô chắc phải kèm thêm một tiếng thở dài. Giã-từ vĩnh viễn những ước vọng. Đã xoá hết, chôn sâu những dự tính. Có vẻ lờ mờ, nói và nghe đều không còn tinh nhanh như trước. Da mặt đã chuyển sang màu vàng tái như màu da thuốc. Con mắt đưa chậm chạp từ vật này sang vật khác, có lúc nhìn chăm chăm vào khoảng không.

Vòng xuyên biển mắt ở cò tay. Nơi vành tai không còn kim-cương lóe sáng. Cô chuẩn bị tuổi già quá sớm. Cô kêu bán bột ruộng. Những tiếng trả giá thêm bớt nổi vọt lên trong thứ giọng lẽ nhẹ, những đoạn văn-tự được dò dẫm đọc to lải nhải, ề a như tiếng đánh vần..., « phu thê đồng công tạo mãi điền nhất khoảnh, tọa lạc tại Bạc má xứ, Hòa-mai thôn... Đông cận tiểu-lộ, tây cận Nguyễn văn Phú điền, Nam cận... » Tôi tưởng tượng một ông Hương ông Lý năm mươi tuổi, năm dài trên bộ ván, trên mũi ghếch trễ tràng một cái kính lão gọng thiếc với đôi mắt kính hình trái soan nhỏ bằng ngón chân cái. Cái giọng ề a đó chăm rãi trịnh trọng một cách nhạt nhẽo khó chịu như ngấm giấu nhiều ác ý lừa bịp. Có nó là nó kèm theo những ly rượu khề khà, kèm theo mấy câu nói nhỉnh không ai muốn nghe và vài tờ giấy bạc trả công nhét vội vàng trong túi áo. Nó báo hiệu sự suy sụp của một sản-nghiệp như tiếng quạ báo hiệu xác chết. Trong cái đám đông ồn ào đó, tiếng người bán nói nhỏ nhất, lạc lõng, nghẹn ngào bởi vì mình là người thua trận đang cần người khác. Bởi vì bao quanh mình là những kẻ cố xấu xí mình : người mua, anh thầy cò, người môi giới. Tôi xót thương cho cô Ba đang đóng vai người bại trận đó, bờ vờ lạc lõng hơn bất cứ người bại trận nào khác bởi lẽ cô sống cô đơn. Không có ai để thở than sau đó. Không có ai để bàn tính cân nhắc trước đó. Trước mặt, sau lưng bên phải, bên trái đều là sa-mạc.

Cô đi chùa đều đặn hơn trước và chấp nhận mọi điều mà trước kia cô âm ỉ chê bai. Thực tình thì những ngày còn sung sức, cô khó tính đến mức không chấp nhận được ai hết. Cô chỉ trích thầy trụ trì, nghi thầy bòn rút của chùa để đem về bới sốt cho gia đình. Thực ra thì nhà chùa có giàu gì cho cam. Những năm mất mùa, thầy trụ-trì phải ăn cơm ghé bắp. Cô chê ông đấng ông điệu lười biếng, không lo sửa sang chăm sóc vườn chùa sân chùa. Miếng ruộng sạ của chùa nằm sát con đường xóm, mỗi lần đi qua là cô lên tiếng lầm bầm chỉ-trích, dù có ai nghe hay không. Nào là ông đấng ông điệu bỏ cỏ bỏ rác, nào là thiếu phân thiếu bồi, nào là rào dậu không kỹ. Đối với bọn đạo thì cô hiềm khích. Cô chê lễ vật của bà này ít : hà tiện ; lễ vật của bà kia nhiều : nịnh thầy. Cô dò xét xoi mói từng cái bánh, từng gói trà, từng cử chỉ lời nói, từng giờ giấc đến, về. Cô giành phần lễ Phật trước, cô tranh chỗ ngồi khi thụ trai. Cô loay hoay bắt mẫn, gieo rắc bức dọc, hành hạ người khác và tự hành hạ mình. Con gấu hung tợn đó bây giờ đã nhu mì. Vượt đã hết bển rồi và khí-huyết cũng không còn sung-mãn nữa. Con gấu mò về cửa Tam quan, cúi nhìn xuống thân phận mình và gối đầu lên cái Chết. Tôi nhìn cô đi từng bước từng bước nhỏ chậm chạp, áo hàng nhuộm một màu đà. Cửa song can thường đóng kín. Có nhiều buổi xế gió nồm phe phẩy và bóng mát cắt nửa mặt sân, tôi nhìn sang nhà cô vắng lặng, nhìn bầy chó thần thơ con đứng con ngồi. Có khi thì chúng ôm nhau từng cặp, cạ vào nhau, mơn trớn nhau, chồm lên lưng nhau. Rồi giận dữ chúng lật nhau xuống, cắn nhau rổ đau. Đáng thương bầy chó cô đơn phải bịt tai với tiếng gọi ái-tình. Chúng bị ngăn cách với cuộc đời rộn ràng sinh thú ngoài kia bởi bốn bức tường gạch.

Khi tôi cưới vợ thì tóc cô đã bạc. Nhắm vào lúc cô đang đau nên cô không có sang dự đám cưới. Tuy vậy, cô cũng tỏ ra biết về vợ tôi khá nhiều chi tiết. Cô bảo :

— Nghe nói vợ con nó học hành chữ nghĩa giỏi lắm phải không con ?

Thưa cô, cũng biết ít ít vậy thôi, tôi trả lời.

— Nó quê ở đâu ?

— Dạ ở Saigon.

— Cô nghe nói con gái Saigon hay ăn hiếp chồng lắm. Cái lộn với chồng thường cứ lấy dao đâm.

Tôi cười :

— Cũng có người hiền người dữ.

— Bữa nào con dẫn nó qua bên này chơi.

Vợ tôi đối với cô có nhiều cảm tình mặc dù bây giờ cô không còn một nét nhỏ nào của người đàn bà có nhan sắc và giàu có của thời xưa. Thịnh thoảng vợ tôi vá hộ cho cô cái áo, hoặc cầm kéo cắt ngắn bớt mớ tóc bạc phơ. Khi thì gửi biếu cô mấy cái bánh ngọt hay mang sang một bát canh cá. Cô năng

đau yếu mà số ruộng thì đã bán hết. Có ba gia giống cúng cho chùa để lấy huê lợi phụng tự, cô cũng xin lại để bán ăn. Cô già đi nhanh chóng lắm như sức khỏe cũng biết chạy xuống dốc. Trên con đường xóm lồi lõm chồm đá và mẻ sành, cô đi lò dò từng bước, thân hình chênh vênh mỗi khi chiếc guốc sắp trượt lên trên những viên đá rúng rinh. Đôi mắt mỗi một không còn đủ sức để nhìn thẳng hay ngược nhìn lên mà chỉ chăm chú nhìn vào một khoảng nhỏ dưới bước chân. Miệng lầm rầm nói chuyện một mình, nói với một bóng người tưởng tượng nào đó hoặc với cái quá khứ của chính mình. Gặp người hay gặp bò cũng mặc kệ, người hay bò phải liệu tránh ra để tìm lấy lối đi. Như thế, cô bước đi giữa cuộc đời còn sót lại, lạc lõng mơ hồ như người đi trong giấc mộng. Tất cả đều chập chờn hư ảo. Chặng đường cuối cùng của người lực sĩ đuổi sức.

Cứ cách năm, mười ngày, có người đến khiêng cái tủ, chở bộ ván, cái ghế thờ, cái bàn. Rồi đến cả những cây cột song can. Cô đứng vịn tay vào cây cột trước hiên dõi mắt nhìn theo, nước mắt chảy ròng xuống má. Đó là những đứa con. Đó là núm ruột. Đó là cuộc đời. Cô ngồi bệt xuống hiên nhọc mệt thở. Hai chiếc răng nanh ở hàm trên chõi dài ra bên khoảng trống đen ngòm do hàm răng cửa đã rụng hết. Bờm tóc bạc vàng bần. Màu da mai mái của người bị ngộ độc. Những nếp nhăn hỗn loạn. Tôi chưa xót và hối hận khi trong óc vụt có ý nghĩ rằng khuôn mặt đó đã khác xa với một khuôn mặt người bình thường. Nhiều khi nhọc mệt quá cô ngồi tựa cửa há miệng ra thở hồn hển, cặp răng nanh chõi ra như dài thêm, khoảng trống của răng đen hơn, những nếp nhăn sâu hơn và chẳng chít hơn. Hình ảnh đau thương và nhục nhã của cuộc đời người. Tôi thấy mình đang tàn nhẫn dẫu mình không phải là nguyên nhân của sự đầy đọa ấy. Bất lực đứng nhìn rồi bỏ đi, thế cũng đã là tàn nhẫn rồi. Tôi nhìn xích ra một khoảng trống bên cạnh, dựng lên trong óc tôi một hình ảnh cô Ba khi còn xuân má đầy đặn màu hồng. Vàng xuyến chói lòa ở cổ tay. Thật khó nhọc hết sức mới xua đuổi được cái hình ảnh tiêu tụy của cô hôm nay nó cứ lấn át, tranh giành, chực đề lên hình ảnh huy hoàng cũ. Bởi vì đã xa quá, những ngày sung sướng.

Cô Ba chết nhằm vào lúc tôi đi vắng nhà. Khi về nghe thuật lại, tôi không ngạc nhiên về những chi-tiết của cái chết đó. Người ta gọi cổng mãi mà không thấy cô rục rịch đi ra. Người ta lùa tay mở chốt cửa. Người ta bước vào nhà, thấy cô ngồi bệt xuống đất đầu ghéch lên một góc tường chết cứng hồi nào không biết. Có thể là cô đang đi tìm nước uống. Có thể là cô mò đi tiêu. Không cần luật y khám nghiệm, không cần thân nhân xác nhận. Hội nghĩa-táng của thôn lo việc chôn cất. Gò núi ở cuối thôn là nơi an-nghỉ của mọi người không phân biệt giàu hay nghèo, không cần phải tranh giành, không cần phải xin phép ai hết. Quả tình là chặng đường đi đến năm mồ dễ dàng thoải mái hơn nhiều so với những chặng đường nhọc nhằn cam go mà cô đã đi mấy năm gần đây khi già yếu và

nghèo nàn, cô đơn và bị đời lạnh lùng hắt hủi. Trong những người mà hồi tuổi nhỏ tôi được biết, nhiều người đã chết, rải rác, êm thấm trong các chạng quá khứ mờ mờ của tôi, lặng lẽ như trong một buổi hoàng hôn dài : ông ngoại bà ngoại, mẹ tôi, bà thím, ông Xã Năm, ông Cửu Hai... Nhưng chưa có ai làm tôi xót thương cho bằng cô Ba Hường. Không phải vì họ hàng, không phải vì cô thương tôi mà chỉ vì cái cuộc đời cô đơn lạnh lẽo đó mang nhiều mâu thuẫn : cực khổ bởi vì giàu, đại khờ bởi vì quá khôn ngoan, bị bỏ quên bởi được mến chuộng. Ngoại trừ dùng Số Mệnh để mà giải thích và an phận còn thì, nếu dùng lý-trí để mà suy xét cân nhắc thì tôi chắc nhiều người cũng sẽ như tôi xót thương mãi cho thân phận người đàn bà đó không biết nên xử-sự như thế nào cho phải trong cái xã hội quá nhiều ác tâm, lòng gặt.

VÕ HỒNG

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

Bảo Hiểm

27 - 29, Đại lộ Hàm - Nghi — SAIGON

Điện thoại : 23.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
 Tai Nạn — Hỏa Hoạn — Hàng Hải — Linh Tinh

ĐẠI LÝ CỦA

MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane
 — Hongkong Tananarive — Tamatave Addijan Douala

Thanh - Tâm - Tuyển

TRUYỆN DÀI

(khởi đăng từ BK 193)

CÁT LÁY

PHAN THỨ HAI

1 | Lang là người đầu tiên nói về Hiệp với tôi. Hồi ấy tôi đã xuống Saigon trọ học, mỗi tuần về tỉnh một hai lần vào ngày nghỉ để gặp Diệp. “ Trường mới mượn một ông thầy Bắc di cư thật giỏi. Học sinh miễn phục lắm ». Trường của ông Pháp, trường trung học duy nhất trong tỉnh nơi tôi đã theo những năm đầu tiên bậc trung học và Diệp cũng đang học ở đó. “ Ông ta từng kháng chiến tám chín năm mà phải di cư, nói nhiều chuyện ngoài Hà Nội thật động trời không tưởng tượng nổi. Mà có nghe nói Cộng Sản hồi nào chưa ? ». Lâu lắm tôi mới được nghe Lang nhắc đến một người với nhiều bộ tịch và giọng nói nồng nàn. Thường thường hần như như buồn ngủ. Tôi nghe không chú tâm, chỉ cốt gặp hần để thông tin với Diệp. Năm xưa, ngày mới đình chiến, Lang đã cùng tôi và mấy đứa nữa mưu tính trốn vào khu tập kết, đề ra Bắc, hần cũng thảo luận say mê, nhưng cuối cùng bỏ rơi chúng tôi giữa đường. Không thể tin được hần, cũng cái giọng và bộ điệu ấy hần nói về Kim Huê. Kim Huê, đứa con gái yêu dấu của Lang mà tôi coi rẻ.

Trong tỉnh, Lang cũng là một nhân vật được biết đến. Rồi đây mười năm nữa, chắc hẳn sẽ trở thành một thân hào nhân sĩ trong quận lỵ châu thành. Hẳn làm thư ký văn phòng cho trường của ông Pháp, thêm đại diện cho một Công Ty Bảo Hiểm dưới Saigon tại tỉnh, được đề cử giữ chức Thư ký Tỉnh Hội Truyền Bá Quốc ngữ. Hẳn có một máy đánh chữ Remington, một máy in Ronéo quay tay, nhận in bài học cho trường và công việc lật vật ngoài giờ làm việc, đáng chú ý hơn hết một người vợ đẹp lẳng lơ nổi tiếng : Kim Huê.

Ngày còn đi học, Lang đã có phong độ của một tư chức mãn nguyện. Đầu chải mượt, mặt trắng sáng sủa, cặp mắt lạnh khôn dấu điểm, quần áo lúc nào cũng thẳng nếp, ăn nói cử động chậm rãi vừa tầm. Hẳn cũng thuộc loại học khá trong lớp, nhưng không hoài bão, thụ động, ù lì, dễ bị lôi cuốn. Đã có lần, muốn thân với Lang, tôi hỏi : « Mộng của mày sau này thế nào ? » Hẳn buồn đáp : « Tao chỉ mong học đến nơi đến chốn. Nhưng hoàn cảnh gia đình tao chắc không được ». Gia đình Lang thuộc lớp trung lưu thành thị, đông con, không gốc rễ ở quê cũng như ở tỉnh, thứ giai cấp bấp bênh nghiêng ngả, chỉ cần một biến cố tầm thường cũng đủ làm xuy sụp phân tán. Lang thứ ba, trên hẳn là người chị, dưới hẳn sáu bảy đứa em trai gái. Bố làm công chức ty Canh Nông, mẹ và mấy chị em gái xúm nhau trông việc nhà và cửa hàng xén ngoài chợ ; ngoài ra gia đình cũng phụ thu được một số huê lợi hằng năm của một khoảng vườn trái cây ở Lái Thiêu, hương hỏa của ông bà. Tôi hỏi dồn : « Học đến nơi đến chốn là đến đâu ? Tú tài, Cử nhân hay Bác sĩ, Thạc sĩ, Tiến sĩ. Mà đến nơi đến chốn để làm gì mới được ? » Tôi nổi nóng vô lý. Bản mặt Lang lúc ấy u tối, ngậy đục hết sức. Chiều tan học, tôi đạp xe máy ra khỏi tỉnh. Tôi đi vào trong lối mòn giữa ruộng mía cao ngắt đầu. Lá sắc chen chúc vương mắc như rừng grom. Hương ngọt ngào tằm khí trời thổi hút. Bông mía trắng nổi từng cụm trên nền xanh của lá phơ phất như mây. Câu hỏi không nghĩ trước đặt cho Lang, dội trở ngược vào tôi. Tôi sẽ làm gì ? Trở thành cái gì ? Tôi mười bảy tuổi, tôi đọc các sách tuyên truyền chủ nghĩa, nghe và chứng kiến chiến tranh, mơ tưởng đến xã hội. Nhưng tôi sống giữa làng xóm nghèo bần chật, những phố quận tẻ nhạt không chút sinh khí, và tôi không có bạn hữu. Khi tôi trở về nhà, trời đã tối. Má tôi và chị Lệ, mỗi người bận bịu một góc, chờ cơm. Có lẽ đó là buổi đầu tiên, tôi bước qua ngưỡng cửa nhận ra sự lạnh lẽo âm u cần xa lánh.

Vẽ mãn nguyện, hèn nhất, phản trắc mỗi năm mỗi vẽ rõ trên nét mặt Lang. Những buổi tối, Lang nắm tay vợ đi chợ ăn nhậu, hẳn vận pyjama màu xanh lơ viền xạm gài nút treo, vợ tóc uốn vắn lên đỉnh đầu, ống ẹo trong bộ đồ lụa mỏng màu hồng thêu rồng thêu phượng. Thứ bảy chủ nhật, hai vợ chồng trang điểm đưa nhau xuống Saigon coi hát bóng. Lang sơ mi trắng hồ cứng, khuy măng xết vàng chói, kẹp cả vạt hình móng ngựa mang hạnh phúc ; Huê tô mặt đậm, áo dài bông khoét cổ sắc sỡ, bóp dài tòn ten bên vai. Tôi gặp hai đứa choàng móc tay nhau dạo phố hay vô tiệm ăn, vẻ hãnh diện quê mùa mà mắc cỡ dùm. Tôi nghĩ dù

sao nó cũng đã là bạn một thời, cùng đi chơi với nhau, từng mưu tính theo đuổi một công chuyện. Đôi lúc tôi vừa giận vừa thương hại Lang. Nó không nghĩ, nhớ, tưởng gì, óc nó là vũng ao bùn. Đời sống của nó là sự biểu diễn tro trên như đồ vật bày mang trên mình.

Rót Brevet, Lang nghỉ học, xin ngay vô làm thư ký tại trường với môn tiền đặt cọc, khi ông Pháp đang cần vốn xây cất thêm lớp học mới, và theo đuổi chinh phục Kim Huê, người đẹp phố chợ. Kim Huê con nhà buôn sắt, hằng ngày ngồi đống, đi lại giữa những ống khóa, giầy kẽm, cây sắt, đinh ốc, thùng lon... Kim Huê mang trên mặt vẻ đẹp tối, ngu, nặng và dâm tình. Trước khi lấy Lang, Kim Huê mê tên thiếu úy người Bắc đóng trong thành. Gã này thường tới lui giúp gia đình Kim Huê giao dịch mua bán với nhà binh Pháp, dân « rau muống đặc biệt » miệng lưỡi lật lọng. Hai đứa đã từng rủ nhau đi Ô Cáp, chụp hình chung với nhau như chồng vợ. Tấm hình còn được trưng lớn trong một cửa tiệm miệt Phú Nhuận. Đứa con gái lẳng lơ dần dần ngả đầu lên vai tên đàn ông giao hoạt miệng cười ruồi không thềm che đậy, hiện trên màu thuốc vàng ớn sẽ nhạt dần và biến đi dưới ánh nắng chiếu mãi vào mặt phố đã làm phai cả tấm vải tím dăng che ngoài hiên. Tấm hình ấy đứng bên những tấm khác đủ kiểu : nữ hiệp chống gươm dưới trăng mờ, cao bồi hờm súng nón rộng vành uốn cong, nhà thám tử trầm ngâm suy tưởng trước khói thuốc lá, cô gái nhà quê xứ Bắc e lệ thẹn thò trong khuôn trái tim, ba cô gái Nhật che dù trước lầu nguyệt thấp ngang đầu bên hàng tơ liễu rủ, chàng phi công đầu bóng đặt cánh tay ra ngoài thành tàu, ngón tay út phô cái cà rá mặt đá vuông thiết bị... Cả tỉnh đều biết chuyện, Lang thấy kệ. Cha mẹ phản đối, hẵn cũng nhất quyết năn nỉ xin xỏ cưới cho được Kim Huê, bằng không hẵn sẽ lên cầu Bình Lợi tự vẫn. Đám cưới linh đình, nhà chật ních khách khứa. Bàn dọn kê đến ngổ, ăn uống hai ngày liền. Lang đón về một ban cổ nhạc và một ban tân nhạc giáp vui, đàn ca tới khuya. Tôi và các bạn học cũ đều được mời. Bàn của bọn trẻ chúng tôi ở ngoài sân, dưới bóng cây mắc đèn xanh đỏ. Tiệc vui nhộn hỗn tạp. Rượu, cười, nói tục kín hờ, khích bác, cãi lầy, vụng cồ, trống mọi bập bùng. Lang lẳng xẵng hơn hờ len lỏi qua các bàn, thấy một chiếc nơ đỏ, trong bộ đồ lớn cứng nhắc. Tôi chợt như khám phá một cách chắc chắn chính hẵn là kẻ phản, tổ cáo bè bạn, đưa cả đám vào tù trong kỳ rủ nhau tính trốn ra Bắc. Gần đến ngày lên đường, mọi việc xếp đặt xong, Lang thối lui. Hẵn tìm sang tận nhà tôi nói : « Thôi tui bay đi, tao không đi được. Lỡ hai năm không thống nhất... » Tôi nổi hung là : « Đồ hèn nhát. Để tao không có gia đình ? » « Mày khác, tao khác » « Quân phản bội ».

Nhưng khi người lớn đã cáo biệt, bọn trẻ chúng tôi bắt đầu ngấm rượu phá phách. Tôi quên hẵn những ý nghĩ xấu về Lang và dường như ngấm ngấm tôi ghen tức thêm muốn hạnh phúc như nó. Tại sao tôi không sống được như nó vậy ? Tôi cũng sẽ lấy vợ, cũng đẻ con, tôi phiền muộn và tôi hạnh phúc. Chúng tôi hứa nhau trên chốc Kim Huê, hò hét la lối bên những bàn tiệc chồng chơ, cười khoái trá.

Chúng tôi cùng đứng lên, nâng ly chúc tụng cô dâu chú rể trăm năm hạnh phúc, loan phụng hòa duyên. Chúng tôi vỗ tay đồng ca một bài hát không đầu đuôi với ban tân nhạc gồm mấy cây ghi ta điện rè và một bộ trống da trùng. Hát dứt, tôi nghe tôi cười sặc ngất ngư, mặt muốn nứt hơi. Nhìn ngoái lại cái công ngộ kết bằng lá dừa với hàng chữ bông đỏ thắm « Lễ Thành Hôn của Trường Nam », Lang choàng vai Kim Huê đứng tiền say sưa, tôi thăm thía nghe mình già cỗi trong chốc lát, già một cách thảm hại. Đêm ấy tôi không trở về nhà, tính tới ngủ đậu nhà một đứa bạn bên tỉnh. Chúng tôi cặp vai nhau đi rong qua các đường đêm. Châu thành hoàn toàn vắng lặng, không bóng người, không xe cộ như một hòn đảo lênh đênh sắp mất tích. Chúng tôi nói đủ thứ chuyện, có lúc gây nhau tưởng muốn đánh lộn. Cuối cùng chúng tôi kéo nhau vô quán cà phê đầu chợ. Một đứa bỗng la lên: tụi bay, tao buồn, nó cầm chiếc ghế liệng ra hè và những đứa khác bắt chước. Mấy chú ba tàu hô cảnh sát tới rượt. Tôi chạy thoát về trường ông Pháp, chui vô nhà bên trái bếp nằm. Muỗi quá, tôi thức suốt đêm, leo lên từng lầu sắp cắt của một dãy lớp học còn ngồn ngang vật liệu, nhìn vườn đêm, trời sao trên đầu, nhà cửa. Tôi hai mươi hai tuổi, tôi buồn. Mặc dầu lúc ấy tôi mới được yêu Diệp.

Sau đám cưới, tôi không muốn nhìn mặt Lang. Mỗi lần gặp hắn, tôi không dấu vẻ khinh bỉ, nhưng hắn làm như không thấy, hắn vẫn xử tốt và nề vì tôi. Và tôi vẫn phải tìm hắn để liên lạc với Diệp. Gần đây, Kim Huê đột nhiên bỏ nhà đi mất. Nghe đâu nó gặp lại tên Thiếu úy người Bắc và bỏ theo tình nhân cũ. Lang đau mấy tháng, mắc chứng bệnh kỳ lạ: tim to không ngủ được, suốt đêm mắt mở tráo tráo. Tôi tới thăm, thức với hắn trọn đêm, đêm trước mấy ngày xảy ra tấn kịch của chúng tôi. Những cơn mưa tắt nổi miên man như những hồi tâm sự của Lang. Tôi bị dựng ngồi trong giấc ngủ tê liệt để nghe. Hắn sẵn sàng tha thứ hết mọi lỗi lầm cho Kim Huê như hắn đã chứng minh khi cưới Kim Huê, miễn nàng chịu trở lại với hắn. Hắn tin Kim Huê sẽ trở lại. Nàng không thể tìm được ai tha thiết hơn hắn trên cõi đời này. Hắn quyết tìm gặp bằng được nàng và nàng sẽ trở về sống với hắn như cũ không khi nào còn bỏ đi nữa.

(Kim Huê đã trở về với Lang. Lang hết bệnh. Mọi sự trở lại bình thường yên ổn).

Trước mắt Diệp, Hiệp là một ông thầy. Quyến rũ, mê hoặc, đầy đủ uy tín. Diệp không tiếc lời ca tụng. Trong cái không gian tri tri, tú tú, tẻ nhạt của tỉnh lỵ mà mỗi hành vi nhỏ nhặt đều bị dòm ngó để thuật thành tiểu sử buồn bã vu vơ của từng người, Hiệp mang tới cho bọn học trò mới lớn không khí phiêu lưu mộng mị của trí tuệ. Thế giới hào phóng của văn chương cổ điển. Thế giới hư tưởng của các chủ nghĩa nhân bản. Thế giới ngấm dấp phanh phui của tâm linh.

— Có lẽ anh không đồng ý với thái độ chính trị của ông ấy. Ông ấy di cư và ghét Việt Minh mà. Bữa nào anh thử tới nghe ông giảng coi. Em chưa học ông thầy nào giỏi hơn ông Hiệp. Ồi, ông nói về cái ý nghĩa đích thực của thái độ vô vi nghe mà mê. Học ông em hiểu được nhiều thứ lắm...

— Coi chừng em mê luôn ông thầy của em đó.

Hiệp khoác vẻ lãnh đạm khác thường. Khi anh nói như trong một cơn mộng, anh lui vào trong và nói vọng ra ngoài. Giọng không hùng hồn, phẳng và trầm. Sức thu hút phát sinh từ những nhận xét táo tợn, phán đoán cương trực xen lẫn những ảnh tượng chột hết hợp, những quãng trắng băng khuâng. Một giọng nồng nàn hồi thúc thắm kín bởi một tuổi trẻ già dặn, một tình yêu thoát ngoài đối tượng. Một bữa tối, tôi đã đứng ngoài cửa sổ lớp học đêm đón Diệp và quan sát. Người đàn ông ấy cao gầy, chân tay dài, da mét như bị bệnh gan hay bệnh rét rùng, môi thô dày, mắt đục, cằm nhọn, mũi lớn, lưng khùng, lạnh nhạt, vẻ khó hiểu, không giống những người Bắc thường gặp. Hiệp đi lên xuống giữa hai dãy bàn học trò, như muốn ăn dấu mình đi. Chỉ nghe một tiếng nói vừa đủ, thân tình nghiêm trang. Tôi nghĩ bọn học trò không hiểu hết ý tưởng của thầy. Tôi tưởng như Hiệp chỉ nói với tôi, đứng ở ngoài.

— Trông ông ta chẳng thông minh chút nào. Không hiểu sao em lại phục được chớ.

Những câu nói rỡ của tôi về Hiệp thường làm Diệp giận, đỏ bừng mặt, sí dài. Diệp bất mãn cho tôi gàn bướng không chịu phục ai bao giờ, nhất là với người không cùng lập trường chính trị. Ngay sau này khi đã lui tới quen Hiệp và Thuận, tôi cũng ưa chống đối với Hiệp, riếu cợt, phê bình anh với Diệp. Diệp không chịu nổi và gây với tôi. Diệp không rõ hết những dạng thức của tình yêu, Diệp không biết rằng nàng yêu Hiệp. Nàng không thể biết và cũng không muốn biết. Nhưng tôi và chắc chắn cả Hiệp đều nhìn rõ, chúng tôi giống nhau.

THANH TÂM TUYỀN

(còn tiếp)

SỬA CHỮ ĐÚNG

Trong Bách Khoa số 196, bài 'Cát Lầy' của Thanh Tâm Tuyền, chúng tôi có đề những lỗi sau đây: Trang 54, dòng 10: bầu trời *tư* tưởng, xin đọc: *hư* tưởng; trang 55, dòng 1*: Một lúc nước mắt một một *tra* kêu khóc xin đọc *một* lúc nước mắt *một* *một* *tra* bên khóe; Trang 56 dòng 4: sức học *nào*, xin đọc sức *lực* *nào*; dòng 5: cuộc hiện hữu của *mấy* ngày *hợp* với *tôi* xin đọc *cuộc* hiện hữu của *mấy* người *hợp* với *tôi*.

● Những nhận xét về tiểu thuyết, về thi ca, về tâm trạng của thế hệ mới ● trên mười vấn đề trong một cuốn sách mới phát hành:

TẠP BÚT

của Võ Phiến

do THỜI-MỚI xuất bản

GIÁ 32đ.

TIN CẬY ĐĂNG

Tôi, bút hiệu **Doãn Dân** ký dưới những bài đăng trên Tân-Phong và Bách-Khoa, xin có lời phân trần cùng bạn đọc: ngoài hai tờ trên, tôi không còn viết truyện nào trên các báo hàng ngày. Bút hiệu **Dzoãn Dân** ký dưới 'Vòng đai nước mắt' đăng trên Thời Luận số 78 (ngày 5-3 65) không phải là của tôi.

DOÃN DÂN

NGUYỄN-NGU-Í

Sống và Viết

với

BÌNH-NGUYỄN-LỘC

(tiếp theo BK số 196)

Tôi tò mò muốn biết số « *Đồ đạc* »
giả hiệu độ chừng bao nhiêu cuốn ?

Anh cau mày, nhớ lại :

— Lối bảy trăm cuốn.

— Anh có mấy bản in « lậu » đó không ?

— Nhà tổng phát hành có đưa tôi xem
một bản. Tôi có đem ra đối chiếu với
quyền sách tôi tái bản, thì thấy khó mà
phân biệt thật, giả.

— Sẵn nhắc đến *Đồ đạc*, hỏi anh luôn
sao lâu quá mà phim *Đồ đạc* chẳng thấy
ra mắt khán giả. Nhà sản xuất Liên-Film
đã gặp trở ngại gì ? Chớ chẳng lẽ họ mua
bản quyền quay phim, chịu mất một số
tiền to rồi bỏ đó.

— Sự thật là thế. Họ không đóng,
không quay gì cả. Anh cũng biết người
nóng lòng nhất trong vụ này, là tôi.

— Thế còn « *Đôi mắt người xưa* »
của anh Ngọc Linh ?

— Anh Ngọc.Linh may mắn hơn tôi
phần nào. Có tài tử đóng, có quay phim,
nhưng chưa biết chừng nào chiếu. Nghe
đâu còn gửi sang Nhật để rửa, rồi lại
còn gửi sang Pháp để chuyển âm...

Đĩa đưa hầu đã hết từ lâu, đêm cũng
đã về khuya, mà tôi còn có thấy bao điều
hỏi anh. Ngoài sân, mấy chậu kiểng ươn
ướt sương đêm và trong nhà, chiếc
lọ cổ, vài bức tranh vẽ theo lối cổ điển
hoặc lối tân thời, bài thơ của Đông Hồ
mừng đám cưới con trai lớn của anh, đã
bắt đầu mơ màng hay thêm thiếp Nghi
đến mai sớm anh phải có ở nhà báo, và
có lẽ khi tôi đến, đang viết dở dang,
tôi giờ chỉ tìm hiểu nhà văn Bình-
Nguyễn-Lộc.



Bình-Nguyên-Lộc giữa soạn giả Hoàng Khâm và ký giả Ngu Í, trên một chiếc phà vùng sơn cước Kontum trong một chuyến đi của làng báo làng văn Saigon do quân đội mời (1962)

— Đây, tôi xin nêu những điều thiên hạ trách anh và vài điều độc giả muốn biết. Điều này, anh không muốn trả lời thì thôi vậy.

Anh cười cười, chờ đợi.

— Có đôi điều anh biết rồi, và anh cũng đã gián tiếp trả lời hoặc trên mặt báo, hoặc trong một cuộc phỏng vấn. Độc giả Bách-Khoa có thể không biết, vậy cũng xin anh vui lòng trả lời gọn cho.

— Tỉ như...

— Tỉ như thiên hạ trách anh « phá giá văn chương » : mấy tác phẩm sau này của anh : *Nhện chờ mối ai*. *Ái ân thâm ngăn cho dài tiếc thương*. *Mối tình cuối cùng*. *Bóng ai qua ngoài song cửa* « bị » nằm trên lễ đường và bán nửatiền.

— Tôi đã trả lời ..

— Tôi biết, trên Phồ-Thông. Nhưng tôi xin anh trả lời tóm tắt.

Anh làm khó dễ tôi :

— Bài tôi, anh đã đọc rồi, anh lại là bạn của tôi, thì nếu gặp người trách tôi như thế, anh sẽ biện hộ cho tôi ra sao ?

— Tôi nhớ hai ý chánh. Một lẽ phần anh, tác giả, anh nhận tác quyền không thua gì sách chỉ bày trong tiệm. Hai là sách có nằm vỉa hè, có bán giá rẻ, mà giá trị tác phẩm nào vì thế mà giảm sút, trái lại người bình dân dễ thấy, dễ mua, xét lại, có lợi cho riêng tác giả và nhà xuất bản, mà cũng có lợi chung cho văn chương.

Anh nhìn tôi, tôi hiểu cái nhìn ấy : tạm được.

— Người ta trách truyện ngắn anh viết sau này kém những truyện viết trước kia, họ đem tập « *Tâm trạng hồng* » xuất bản năm 1963 so sánh với tập *Kí thác* in năm 1960 và tập « *Nhốt gió* » ra đời từ 1950.

— Anh thấy hai điều vô lí trong lời trách cứ này chớ ?

— Tôi thấy mà không biết đúng không. Anh mời tôi nói.

— Một là trong *Tâm trạng hồng* có nhiều truyện anh viết trước những truyện trong *Kí thác*. Hai là ta không thể so sánh hai loại truyện khác nhau, dầu nó đều ngắn cả.

— Đúng vậy. *Tâm trạng hồng* thuộc loại truyện vui, như *Tiếng suối reo* của Khái-Hưng. Đem so sánh *Tâm trạng hồng* với *Kí thác* nó vô lí cũng như khi đem so sánh *Tiếng suối reo* hay *Đội mũ lệch* với *Dọc đường gió bụi*, đều của Khái-Hưng.

Rồi anh tiếp :

— Chắc thế nào họ cũng cho rằng tôi nay viết không hay như trước, vì tôi mấy năm nay làm báo hằng ngày, nghề báo hại nghề văn.

« Tôi không hiểu sự thật có phải thế không, nếu quả tình tôi nay viết kém. Nhưng tôi không dựa vào điều này mà bảk chữa cho tôi, tôi nay có viết dở là tại nay tôi viết dở !

« Còn như tôi phải làm báo hằng ngày, là vì đề sống. Viết văn không, chẳng đủ sống, thì tôi phải có thêm một nghề thứ hai. Mà trong các nghề tự do, tôi thấy nghề báo dễ đi đôi với nghề văn. Độc giả trách thế, chớ có biết đâu tôi sống về báo hằng ngày non hai mươi năm rồi. Nhưng giữ những mục như kinh tế chẳng hạn, nên chẳng kí tên.

« Anh cũng thấy, nhà văn nước mình ai cũng phải có nghề thứ hai mới đủ sống. Nói tới đây, tôi mới nhớ : tôi vừa quen một nhà văn Nhật, mới sang đây, làm phóng viên chiến tranh cho một tờ nhật báo bên ấy. Anh xem, một nhà văn Nhật mà còn phải làm báo thêm, huống hồ gì nhà văn nước ta. »

— Truyện dài, truyện ngắn của anh đăng ở báo — nhất là ở báo hằng ngày — khi in thành sách, anh có sửa đổi gì nhiều không ?

— Truyện ngắn thì gần như không, còn tiểu thuyết thì đôi khi tôi bỏ bớt đôi đoạn ngắn ngắn. Tôi nghĩ cái chánh trong việc sáng tác là phần làm việc của tiềm thức, còn phần ghi lên mặt giấy là phần phụ. Đời sống hiện nay ở Âu Mỹ đã vội vàng hối hả lắm rồi, ở nước ta nhịp sống cũng bắt đầu quay nhanh, cái thì giờ dành cho việc gọt giũa tác phẩm

minh, « sửa đi sửa lại đến... hai mươi lần » như lời khuyên một phê bình gia Pháp ở thế kỉ XVII là điều rất ít ai làm được. Tôi xin lặp lại lời tôi đã viết cho một bạn văn : « Khi mà ai cũng vội vàng cả thì người ta sẽ đánh giá trên cái gì còn lại của mỗi nhà văn trong không khí hấp tấp chung đó.

Anh hạ giọng :

— Tôi còn bị trách gì nữa, anh ?

— Lời trách này nó nhẹ nhẹ. Anh theo một các soạn giả cải lương mà đặt tên tác phẩm.

— Tôi mong rằng họ không nghi đến *Xô ngã bức tường rêu* hay *Bóng ai qua ngoài song cửa*, mà họ nói đến *Ái ân thâm ngấn cho dài tiếc thương*. Cái nhận này vốn ở trong một bài thơ của một người bạn tôi. Bạn tôi thích ngâm bài ấy, bài thơ chỉ hay có một câu. Tôi nghe hoài thành thuộc. Sẵn dựng một cốt truyện, đang tìm tên đặt, sức nhớ câu thơ nọ, thấy hợp, bèn « mượn » nó làm nhan. Tôi nghĩ lấy tục ngữ, ca dao hoặc một câu thơ đặt tên tiểu thuyết, không phải điều đáng trách, Âu Mỹ họ thường làm.

— Nói đến « *Ái ân thâm ngấn ..* », có một bạn nhà văn đã cười anh xa thực tế, nếu không là... bất lực. Bởi đoạn anh tả chàng họa sĩ nọ với người thiếu phụ kia, yêu nhau đến chỗ quấn quít lấy nhau trên giường mà rồi « cái việc lịch sử » kia không xảy ra ! Ngoài đời, nào có việc đó !

Anh hơi tủm tỉm.

— Đàn bà có chồng bao giờ họ cũng « sợ » điều đó và tìm mọi cách đời nó

lại .. Đàn ông thì đành là « ham » điều đó, nhưng đôi khi, vì tự ái cũng có, vì muốn tỏ ta đây là anh hùng (anh tiếp theo với một nụ cười : *anh hùng rơm*) nên cái chuyện đáng lí phải xảy ra đó, không xảy ra. Trên thực tế, việc này có.

Anh nói chậm rãi, đều đều. Một ý nghịch ngợm thoáng qua óc tôi. Tôi sao muốn hỏi liền anh (lúc ấy trong nhà, chỉ có hai tôi) : « Hẳn đó là kinh nghiệm bản thân của anh ? » Nhưng lại thôi, vì e anh giận. Anh tiếp, trầm ngâm theo khói thuốc :

— Tiểu thuyết, thường thì do năm, ba chuyện có thật ngoài đời, tôi ghép lại, và tự nhiên là có thêm thắt. Tôi từng chứng kiến một nhóm người dựng đứng lên một hoa hậu. Do đó tôi nghĩ đến một cô gái nghèo mà quá đẹp, đi xin chỗ làm ở đâu cũng bị từ chối, rồi bỗng được đưa lên nấc thang chót vót của đài danh vọng : được bầu làm hoa hậu. Rồi đời người con gái « bạo phát » ấy sẽ kết thúc cách nào, ý truyện đã có cốt truyện tôi mới tìm sau. Thế là thành hình *Hoa hậu Bồ Đào*.

« Còn *Nhận chờ mỗi ai*, do nữ sĩ Vinh-Lan, (đã cộng tác với *Vui Sống*) làm quà cho tôi mẫu chuyện sau đây : Vinh-Lan đề ý đến một cô ở gần chỗ ngụ, trong xóm Nguyễn-tri-Phương, Chợ-Lớn. Vắng mặt cả tuần, chỉ về nhà một ngày, và ngày này, làm việc nhà như tất cả những cô gái đảm đang. Vinh-Lan tò mò, tìm hiểu, dò xét, rồi khám phá ra cô gái ấy làm nghề « bán vui cho thiên hạ » nơi xa để nuôi mẹ mà giấu bà. Với mẫu chuyện thật này, tôi xây dựng *Nhận chờ mỗi ai*.

« Nhưng anh nhớ rằng, với tôi, cốt truyện mình có thể bịa được, còn các chi tiết thì không. Nếu không phải do chính mình đã thấy, đã nghe, đã làm, thì cũng do các bạn trải qua thuật lại. Tôi cho những cái chi tiết ấy làm nên giá trị tác phẩm.

« Truyện ngắn, tưởng tượng có mà do thực tế gợi hứng cũng có. Chắc anh còn nhớ truyện *Nhốt gió* trong tập *Nhốt gió* : anh cũng đoán được hai vai chánh chẳng phải ai xa lạ. Người cha là tôi, đứa con là thằng Hiệp, câu chuyện có thật.

« Còn *Rừng mấm*, do bức tranh này gợi hứng. Tranh của một họa sĩ chỉ biết tôi trên văn chương mà chưa từng biết mặt. Anh nhờ một bạn chung đem tặng tôi bức tranh anh vẽ tại chỗ ; anh thấy rõ chớ, chót mũi Cà-Mau, mấy cây mấm, một chiếc ghe và hòn Khoai...»

— À, một bạn ở Hậu-Giang chê anh ở chỗ các lời đối thoại không phải giọng dân miền dưới.

Anh cười :

— Tôi xin nhận. Tôi là dân miền Đông, lại chưa sống ở miền Tây, nên có chỗ sơ xuất ấy. Độc giả còn trách gì về tôi ?

— Họ muốn biết nhiều điều lắm, nhưng tôi chỉ lập lại một điều thôi. Vì làm rộn anh đã quá nhiều rồi. Họ muốn biết anh làm sao mà viết được nhiều thế. Mà trong cái nhiều ấy, có lắm cái hay. Chớ bằng nhiều mà dở thì chắc họ không muốn biết làm gì.

— Lúc đầu, tôi viết khi nào có hứng, cũng như tất cả các bạn mới vào nghề,

Nhưng rồi phần thì nghề nghiệp bắt buộc, phần thì tôi nghe lời khuyên của những nhà văn nổi tiếng Âu Mỹ, và nhất là của anh Nhất-Linh, cứ ngồi vào bàn viết, viết, húng sẽ đến sau. Nên từ mười hai năm nay, tôi tự ghép mình vào một kỉ luật : mỗi ngày, phải viết, đều đều viết cho xong một số trang nhất định. Đau ốm hay bận việc đặc biệt mà chẳng thể gởi gì cho trang giấy trắng, là anh thấy bút rút như đã phụ phàng ai.

Tôi bỗng hỏi anh :

— Quê hương anh chắc cũng ảnh hưởng khá nhiều đến nghiệp văn của anh chứ ?

Anh không trả lời mà hỏi lại tôi :

— Anh thấy Tân-Uyên của tôi ra sao mà hỏi tôi câu đó.

— Đất nước nơi mình sanh trưởng cũng dự ít nhiều vào sự cấu tạo tánh tình và chí hướng của mình. Tân-Uyên của anh xinh xinh với nước mát, rừng xanh, đồi con, suối nhỏ, lại có cái gì hùng vĩ... Và cái vùng ở hữu ngạn con sông Đồng-Nai này đã sản xuất một Huỳnh-Văn-Nghệ vừa đánh giặc vừa làm thơ, một Lý-Văn-Sâm, một Bình-Nguyên Lộc...

— Anh bảo quê hương tôi xinh xắn, tôi nhận, còn hùng vĩ, thì tôi chẳng biết sao. Nhưng có điều đáng nói, là quê hương tôi nầy sanh những nhân vật quá độ. Đánh giặc nổi danh, anh biết ai rồi. Học giỏi có hạng trong toàn quốc thời trước 45, anh cũng rõ. Lại còn X, kinh doanh số một, và Y, Việt gian chẳng thua ai ! Thật là thượng vàng hạ cám, quê hương tôi đều có « đủ mặt bá quan »!

Anh tủm tỉm cười, rồi cho tôi biết một điều ngộ ngộ : quê hương anh ngày xưa là nơi « buôn Mọi » và lắm đồng bào « Thượng » phải chịu đời đời kiếp kiếp làm thân tôi mọi. Nhưng rồi có phong trào tự động phóng nô. Một người nô nọ chẳng những được tự do mà còn được chủ vui lòng gả con gái cho. Người trai mang hai dòng máu ra đời tại đất Tân-Uyên do cuộc hôn nhân hi hữu ấy giờ đã tạo ra một thể hệ thứ ba mà thể hệ này lại là thi sĩ, thi sĩ ấy không hề giấu giếm gốc tích mình mà lại còn hãnh diện nữa là khác. Tôi có dịp xem những bài thơ của người bạn trẻ này. Chưa có gì nổi bật, nhưng mà hứa hẹn nhiều.

Hai tiếng hứa hẹn anh nói với một giọng đặc biệt làm tôi nhớ đến lời giới thiệu Nguyễn-Hoàng-Tư của anh Văn Nam — một bạn không làm văn chương nhưng rất sành trong việc thưởng thức văn nghệ — trên báo Thanh niên », hai mươi một năm về trước :

« Với một tấm lòng tha thiết, một hồn thơ dồi dào, và một hơi văn mãnh liệt, Nguyễn-Hoàng-Tư hứa hẹn rất nhiều. »

Nhưng người bạn trẻ hăng say này, một trong những thủ lĩnh của Thanh-niên Tiền phong, đã bị Pháp bắt trong những ngày đầu cuộc kháng chiến, bị tra tấn đến phải bỏ mình, khi tuổi chưa quá 25, các bản thảo về thơ và kịch đều không còn dấu vết. Tôi nói :

— Phải chi hồi đó, anh em cho đăng luôn toàn vở kịch « Thái tử Đan » của Tư, thì ít nhất chúng ta còn một cái gì trọn vẹn của người bạn mà anh Văn-Nam tin rằng « sẽ là kịch giả của nước Việt ».

Anh thở dài: « Có ai lúc đó ngờ rằng Tư sẽ chết trẻ như vậy... »

Tôi cũng thở dài:

— Với Tư, anh đã có một truyện ngắn, anh Lê-Thương đã, phổ nhạc một bài thơ của anh ấy. Riêng tôi định gom góp tài liệu để viết hay nói gì về Tư, mà nợ tình thần ấy, vẫn chưa trả được.

Rồi tôi cho anh hay tôi có nhận được một bức thư nhỏ của một người bạn nhạc sĩ hiện ở phương trời xa, cũng là người cộng tác với « Thanh-Niên ». Bạn này nhắc lại thời anh em xúm xít quanh tờ « Thanh-Niên » và hỏi thăm ai còn ai mất. Anh nheo nheo đôi mắt:

— Anh đề tôi tính coi. Nguyễn-Hoàng-Tư bị thực dân Pháp giết, Lâm-Thao Huỳnh-Văn-Phương bị Cộng sản thủ tiêu, Bằng-Vân Nguyễn-Xuân-Thảo bị Việt Minh hại. Vị chi là...

— Bồn. Anh quên Dương-Tử-Giang, chết dưới làn đạn của Quốc gia trong khi vượt ngục.

— A ! *Dương-Tử-Giang* đầu... những bạn hiện ở thế giới bên kia, ta chẳng nói làm gì, hiện còn ở đây, chỉ có anh Thu-Giang, anh Xuân-Việt, anh và tôi. Bồn mống !

Anh im lặng, chẳng biết anh nghĩ chi, còn tôi, tôi nhớ thêm một người đã bị thủ tiêu. Anh không phải là người trong nhóm, nhưng mến « Thanh-Niên » mà viết bài cộng tác cho mấy số sau cùng. Một bạn trẻ có viết thư góp ý kiến với anh nhân bài anh sắp đăng: « Đề cho người Việt phương Nam phân biệt Hối, Ngã ». Anh em thấy

cần đưa thư ấy cho anh xem trước khi đăng bài anh. Gửi theo đường bưu điện thì lâu tôi bèn lãnh việc mang bài đến nơi anh bị giam lỏng. Tôi đi bằng xe đạp ; lần đầu tôi đến Tân-Uyên và đó là lần đầu, mà cũng là lần cuối, tôi gặp tác giả bài thơ « *Ra đi không hẹn được ngày về...* »

Có tiếng thở dài. Tôi nhìn đồng hồ, quá mười hai giờ rưỡi. Tôi mượn anh đôi tấm ảnh để in với bài. Anh vừa giờ tập ảnh gia đình thì đèn vụt tắt. Anh sờ soạng vào nhà trong, bật một que diêm. Anh lấy một cây nến trên bàn thờ, trao tôi cầm, rồi đốt.

Và dưới ánh sáng chập chờn ấy, chúng tôi cùng chọn đôi cái bóng ghi lại chút vang của đôi thời.

19-2-65

NGUYỄN-NGU-Í

PHỤ

Bình-Nguyên-Lộc và Sơn-Nam, hai nhà văn tiêu biểu của miền Nam hôm nay, có nhiều điểm giống nhau : cùng sống về báo hằng ngày, cùng nổi tiếng về truyện ngắn, và giới phê bình cho là cả hai thành công về truyện ngắn hơn là về truyện dài, cả hai chuyên sáng tác mà cũng thích khảo cứu. Nhưng có một điểm giống nhau mà người ngoài ít để ý là cả hai thỉnh thoảng cũng « làm tội » nàng Thơ.

Bình-Nguyên-Lộc « yêu nhất » bài « *Dâng má thương* » dùng làm tựa cho tập sưu khảo *Thơ ngời Đồng-Nai* (tức tập Cao dao miền Nam), đã đăng trong số Bách-Khoa đặc biệt kỷ niệm đệ nhị

SINH HOẠT

Một cuốn hồi ký của Ehrenbourg

GÀ N đây, ở các nước, có những tập hồi ký, tự truyện gây dư luận.

Lúc thi sĩ trẻ tuổi của Nga xô — Evtouchenkov — đi thăm các nước Âu châu, ông ta có viết cho một tờ báo Pháp một cuốn tự truyện dịch đăng dần. Tự truyện có nhiều đoạn hớ hênh, Evtouchenkov bị bắt tội tờ báo Pháp bị kêu là xuyên tạc v.v... xảy ra lời qua tiếng lại, sự việc trở thành ồn ào một độ.

Chữ nghĩa (Les mots), cuốn sách gây sôi nổi ở Pháp trong một năm qua, cuốn sách được nhiều kẻ xem như kiệt phẩm của J P. Sartre, cũng là tự truyện.

Tác phẩm của Ilya Ehrenbourg mà chúng ta đang nói đây cũng lại là hồi ký, và cũng đã từng gây ra lắm việc ở Nga xô. Số là sau khi *Kroutchev* chủ trương một đường lối văn nghệ tương đối tự do, lợi dụng cơ hội ấy Ehrenbourg tiết lộ một số những điều tai nghe mắt thấy trong đời mình mà từ

trước đến giờ không tiện nói. Ehrenbourg có tiếng là người khôn ngoan, khéo léo, ông ta tuổi tác trên bảy mươi rồi ; vả lại là người từng sống dưới chế độ độc tài Staline, trải qua bao nhiêu là cuộc thanh trừng sát hại mà vẫn thoát được, vẫn giữ được danh vọng, địa vị, thì đâu phải là kẻ dễ bị lừa vì một chủ trương tạm thời của giai đoạn đề đến nổi lâm nguy. Đề tựa bản dịch Pháp văn của cuốn *Năm tháng với người đời (Les années et les hommes)* (1), một người bạn của ông ta là Emmanuel d'Astier vừa mở đầu đã nói ngay tới thái độ dè dặt của Ehrenbourg : « Chưa đến lúc mà người ta có thể hiểu hết và nói hết tất cả ». Chỉ nên suy đoán qua những « im lặng giữa đôi giòng chữ ». Ấy, chi tiết lộ mập mờ như vậy thôi mà Ehrenbourg đã đụng chạm đến giới lãnh tụ ở Cẩm linh và bị đá kích nặng nề. Ngay ở những giòng đầu tiên của tác phẩm, Ehrenbourg đã viết cái

(1) Gallimard 1962.

câu chưa chát sau này bị suy diễn một cách rất bất lợi cho ông ta : « Tôi cũng sống sót được, không phải là vì tôi có thể lực hay tôi tài giỏi gì hơn những kẻ khác, nhưng bởi vì có những thời kỳ mà số phận của một con người không có tí gì giống như một ván cờ chơi có luật lệ hẳn hoi, mà lại giống như một lối xỏ số vậy ».

Nhưng ý nghĩa và tác dụng chính trị của tác phẩm chúng ta đã một lần đề cập đến ngay trên tạp chí này rồi (2). Và lại, cùng với ngày tháng trôi qua, những vấn đề mà nó tiết lộ, nó nêu lên đến nay đã nguôi ngoai. Bây giờ chúng ta hãy chú ý, ở tác phẩm ấy, vào những khía cạnh khác.

Trong cuốn hồi ký này, Ehrenbourg không phải cốt đem trường hợp của riêng mình ra mà nghiên cứu (như J.P. Sartre trong *Les mots*). Ehrenbourg nói đến người khác « người đời », (dĩ nhiên là dưới con mắt nhận xét của Ehrenbourg). Từ ngày cậu bé Ehrenbourg nức mắt chào đời dưới chế độ Nga hoàng, rồi vừa thành một chú oắt con chưa học hết ban Trung học đã lăn vào hoạt động cách mạng, bị kết án, rồi trốn qua Pháp, tham gia vào cái thế giới điên rồ mà hấp dẫn của những nghệ sĩ lang bạt kỳ hồ tại quán La Rotonde, rồi trở thành thi sĩ, văn sĩ, đi khắp xứ nọ xứ kia, trải qua chế độ này chế độ khác v.v... cho tới cái ngày ông ta biến thành một ông lão tuổi ngoại thất tuần : Bao nhiêu là nước chảy dưới cầu ! Cái thời kỳ lịch sử ông ta đã sống qua — hai cuộc cách mạng ở Nga, hai trận đại chiến, không kể những biến cố quan trọng tận các

SÁCH BẢO MỚI

— **Đêm Trăng Mùa Hạ** tập truyện ngắn của Lưu Nghi, Vĩnh Sinh xuất bản, do tác giả gửi tặng. Sách dày 100 trang, giá 44đ.

— **Giai Thoại Làng Nho** (tập) của Lãng Nhân do Nam Chi Tùng thư xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày trên 300 trang, gồm trên 30 giai thoại. Giá 95đ.

— **U Hoài** tập truyện của Doãn Quốc Sỹ, do Sáng Tạo xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 96 trang gồm 3 truyện ngắn, xuất bản lần thứ hai, bản quý, không đề giá.

— **Thơ Sinh Kịch** thơ của Minh Đức Hoài Trinh, do Sáng Tạo xuất bản và gửi tặng. Sách dày 130 trang bản quý, không đề giá.

— **Thơ Du Tử Lê** tập thơ của Du Tử Lê, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 70 trang, gồm trên 40 bài thơ, Giá 48đ.

quốc gia mà ông có đi đến — là một thời kỳ hãn hữu ; những nhân vật hoặc thân hoặc sơ ở khắp tứ xứ mà ông ta có dịp quen biết rất đông, có uy tín, có ảnh hưởng lớn lao trong nhiều địa hạt (quân sự, cách mạng, văn học, nghệ thuật v.v...) Về già, Ehrenbourg muốn lần hồi gợi lại hình bóng những *năm tháng* ly kỳ ấy trong đời mình và những *con người* đặc sắc mà mình từng gặp gỡ,

(2) Xem « Các chặng đường quan trọng trong văn học Nga số hiện đại » **Bách khoa** số 153, 154.

mà đến nay nhiều kẻ đã ra người thiên cổ... Đề tài của tác phẩm là như thế.

Tập đầu, (bản dịch Pháp văn) dày trên ba trăm trang, chấm dứt sau cuộc đại chiến thứ nhất. Hạ hồi hân là còn dài.

Ta tạm thử lượm lặt đây đó vài mẫu chuyện lý thú.

* *

Trước hết là bước đầu văn nghệ của một tác giả như Ehrenbourg.

Thời đó Ehrenbourg sống ở Paris, lui tới quán nghệ sĩ La Rotonde, và bắt đầu quên chuyện chính trị ở Nga, đắm mê văn chương. Hồi đó, tức là vào khoảng năm 1910. Chàng thanh niên thi sĩ này có một xấp bản thảo trong tay, mà biết rằng gửi về Nga thì không mong gì chen vai thích cánh được với các đàn anh, bèn tính chuyện tự mình in lấy ngay tại ngoại quốc. Chàng ta tới một nhà in ở đường Francs-Bourgeois hỏi thăm giá in. Ông chủ tính toán rồi tuyên bố : In hai trăm cuốn tốn một trăm rưởi Francs. Tác giả liền phản đối : Làm gì in tới hai trăm cuốn ! Hãy tính một trăm cuốn đủ rồi. Ông chủ bót cho được hăm lăm đồng phật lảng.

Mỗi tháng nhà thơ được gia đình gửi cho độ 133 fr. Ngoài tiền ăn, tiền ở, cà-phê cà pháo ra, còn phải mua hoa tới thăm bạn gái nữa. Bởi vậy đành dự mãi mới in được tác phẩm, đặt tên là *Thơ* (*Poésies*).

Ôm một trăm cuốn sách về nhà trọ, tác giả gửi đi 50 cuốn cho phát hành, còn 50 cuốn thì gửi tặng các bậc tiền bối cao danh. Kết quả : Về tiền bạc, bán được 16 cuốn ; về danh tiếng, một câu

khen ngợi của Brussov (bà mẹ của Ehrenbourg đọc được câu đó vội vã đánh điện từ Nga sang Pháp chia mừng với con).

“Được khuyến khích” như thế, Ehrenbourg vững lòng in nhiều tập thơ nữa. Mấy năm sau, cuốn *Cuộc sống hằng ngày* (*Vie de tous les jours*) phát hành ở Moscou, bán được 40 cuốn.

Mấy năm nay, giới văn nghệ ở xứ ta thường kêu ca rằng thời buổi này khó khăn, sách vở bán khó, trở ngại cho sự tiến thân của các mầm non, của thể hệ mới. Câu chuyện của Ehrenbourg hẳn cũng an ủi các mầm non được ít nhiều.

* *

Sau này, khi Ehrenbourg đã danh vang bốn bề rồi, một hôm ông ta được hội Văn bút nước Anh mời dự tiệc, với tư cách là khách danh dự.

Chủ tịch hội văn bút là văn hào Galsworthy tiếp Ehrenbourg rất là niềm nở, sẵn đón, và tuyên bố rằng các văn sĩ nước Anh rất lấy làm sung sướng được đón tiếp một... nhà đàn cảnh lỗi lạc nước Áo !

Có gì đâu : Ở nước Áo quả có một nhà đàn cảnh lỗi lạc thật, tên là Pabst, vừa thực hiện một cuốn phim dựa theo cốt truyện *Mối tình của Jeanne Ney* của Ehrenbourg).

Ehrenbourg cay cú lắm, mà không tiện cải chính. Lúc ngồi vào bàn, thì thực khách ngồi bên cạnh ông ta là một nữ sĩ người Anh hiếu khách. Bà ta luôn mồm gợi chuyện, nói về chủ nghĩa lãng mạn trong văn chương Áo. Rốt cuộc, Ehrenbourg đành mở miệng cải chính :

Ông là người Nga. Nữ sĩ liền bảo rằng bà có cảm tình với nước Nga nhiều lắm, nhưng bà băn khoăn không biết bọn Cộng sản Nga chúng nó bắt cóc tướng Koutépoff đang ở Paris đi đâu, chúng nó làm gì ông ta? Ehrenbourg nói: « Bà không biết sao? Chúng nó xơi mất ông rồi mà ».

Ehrenbourg còn phát câu nhiều lần về chuyện Âu châu không biết rõ nước Nga của ông ta: Nào một văn sĩ Pháp lầm lẫn Alexei Tolstoi với Léon Tolstoi, nào phóng viên Pháp lẫn lộn về cái chết của Dostoivski v.v... Nhưng ai chịu trách nhiệm về những chuyện đó? Ehrenbourg có vẻ trách cứ Tây phương không chịu hiểu Nga sô. Nhưng những trở lực như bức màn sắt, như bờ tường Bá linh v.v... đâu có phải do Tây-phương xây dựng!

..

Đoạn đời mà Ehrenbourg thuật lại trong cuốn thứ nhất của bộ hồi ký này, trung tâm của đoạn đời ấy có lẽ là tại quán La Rotonde. Ông ta sáng tác ở đó, hàng ngày la cà ở đó, bao nhiêu bạn bè quen biết sâu này thành ra chí thân của ông ta đều gặp nhau ở đó. Đó có thể gọi là một thứ trung tâm văn nghệ

quốc tế, đặt tại Paris. Tại đây, hồi trước cuộc thế chiến thứ nhất, ngày ngày người ta gặp mặt Guillaume Apollinaire, Blaise Cendrars, Jean Cocteau, Fernand Léger, André L'hôte, Elie Faure, Picasso, Modigliani, Diégo Rivera, Chagall, Gottlieb, Zak, Foujita v.v... Đủ bộ môn: thi sĩ, văn sĩ, phê bình gia, họa sĩ, nhạc sĩ, điêu khắc gia, ký giả v.v... Đủ quốc tịch: Pháp, Anh, Nga, Mỹ, Ý, Tây ban nha, Mễ tây cơ, Nhật bản, Ba lan v.v... Tất cả họ chỉ giống nhau vài điểm: Say mê nghệ thuật và túng thiếu. (Thường họ chỉ đến đây lúc "tiềm long", đến khi nổi danh, sang trọng, họ tách rời ra xây dựng một đời sống khác).

Tại La Rotonde có những anh chàng lúc nào cũng sợ hãi, rụt rè, ngồi lơ mơ như ngủ, râu tóc không hớt, không cạo, bàn thủ hồi hám, và... đói, như họa sĩ Soutine. Có những cô kiểu mẫu cứ giữ thói quen nghề nghiệp: thoát y! Có những nữ họa sĩ bỗng nhiên mang đến gửi tạm cho một ông bạn văn sĩ bỗng giúp cho đứa con đẻ đi mua điều thuốc, rồi đi thẳng luôn (vì không tiền nuôi đứa nhỏ). Lại có nhà họa sĩ lúc hứng chỉ kêu Cognac uống liên tiếp, vừa uống vừa đọc báo, lúc tờ báo rơi xuống thì cảnh sát chạy tới lập biên bản vì họa sĩ

ĐÍNH CHÁNH

B.K. 196, bài "Sống và viết với Bình Nguyên Lộc"

- trang 77, cột 2, dòng 28-29, xin đọc: « Nhưng rồi mình lại lọt vào cái **thế** phải về ».
- trang 78, cột 2, dòng 2d, xin, đọc: « Tác phẩm **kể** cũng chịu chung **một số phận như** tác phẩm đầu, nhưng... »
- trang 79, cột 1, dòng 10: « nó sẽ **dày gần** ngàn trang »
- trang 84, cột 2, dòng 25: « **Tân** liêu trai và **Kí** thác ».

đã chết ngồi từ lúc nào. Lại còn có những anh thỉnh thoảng đứng dậy xách chân bàn vung lên, tuyên bố đã đến lúc cần phải hạ sát tất cả mọi người, vì đời đáng chán lắm. Thế rồi cơn ngông dục xuống, anh chàng bỏ chân bàn, mời ai nấy uống rượu chúc mừng cuộc đời... số hai !

Mọi người tha hồ ngồi tán dóc, xây những giấc mơ nghệ thuật, tranh luận bắt bớ với nhau, cãi cọ nhau v.v..., như thế suốt ngày. Tối hai giờ khuya, quán đóng cửa nghỉ một giờ. Đèn tắt, cửa đóng (Tuy vậy, những khách hàng lâu năm, hạnh kiểm tốt, được chủ quán cho phép ở lại mấy người, tìm một góc phòng nào đó nghỉ tạm). Tối ba giờ khuya, quán lại mở cửa : nghệ sĩ lại lũ lượt kéo tới đầu hót nhấm nháp.

Chủ quán ấy là một người to béo, xuề xòa, tên Libion. Mở quán cà-phê là công chuyện làm ăn của ông ta, không dính líu gì tới nghệ thuật (Trong phòng riêng, ông ta treo vài bức hình phong cảnh, và rất kỳ tranh của Modigliani chẳng hạn). Thoạt tiên, thấy hạng khách rủ nhau kéo tới ngôi quán của mình có vẻ đặc biệt, khó hiểu, kỳ quặc, ông ta ngạc nhiên, khó chịu. Nhưng dần dần quen đi. Sau này, nghe đồn rằng có vài kẻ trong đám khách này ấy bỗng nổi danh lừng lẫy ở đâu đó, bên Tây Ban Nha, bên Mỹ v.v..., trở nên giàu sang vô kể, ông ta lấy làm thú. Tuy nhiên, ông không thích phiêu lưu mạo hiểm : ông có biết những họa sĩ khách hàng của ông vẽ tranh mỗi bức bán tới bạc vạn, thế nhưng khi Modigliani hết tiền uống rượu

mang mỗi bức vẽ tới trị giá 10 fr., thì Libion lắc đầu. Mua như thế có vẻ như mua vé số ! Thỉnh thoảng vì lòng tốt ông ta mới nhận cho một bức. Cũng như vì lòng tốt, thỉnh thoảng ông xem tướng khách hàng nghệ sĩ, thấy có anh nào trông bộ cần đàn bà, ông ta gọi đến ứng hộ 5 fr. và bảo đi tìm gái cho gấp.

Sau cuộc cách mạng 1917, nhiều phần tử lưu vong chính trị của Nga trên đất Pháp, tụ tập ở quán La Rotonde. Quán thành ra một địa điểm khả nghi, bị nhà chức trách theo dõi, làm khó dễ. Chủ bị lộ, nhường ngôi quán cho người khác, tự mình đi tìm chỗ khác làm ăn. Nhưng lúc bảy giờ Libion mới nhận thấy mình thăm cái chất nghệ sĩ vào người lúc nào không hay : vắng bóng nghệ sĩ ông ta chịu không nổi, nên thỉnh thoảng lại thơ thẩn buồn tình tới ngôi quán cũ của mình trước kia, ngồi chung trà trộn với anh em. Sau đó, khi Libion chết, nhiều thi sĩ, văn sĩ nổi tiếng (vốn là khách hàng cũ) đi đưa đám ông ta.

Thân thể Libion có phần nào giống cuộc đời chú khách Phùng-văn-Trô trong *Tàn đèn dầu lạc* của Nguyễn Tuân. Nhưng Ehrenbourg thì nói đến những ngày hoang dại của tuổi trẻ với giọng tiếc rẻ, nâng niu ; còn Nguyễn Tuân mới tí-toe nhập làng « cách mạng » đã đòi đốt hết quá khứ, chửi rửa ồm tòi !

..

Bây giờ điếm qua vài mặt quen biết của Ehrenbourg ở quán La Rotonde.

Modigliani là họa sĩ có cuộc sống « nên thơ » nhất, giống với cuộc sống nghệ sĩ trong các cuốn tiểu thuyết nhất. Người

thì vốn rất đẹp trai, nhưng vì túng đói quá, say sưa quá nên ít có dịp phô bày được cái đẹp. Uống rượu ở La Rotonde, thiếu tiền, mang tranh tới thế; mua thịt ở quán Rosalie cũng lại mang tranh tới nằn nì. Bà Rosalie nhìn những bức vẽ của Modi, thờ dài thườn thượt náo lòng, « lạy Chúa ! »... Nhưng rốt cuộc không đành lòng, ông quán rượu cũng như bà quán thịt cũng phải miễn cưỡng thu nhận một ít bức vẽ kỳ dị ấy.

Khi Modigliani chết rồi, sau này có những bức vẽ chút xiu của ông ấy bán đấu giá ở Mỹ được 100 nghìn mỹ kim. Thế mà trọn đời của Modi chắc chắn không xài tới một phần tư món tiền ấy.

Trong đời Modigliani mê vẽ, khoái thơ và ham nói chuyện sấm tiên tri của Nostradamus Ehrenbourg bảo rằng ông ta chưa từng gặp họa sĩ nào đọc nhiều sách, thuộc nhiều thơ như Modi. Nói chuyện với Modi một lúc, thế nào cũng bị nghe thơ Dante : Họa sĩ đọc thao thao từng đoạn dài. Còn Nostradamus thì — theo Modi — đã tiên tri được tất cả : cuộc cách mạng Pháp, sự xuất hiện của Napoléon, sự thống nhất nước Ý, sự phát minh ra phi cơ v.v... Và rồi, sẽ còn nhiều chuyện kỳ kỳ sẽ xảy ra trên thế giới nữa, cứ đọc sấm Nostradamus thì biết. Và Modi liền đọc ! Cứ mỗi lần báo chí đăng tin ở đâu đó xảy ra một biến cố nào, cuộc cách mạng bên Nga, cuộc gây chiến của Đức v.v... tức thì Modi chạy tới tìm bạn bè, hỏi hỏ, kêu rằng Nostradamus đã tiên đoán biến cố ấy rồi.

SÁCH BÁO MỚI

— **Truyện hay** tuyển tập truyện ngắn của Bộ Thông Tin xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 90 trg, gồm 10 truyện ngắn chọn lọc của 10 nhà văn ở các thể hệ và văn phái khác nhau, không đề giá bán.

— **Mẹ Việt Nam** tập trường ca của Phạm Duy do Phủ đặc ủy chiêu hồi ấn hành và tác giả gửi tặng. Sách dày 126 trang có nhạc và lời bản trường ca của Phạm Duy cùng bản dịch ra Anh, Pháp ngữ của Phạm Duy Nhượng, bìa do họa sĩ Duy Thanh trình bày.

— **Đôi Cánh Gãy Của Thiên Thần** tập truyện của Vĩnh Lộc, Sáng Tạo xuất bản và gửi tặng. Sách gồm 8 truyện, dày 142 trang, bản quý không đề giá bán.

— **Những Trận Động Đất** tập thơ của Trần Vĩnh Lữ gồm 38 bài thơ, dày 62 trang, giá 40đ.

— **Mái Nhà Thơ** tập truyện của Lê Vĩnh Hòa, do Phù Sa xuất bản và gửi tặng. Sách gồm 16 truyện, dày 120 trang giá bán 30đ.

Những lúc tươi tỉnh, Modi cạo râu, xoắn lại áo quần, trông bảnh bao ra phết, ăn nói nhã nhặn, lễ độ, dễ thương. Nhưng có những hôm ông ta buồn bã, tuyệt vọng, cúi kinh như điên. Ehrenbourg đã từng chứng kiến một lần Modi dùng tay đập vào tường, cào cào vào vôi vào gạch, đập tan hết ly cốc, chén đĩa, bàn tay đầy máu me, bạn bè không ai cản ngăn nổi.

Người như thế mà gái mê như điên. Một cô Jeanne — trẻ măng như một nữ sinh — tới La Rotonde nói chuyện họa, rồi chung sống với Modigliani. Ngày Modi chết, bạn bè đưa đám không thấy bóng Jeanne. Lúc trở về nhà mới hay Jeanne đã nhào từ lầu xuống chết theo chồng, bỏ lại một đứa con thơ.

oOo

Một nhân vật độc đáo nữa là Picasso. Trong những bức tranh lập thể của ông, người ta tự hỏi về liên quan của nó với thực tại. Ehrenbourg thuật lại vài mẩu chuyện về vấn đề « kiểu mẫu » đối với Picasso. Năm 1950, tại Tiệp-Khắc, Ehrenbourg gặp được một ông già chơi tranh cho nhà văn xem độ mười bức vẽ Picasso mua được từ lâu lắm và một quả táo nhẵn nhéo, khô khốc. Đó chính là quả táo đã làm mẫu cho những bức tĩnh vật nọ, ông già đã cố ý nài xin làm kỷ niệm. Lại một lần nữa, ở Vallauris, một cô gái Mỹ ngồi làm mẫu cho Picasso vẽ luôn mười bức chân

dung. Bức đầu tiên thì giống hệt, bức thứ hai bắt đầu khác, đến bức chót thì như là chân dung một quái vật. Cái nhìn của Picasso chiếu vào thực tại nó phân tích nó biến cái thực tại theo một quá trình như vậy.

Tại xưởng vẽ của ông ta hồi 1915 ở đường Schoelcher, Ehrenbourg bước vào không biết đặt bàn chân vào đâu. La liệt khắp nơi : tranh, toile, giấy kẽm mảnh gỗ, trên vải, mảnh bìa, trên giấy, trên gỗ, trên vải, trên mặt ghế, chân ghế, trên v.v... ông ta hoạt động quá, thèm vẽ quá, lúc nào cũng cần vẽ, không lấy đâu ra đủ diện tích cho ông bôi màu nên bạ đâu ông hạ bút đó.

oOo

Ấy những người, những chuyện như thế lần lượt biểu diễn qua trên hơn ba trăm trang sách.

Ở đây chưa có chế độ Sô Viết, chưa có Staline, chưa có công an mật vụ Cộng sản.

TRÀNG-THIÊN

15 NGÀY tin tức trong nước

● Quốc-dân Đại-Hội :

Cuộc bầu cử đại biểu vào Quốc-dân Đại-hội trước kia định vào ngày 21-3 nay sẽ « đình chỉ cho đến khi có lệnh mới ».

● Ngoại-giao :

Hội nghị các Trưởng-nhiệm sở ngoại-giao V.N. được khai mạc ngày 9-3 tại Saigon và nhóm họp trong một tuần. « Ngành ngoại-giao không thể dùng làm phương tiện để trả ân báo oán đối với một số nhân vật chính trị... Chúng ta chỉ có một phương pháp duy nhất là cách mạng ». Lời Thủ tướng Phan-Huy-Quát.

● *Chiến-tranh :*

— 22-2 : 5 tổ cố định của Ủy-Hội Quốc-tế (đặt tại Đồng Hới, Vinh, Hải-Phòng, Hòn Gay và Lao Káy) đã rút về Hanoi, đề rời khỏi Bắc Việt theo lời yêu cầu của nhà cầm quyền Hà nội.

— 25-2 : 600 trong tổng số 2000 binh sĩ Đại Hàn của chiến đoàn đặc nhiệm tới Saigon, hưởng ứng lời kêu gọi ngày 15-7-64 của Chánh phủ V.N. Chiến đoàn đặc nhiệm Đại Hàn được giao phó nhiệm vụ củng cố công tác binh định ở hậu phương.

— 26-2 : V.N.C.H. đưa ra Hội-đồng Bảo-an L.H.Q. vụ 11 kho vũ khí, khám phá được tại Vũng Rô từ 16 đến 20-2, chứa 3.775 vũ khí do Trung-Cộng, Tiệp-Khắc, Nga và Đông Đức chế tạo cùng đạn dược, chất nổ và thuốc men.

— 27-2 : Khởi sự cuộc hành quân đại quy mô tại vùng Bình-Giả, Phước-Tuy với 7000 quân tham dự.

Một tàu chở vũ khí của V.C. nguy trang đầy cây cối, vũ trang đại bác, đã bị không-quân khám phá tại Kiến-Hòa và đánh chìm vào chiều tối.

— 2-3 : 160 phi cơ Việt Mỹ oanh tạc căn cứ hải quân Quảng Khê và kho đạn Xóm Bàng : 70 0/0 căn cứ V.C. bị phá hủy, 6 phi cơ bị hạ, 5 phi công (1 Việt, 4 Mỹ) được cứu thoát.

— 6-3 : V.C. tấn công thị xã Quảng-Trị. Ta thiệt 2 sĩ quan chỉ huy Trung đoàn và một số binh sĩ cùng vũ khí.

— 8-3 : Giao phong ác liệt tại đồn Kannack ở An-Khê từ nửa đêm đến sáng. Địch chết 100 tên tại chỗ, một số chết và bị thương mang đi được. Ta chết 30, bị thương 30.

— 7-3 và 8-3 : 3.500 Thủy quân lục chiến Mỹ đổ bộ Đà Nẵng để thay thế quân lực V.N. bảo vệ các cơ sở Mỹ và khi cần sẽ chiến đấu.

— 9-3 : Trận đánh giải vây quận lỵ Hoài-An (Bình Định) giữa thủy quân lục chiến và 2 tiểu đoàn V. C., địch bỏ lại chiến trường 63 xác chết và một số lớn chết và bị thương được mang đi.

● *Hòa-bình :*

4 giờ chiều ngày 1-3, Chánh phủ Phan-Huy-Quát mở cuộc họp báo đầu tiên, công bố bản Tuyên-cáo của chánh phủ về âm mưu vận động hòa bình giả hiệu của Cộng Sản, xác định cuộc chiến đấu của V.N.C.H. là một hành động tự vệ, do đó muốn có hòa bình thực sự « Cộng sản phải chấm dứt ngay một cuộc chiến tranh do chúng gây ra » và « V.N.C.H. không chấp nhận bất cứ một giải pháp quốc tế nào không có sự đồng tình của Chánh phủ và nhân dân V.N. ».

Cũng trong cuộc họp báo này Thủ tướng tuyên bố Chánh phủ đã cho điều tra về « Phong trào dân tộc tự quyết » và « Ủy ban vận động Hòa bình » (do (do L.s. Nguyễn-Long, B.s. Phạm-văn-Huyền, ông Đặng-văn-Kỳ tổ-chức).

Nhắc tới tổ chức trên đây, T.T. Nguyễn-Cao-Kỳ trong đêm khao quân 3-3-65, đã nói đại ý như sau : những người nói là vận động hòa bình « đã được sống yên hòa bình từ mười mấy năm nay trong khi đó thì anh em chiến sĩ chúng tôi phải chiến đấu hy sinh. Hy sinh chiến đấu trong bao năm trời, chúng tôi yêu mến khát khao hòa bình hơn họ. Mọi người đều muốn hòa bình, nhưng phải có hòa bình trong tự do ». Ngày 9-3 Hội đồng chánh phủ đã cứu xét và quyết định công bố danh sách 358 người ký tên trong kiến nghị « Ủy ban vận động Hòa-bình » khuyh cộng đề đồng bào hiểu rõ thành phần và khuyh hướng của tổ chức này và sẽ tổng xuất một số người sang bên kia vĩ tuyến 17.

Khác với tổ chức trên T.T. Thích-Quảng-Liên, thành lập một « Phong trào tranh đấu bảo vệ Hòa-Bình Hạnh phúc dân tộc », và trong cuộc họp báo ngày 8-3 T.T. đã trình bày chủ trương và Tuyên cáo của phong trào : « Quân đội chính quy và du kích, những phần tử C.S. các cấp rút về phía Bắc vĩ tuyến 17; những phần tử Quốc gia trong Mặt trận G.P.M.N. giải giới... Chính phủ hai miền Bắc Nam chấm dứt tấn công lẫn nhau Kể tiếp là giai đoạn quân đội ngoại quốc rút khỏi hai miền. Sau chót là giai đoạn thống nhất lãnh thổ bằng « giải pháp Hòa bình, Nhân đạo, và Thích ứng ».

Trả lời một cuộc phỏng vấn, T.T. Thích-Tâm-Châu cho biết là Phong trào trên đây T.T. Quảng Liên chỉ thành lập với tư cách cá nhân, không liên quan đến Viện Hóa Đạo.

● *Cương-lãnh cuộc cách-mạng toàn diện* phác họa trong bức tâm thư của Thiếu tướng Nguyễn-cai-Kỳ gửi toàn thể đồng bào và chiến hữu công bố trong buổi tiếp tân ngày 3-3-65 tại Bộ Tư lệnh không quân : Mở đầu lá thư nhắc đến hoàn cảnh đất nước và dân-tộc Việt Nam trong 80 năm nô lệ, 10 năm kháng chiến 10 năm dưới chế độ gia đình trị của họ Ngô và với cách mạng 1-11-63, toàn dân tràn trề hy vọng ! Nhưng « Sau 90 ngày, hy vọng trở thành thất vọng. 10 tháng sau, thất vọng trở thành phẫn nộ. Tất cả các vấn đề sinh tử vẫn còn nguyên vẹn. Chiến tranh ngày càng khốc liệt. Người dân miền quê sống trong kinh hoàng ngày không đủ no, đêm không an giấc. Người dân thành thị mệt mỏi ê chề. Chỉ hơn 15 tháng trời 8 lần đảo chánh, 5 lần thay đổi chính phủ. Chưa bao giờ đất nước này hỗn loạn, chia rẽ đến thế ». Do đó mà quân lực phải hành động, mở ra huyết lộ đặng toàn thể quốc dân cứu nước và dựng nước. Hoài bão của những người quân nhân trẻ tuổi lớn lao hơn việc lật đổ chế độ Diệm, tức là làm « cách mạng toàn diện, đổi mới toàn thể xã hội, dựng lên một nước V.N. hoàn toàn mới, hùng mạnh và thống nhất ».

Cuộc cách mạng toàn diện phải hoàn thành được 3 nhiệm vụ chánh yếu tiêu diệt áp bức bóc lột, thực hiện công bằng xã hội. Thực hiện Tự do dân chủ. Phát huy tinh thần yêu nước. Ba nhiệm vụ song song nói trên phải được thực hiện trên 5 chiều hướng : quân sự ; chánh trị ; hành chánh và ngoại giao ; kinh tế ;

văn hóa giáo dục ; xã hội ; với các công cuộc cách mạng quân đội, cách mạng bộ máy chánh quyền, chủ động về ngoại giao, diệt trừ kinh tai gian ác và gian-hương, đào tạo một thế hệ thanh niên mới và cách ruộng đất.

tin tức thế-giới

- « *Bạch thư* » của Bộ Ngoại giao Hoa-Kỳ công bố ngày 27-2-65 : về hoạt động điều khiển chỉ huy xâm lược miền Nam của Cộng sản Bắc-việt.
- *Hội-nghị nhân dân Đông-Dương* họp tại Nam-vang đã kết thúc ngày 8-3. (Xem bài « V N. và Hội-nghị nhân dân Đông-Dương » của Phạm-Lương-Giang sẽ đăng trên B.K.T.Đ. số tới 1-4-65).
- *Hội-nghị các nước C.S. tại Mạc-Tư-Khoa*. Trong số 25 đảng C.S. được Nga mời, chỉ có 18 đảng (kể cả Nga) có mặt hôm khai mạc 1-3-65. Những đảng không tới dự gồm có : Trung Cộng, Bắc Việt, Bắc Hàn, Nhật, Nam-Dương, Albanie, Lỗ-Mã-Ni, và Anh-Quốc. Hội-nghị không còn là Hội-nghị Cộng sản Thế giới như đã định mà chỉ là Hội-nghị tư vấn của các đảng Cộng sản và lao động (xin xem bài của Vũ-Bảo trên B.K.T.Đ. số tới)
- *Hội-nghị Hồi-giáo Á-Phi* đầu tiên khai mạc tại Bandoeng (Nam-Dương ngày 9-3-65 với 80 đại biểu đại diện 50 nước Hồi-giáo Á-Phi (Đại Mã-Lai không được mời).
- *Mâu-thuẫn Nga - Hoa* về sự đàn áp cuộc biểu tình bạo động chống Mỹ củ^a sinh viên Á-Phi (khoảng 2000 người phần lớn là sinh viên Trung-Cộng) trước Tòa Đại-sứ Hoa-Kỳ tại Mạc-Tư-Khoa ngày 4-3-65.

Sau đó Mỹ phản đối Nga về các biện pháp bảo vệ Tòa Đại-sứ Mỹ ở Mạc-Tư-Khoa không chu đáo và Trung-Cộng cũng phản đối Nga đã đàn áp các sinh viên biểu tình, trong số đó có 7 sinh viên Trung-Cộng bị thương.

Ngày 6-3 hàng ngàn sinh viên và học sinh đã biểu tình trước tòa Đại-sứ Nga tại Bắc-Kinh và ngày 7-3 Trung-Cộng trao một bức thư cho Ngoại trưởng Nga-sô đại ý như sau : « Chúng tôi không thể hiểu tại sao chánh phủ Nga lại sợ Mỹ như thế, tại sao chánh phủ của một nước Cộng-sản lại có thể đưa cảnh binh và quân lính ra đàn áp sinh viên dự một cuộc biểu tình chống Mỹ. Hành động ấy đi ngược với các nguyên tắc Mác-Lê-nin và quốc tế vô sản. Việc đó làm cho chúng tôi cảm thấy nhục nhã và xấu hổ ».

- *Phó T. T. Trung-Hoa Quốc-gia Trần-Thành* từ trần ngày 5-3-65 hưởng thọ 67 tuổi.

THẾ-NHÂN